

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN, MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 31/03/2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07/07/2020)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 383/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2020.)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Địa chỉ: Lô CN11 + CN 12, cụm CN An Đồng, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 024 32061199

Website: <http://www.anphatholdings.com>

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 1C, Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3936 6321

Fax: +84 24 3936 6318

Website: www.ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: **Phạm Thị Nguyệt**

Chức vụ: Thư ký Công ty

Điện thoại: 024 32061199

Ngày tháng năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 31/03/2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07/07/2020)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	APH
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành:	146.677.339 cổ phiếu trong đó: số lượng cổ phiếu ưu đãi là 14.114.880 cổ phiếu
Tổng số lượng đăng ký niêm yết:	132.562.459 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá:	1.325.624.590.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

- ❖ **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst and Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội**
Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
Điện thoại: +84 24 3831 5100
Website: www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

- ❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội**
Địa chỉ: 1C, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 3936 6321 Fax: +84 24 3936 6318
Website: www.ssi.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1.	Rủi ro về kinh tế	8
2.	Rủi ro về luật pháp.....	11
3.	Rủi ro đặc thù	11
3.1.	Rủi ro trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa	11
3.2.	Rủi ro trong hoạt động kinh doanh nhà xưởng, cho thuê nhà đất và hạ tầng khu công nghiệp	13
3.3.	Rủi ro trong cung cấp dịch vụ vận tải	13
4.	Rủi ro lệ thuộc nhà cung cấp.....	14
5.	Rủi ro về môi trường.....	14
6.	Rủi ro pha loãng	15
5.1	Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu	15
5.2	Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần	16
7.	Rủi ro khác.....	16
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	17
1.	Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	17
2.	Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – chi nhánh Hà Nội	17
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	18
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	20
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	20
1.1.	Thông tin chung.....	20
1.2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	21
1.3.	Quá trình tăng vốn điều lệ	24
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty	26
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	27
3.1.	Đại Hội đồng cổ đông	27
3.2.	Hội đồng quản trị.....	29
3.3.	Ban Kiểm soát	29
3.4.	Ban Tổng Giám đốc	30
3.5.	Văn phòng HĐQT	31

3.6.	Ban Tuân thủ và Kiểm soát nội bộ.....	31
3.7.	Các ban chức năng	31
4.	Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ, tỷ lệ nắm giữ) nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại (tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài: số lượng và tỷ lệ nắm giữ);	37
4.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty	38
4.2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	38
4.3.	Cơ cấu cổ đông.....	39
5.	Danh sách Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết, những Công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết	40
5.1.	Công ty mẹ của tổ chức niêm yết.....	40
5.2.	Công ty con của tổ chức niêm yết.....	40
5.3.	Công ty liên doanh, liên kết.....	48
5.4.	Cơ sở ghi nhận.....	49
6.	Hoạt động kinh doanh.....	50
6.1.	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	51
6.2.	Nguyên vật liệu	63
6.3.	Chi phí sản xuất.....	64
6.4.	Trình độ công nghệ.....	65
6.5.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	67
6.6.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	70
6.7.	Hoạt động Marketing.....	71
6.8.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	72
6.9.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	73
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	77
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	77
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo.....	80

8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	83
8.1.	Vị thế của Công ty trong ngành.....	83
8.2.	Triển vọng phát triển của ngành nhựa.....	87
8.3.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.....	90
9.	Chính sách đối với người lao động.....	92
9.1.	Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty	92
9.2.	Chính sách đối với người lao động	93
10.	Chính sách cổ tức	94
11.	Tình hình hoạt động tài chính	94
11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	94
11.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	106
12.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	108
12.1.	Hội đồng quản trị.....	108
12.2.	Ban Tổng Giám đốc	118
12.3.	Ban Kiểm soát	120
13.	Tài sản thuộc sở hữu Công ty.....	123
13.1.	Tài sản cố định	123
13.2.	Tình hình sử dụng đất đai.....	124
14.	Tình hình tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam	127
14.1.	Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018	127
14.2.	Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019	128
14.3.	Các báo cáo khác	129
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	129
15.1.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	129
15.2.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh.....	130
15.3.	Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên....	131
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	151
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	152
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu niêm yết.....	157

V.	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	158
1.	Loại cổ phiếu	158
2.	Mệnh giá.....	158
3.	Tổng số cổ phiếu niêm yết.....	158
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật	158
5.	Phương pháp tính giá.....	159
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	162
7.	Các loại thuế có liên quan.....	164
7.1	Đối với Công ty	164
7.2	Đối với nhà đầu tư.....	164
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT.....	166
VII.	PHỤ LỤC	166
1.	Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	166
2.	Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty	166
3.	Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết	166
4.	Phụ lục V: Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 và 2019; Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2020	166
5.	Các phụ lục khác.	166

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2009 - 2019	8
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm.....	9
Hình 3. Cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	27
Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	28
Hình 5. Chứng chỉ của TUV Áo chứng nhận sản phẩm thân thiện với môi trường.....	66
Hình 6. Sơ đồ công nghệ sản xuất PBAT liên tục	69
Hình 7. Sơ đồ công nghệ sản xuất PBAT của Zimmer	69
Hình 8. Sơ đồ công nghệ thu hồi sản phẩm phụ THF của Zimmer	70
Hình 9. Hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp sản xuất nhựa năm 2019 (Đơn vị tính: tỷ đồng).....	83
Hình 10. Top doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm nhựa năm 2019 (Đơn vị tính: triệu USD) ...	84

Hình 11. Lợi nhuận sau thuế các doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp năm 2019.....	85
Hình 12. Hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp vận tải năm 2019 (<i>Đơn vị tính: tỷ đồng</i>) ..	86
Hình 13. Sản lượng nhựa sinh học toàn cầu giai đoạn 2018-2024.....	88
Hình 14. Chuỗi giá trị PBAT.....	136
Hình 15. Nhóm các loại nhựa sinh học	137
Hình 16. Ứng dụng PBAT vào sản xuất sản phẩm phân hủy sinh học hoàn toàn.....	138
Hình 17. Sự phát triển nhu cầu các sản phẩm nhựa sinh học trên thế giới.....	139
Hình 18. Lợi thế liên kết đường bộ và đường biển của Hải Phòng.....	141
Hình 19. Dự kiến bố trí mặt bằng của nhà máy.....	143
Hình 20. Cơ cấu nguồn vốn dự án.....	144
Hình 21. Sơ đồ công nghệ sản xuất PBAT theo mẻ.....	145
Hình 22. Sơ đồ công nghệ sản xuất PBAT liên tục.....	146
Hình 23. Sơ đồ công nghệ sản xuất PBAT của Zimmer	148
Hình 24. Sơ đồ công nghệ thu hồi sản phẩm phụ THF của Zimmer.....	148
Hình 25. Doanh thu dự kiến của dự án (<i>Đơn vị tính: Triệu VND</i>)	149
Hình 26. Lợi nhuận dự kiến của Dự án	149
Hình 27. Dự kiến đóng góp ngân sách của Dự án.....	150

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Quá trình tăng vốn điều lệ.....	24
Bảng 2. Danh sách cổ đông lớn của Công ty tại ngày 03/07/2020.....	38
Bảng 3. Danh sách cổ đông sáng lập và cổ phiếu sở hữu tại 03/07/2020	39
Bảng 4. Cơ cấu cổ đông tại ngày 03/07/2020.....	40
Bảng 5. Cơ sở ghi nhận tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty tại các Công ty con	50
Bảng 6. Doanh thu công ty mẹ theo lĩnh vực kinh doanh	51
Bảng 7. Doanh thu hợp nhất theo lĩnh vực kinh doanh	52
Bảng 8. Sản lượng tại các nhà máy sản xuất bao bì nhựa	57
Bảng 9. Sản lượng tại các nhà máy sản xuất hạt nhựa	58
Bảng 10. Sản lượng tại các nhà máy của NHH	61
Bảng 11. Sản lượng tại các máy VIEXIM.....	61
Bảng 12. Sản lượng tại nhà máy An Trung Industries	61
Bảng 13. Chi tiết doanh thu bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	62

Bảng 14. Danh sách một số nhà cung cấp chính	63
Bảng 15. Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa.....	64
Bảng 16. Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất qua các năm.....	64
Bảng 17. Danh mục máy móc thiết bị chính trong sản xuất nhựa công nghiệp hỗ trợ	67
Bảng 18. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	74
Bảng 19. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty mẹ	77
Bảng 20. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất.....	78
Bảng 21. Tình hình lao động của Công ty	92
Bảng 22. Thời gian khấu hao của các loại tài sản	95
Bảng 23. Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước	96
Bảng 24. Tình hình dư nợ vay của Công ty Cổ phần Tập Đoàn An Phát Holdings.....	97
Bảng 25. Tổng dư nợ có tài sản bảo đảm của Công ty	100
Bảng 26. Tình hình các khoản phải thu	101
Bảng 27. Tình hình các khoản phải trả.....	102
Bảng 28. Các chỉ tiêu tài chính năm 2018 - 2019	106
Bảng 29. Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2019	123
Bảng 30. Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 31/12/2019	124
Bảng 31. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020-2021	131
Bảng 32. Các tiêu chí lựa chọn địa điểm đầu tư.....	140
Bảng 33. Dự kiến phân bổ đầu tư	143
Bảng 34. So sánh sơ bộ các công nghệ sản xuất PBAT	146

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (gọi tắt là “APH” hoặc “Công ty”) được thành lập với mục đích trở thành Công ty mẹ của một nhóm các công ty con hoạt động trong lĩnh vực cốt lõi ngành nhựa, với các hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh bao bì, linh kiện nhựa kỹ thuật cao. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings là hoạt động đầu tư và tư vấn quản lý. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

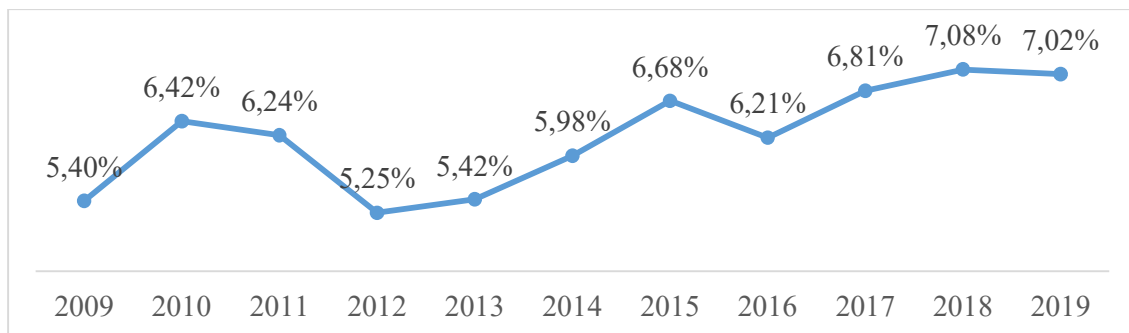
1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất... chính sách kinh tế của Chính phủ có tác động nhất định đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Trong những năm trở lại đây, nền kinh tế toàn cầu đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định .v.v. đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước chuyển mình mạnh mẽ. Những thay đổi mang tính đột phá về thể chế kinh tế giai đoạn 2016 - 2019, dù mới chỉ là bước đầu, đã có tác động tích cực đến môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings nói riêng.

Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2009 - 2019



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đã có nhiều khả quan với mức tăng trưởng lần lượt là 6,68% trong năm 2015; 6,1% trong năm 2016 và 6,81% trong năm 2017. GDP năm 2018 tăng 7,08% so với năm 2017, cao nhất trong vòng 10 năm qua. Năm 2019, GDP đạt 7,02%, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6,78% và cũng là năm thứ hai liên tiếp

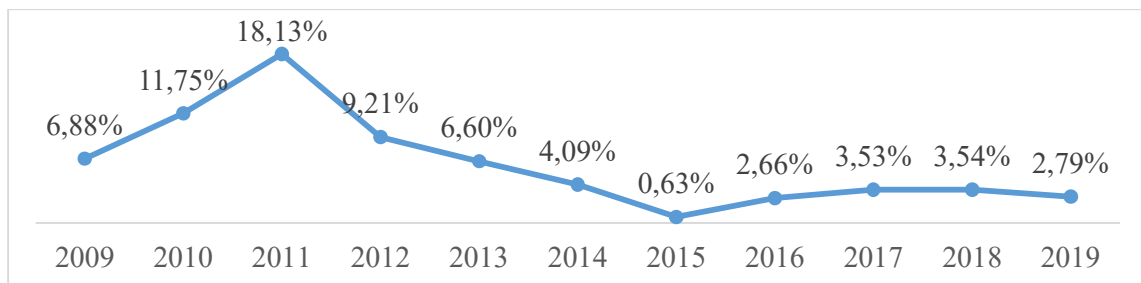
GDP tăng trưởng trên 7%. Quốc hội đã quyết nghị mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2020 là mức 6,8%.

Những tháng đầu năm 2020, dịch COVID-19 do virus Corona gây ra đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. GDP Việt Nam tăng 3,82% trong Quý I 2020, là mức tăng thấp nhất các năm giai đoạn từ 2011 – 2020. Tuy nhiên, đây vẫn là con số khả quan trong bối cảnh các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, EU lao đao trước đại dịch COVID-19, đối mặt với tình trạng suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Đặc biệt, nhờ có những biện pháp can thiệp, phòng ngừa mạnh mẽ và kịp thời của Chính Phủ, Việt Nam là một trong những nước đầu tiên mở cửa trở lại nền kinh tế, đồng thời lạc quan đón nhận dòng vốn đầu tư FDI dịch chuyển từ Trung Quốc sang các thị trường lân cận.

Tình hình lạm phát

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hoá lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

Giai đoạn 2016-2019, lạm phát bình quân của Việt Nam ở mức thấp kỷ lục trong nhiều năm qua, một phần là do ảnh hưởng của sự lao dốc của giá dầu thô. Năm 2019, chỉ số lạm phát được kiểm soát dưới mức Quốc hội giao là 4% rất nhiều, với 2,79% - mức thấp nhất trong 3 năm qua. Đầu năm 2019, với việc giá thịt lợn tăng cao, chỉ số giá tiêu dùng quý I/2020 tăng cao nhất trong 5 năm qua. Tuy nhiên, với yếu tố giá dầu giảm mạnh, Việt Nam lạc quan vẫn sẽ kiểm soát được mức lạm phát năm 2020 dưới 4%.

Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các

ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Trong những năm gần đây, lãi suất cho vay của doanh nghiệp đã trở nên bình ổn và tạo sức bật cho cả nền kinh tế hội nhập và phát triển toàn cầu. Lãi suất cho vay doanh nghiệp những năm gần đây ở mức phổ biến 7 – 8%/năm, qua đó hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung. Lãi suất thấp sẽ hỗ trợ cho Công ty trong việc giảm chi phí lãi vay, ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2020 và các năm tiếp theo.

Những bất ổn về lạm phát và lãi suất xảy ra vào những năm 2008 và 2010 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của nền kinh tế đã trở thành bài học kinh nghiệm to lớn cho Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Quan điểm nhất quán, xuyên suốt trong việc điều hành chính sách tài chính, tiền tệ hiện nay là đảm bảo ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế. Do vậy, rủi ro liên quan đến việc lãi suất tăng đột biến gây khó khăn cho nền kinh tế sẽ khó có thể tái diễn trong thời gian tới.

Dưới tác động của dịch CoVid-19, các ngân hàng đã đồng loạt hạ lãi suất trung bình từ 0,5% - 1%/năm để hỗ trợ cho doanh nghiệp và nền kinh tế.

Rủi ro về tỷ giá

Trong năm 2019, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, nhờ đó, giá trị đồng tiền Việt Nam đã có mức ổn định cao trong điều kiện nền kinh tế thế giới có nhiều biến động. Ước tính tỷ trung tâm giá cuối năm tăng khoảng 1,4% so với đầu năm, là mức dao động khá thấp. Những biến động mạnh nhất của thị trường phải kể đến tháng 6 và tháng 7 năm 2019, do tác động của các yếu tố quốc tế, nhất là việc Trung Quốc phá giá mạnh đồng Nhân dân tệ do căng thẳng thương mại leo thang, khiến tỷ giá trong nước liên tục nhảy vọt. Tuy nhiên, hoạt động của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu không mấy ảnh hưởng do NHNN đã có những động thái can thiệp kịp thời bằng những tuyên bố sẽ bán ngoại tệ dự trữ để ổn định thị trường, giúp tâm lý người dân ổn định, không mạnh tay “đầu cơ” kiếm lời từ tỷ giá. Các yếu tố chính giúp duy trì tỷ giá là cơ chế tỷ giá trung tâm và các công cụ điều tiết thị trường ngoại hối phát huy được hiệu quả hạn chế hành vi đầu cơ, găm giữ ngoại tệ. Hơn nữa, nguồn cung ngoại tệ tương đối dồi dào do vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng trưởng khả quan. Đặc biệt, hiện nay, chênh lệch giữa lãi suất VND và USD ở mức cao, dòng vốn ngoại tệ gửi ngân hàng vẫn nghiêng về nắm giữ VND.

APH cũng bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tỷ giá do nhiều nguyên liệu đầu vào hiện nay Việt Nam chưa sản xuất được, phải nhập khẩu từ nước ngoài. Tại 31/12/2019, vay nợ tài chính và các khoản phải trả người bán ngoại tệ của công ty tổng cộng hơn 2,245 tỷ đồng. Tiền và phải thu ngoại tệ của Công ty tại 31/12/2019 tương đương 425 tỷ đồng. Hiện nay, Công ty có một lượng lớn doanh thu từ doanh nghiệp nước ngoài, nhờ đó giảm thiểu tối đa các rủi ro về tỷ giá. Tuy nhiên, nếu tỷ giá tăng 1% thì công ty sẽ bị ảnh hưởng bởi khoản lỗ tỷ giá tương đương 18 tỷ (hợp nhất).

Nửa đầu năm 2020, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh CoVid-19 trên thế giới nói chung và Mỹ nói riêng, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã thông báo chương trình hỗ trợ tài chính tiếp theo nhằm cung cấp 2.300 tỷ USD hỗ trợ nền kinh tế Mỹ chống chọi với đại dịch, bao gồm: hỗ trợ tín dụng cho các doanh nghiệp nhất định với kỳ hạn vay dài đến 5 năm, đồng thời tăng mua trái phiếu được phát hành bởi chính quyền các bang đông dân hoặc chịu ảnh hưởng nghiêm trọng. Động thái này khiến hầu hết các đồng tiền hồi phục so với USD, tỷ giá USD/VND tiếp tục giảm trên cả ngân hàng và tự do.

2. Rủi ro về luật pháp

Trong quyết định số 55/2007/QĐ-TTg phê duyệt Danh mục 10 ngành công nghệ ưu tiên, mũi nhọn giai đoạn 2007 – 2010, tầm nhìn đến năm 2020, ngành nhựa cũng nằm trong danh sách các ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển. Trong quyết định số 2992/QĐ-BTC ngày 17/06/2011 về Quy hoạch tổng thể phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2035, chính phủ đặt ra kế hoạch đầu tư chi tiết, ưu tiên phát triển ngành nhựa thành ngành kinh tế mạnh. Điều này cho thấy ngành nhựa sẽ được tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hoạt động sản xuất cũng như xuất khẩu.

Việt Nam hiện là một nước đang phát triển, do đó, luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách, đặc biệt là những điều chỉnh trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa

Hiện nay Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (AAA), là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất bao bì mỏng lớn nhất Việt Nam, và Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (NHH), là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất các phụ tùng ô tô, xe máy, linh kiện điện – điện tử, hộp nhựa, pallet, khuôn mẫu. Do đó, tình hình hoạt động kinh doanh và giá cổ phiếu của APH sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều bởi những yếu tố đặc thù của ngành nhựa, cụ thể là sản xuất bao bì, linh kiện nhựa kỹ thuật công nghệ cao.

a. Rủi ro trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa bao bì và hạt nhựa

Lĩnh vực sản xuất bao bì nói chung và bao bì thân thiện với môi trường nói riêng phát triển mạnh mẽ trong sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp. Số lượng của các công ty mới xâm nhập vào ngành với sự chuẩn bị và đầu tư kỹ lưỡng không ngừng gia tăng. Tuy nhiên, sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ không lớn, vòng đời sản phẩm ngắn nên doanh nghiệp luôn

phải vận động không ngừng, tìm tòi sáng tạo nếu muốn tồn tại trong một môi trường kinh doanh khốc liệt.

Với ưu điểm sản phẩm chất lượng cao và uy tín, Công ty định hướng xuất khẩu toàn bộ sản phẩm cho các nhà phân phối nước ngoài, không phân phối tại thị trường trong nước. Hiện nay hơn 92% doanh thu của các dòng sản phẩm nhựa bao bì và hạt nhựa đến từ các thị trường nước ngoài như Châu Âu, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc...

Với trình độ công nghệ sản xuất hiện đại, sản phẩm đạt chất lượng cao và thân thiện với môi trường, và có mối quan hệ truyền thống lâu dài với các đối tác, sản phẩm của APH đã được kiểm nghiệm chất lượng tại các thị trường nước ngoài, có khả năng cạnh tranh với các nhà sản xuất từ Trung Quốc hay các nước khác.

Hiện nay, ban lãnh đạo APH đang thực hiện kế hoạch chinh phục các thị trường khó tính hơn như Mỹ và Úc. Với định hướng này, rủi ro hàng giả, hàng kém chất lượng trong nước ít ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín thương hiệu của APH. Ngoài ra, sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường của Công ty đặc biệt phù hợp với thị hiếu các nước phát triển nên có tiềm năng phát triển trong tương lai.

b. Rủi ro trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa công nghiệp hỗ trợ

Đối với ngành công nghiệp phụ trợ, chuyên sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp như các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác và các mặt hàng nhựa gia dụng như máy giặt, điều hòa, sự biến động của ngành công nghiệp chính như sản xuất ô tô, xe máy,... sẽ ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, các sản phẩm ô tô, xe máy, máy giặt, điều hòa,... là các sản phẩm thiết yếu và khi nền kinh tế càng phát triển, nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm này càng tăng cao. Bởi vậy, rủi ro về ngành nghề kinh doanh cũng không có tác động quá lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm nhựa công nghiệp hỗ trợ của Công ty.

Mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng tăng cao không chỉ với các doanh nghiệp trong nước mà còn từ phía các doanh nghiệp Trung Quốc. Nguyên nhân là các doanh nghiệp nước ngoài có xu hướng chuyển từ mua hàng từ Trung Quốc sang thị trường Việt Nam nhưng lại ép doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng mức giá rẻ như mục tiêu trước đây của họ tại Trung Quốc. Điều này gây bất lợi cho doanh nghiệp có quy mô, chuyên nghiệp, quản lý bài bản.

Trước vấn đề này, Công ty đã đang áp dụng các biện pháp khác nhau để tăng cường tính cạnh tranh có thể kể đến như áp dụng các quy trình quản trị chi phí, quản trị tài chính tiên tiến để bảo toàn lợi nhuận, tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá hay duy trì chế độ kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để nâng cao chất lượng sản phẩm.

3.2. Rủi ro trong hoạt động kinh doanh nhà xưởng, cho thuê nhà đất và hạ tầng khu công nghiệp

Hoạt động kinh doanh nhà xưởng, cho thuê nhà đất và hạ tầng khu công nghiệp cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Rủi ro trong hoạt động này có thể kể đến việc không lấp đầy hết khu công nghiệp do không đủ nhu cầu. Thêm vào đó, việc cho thuê đất trong khu công nghiệp là vận hành cả một hệ thống rất phức tạp và ảnh hưởng lớn đến đời sống của rất nhiều người. Vì vậy, rủi ro cũng có thể đến từ việc vận hành, quản lý ví dụ không đảm bảo chất lượng an toàn lao động cho lao động trong khu công nghiệp, quản lý cháy nổ, thiên tai không tốt...

Tuy nhiên, với mục tiêu thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, Tập đoàn An Phát Holdings đã thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng vô cùng hiện đại, và có công tác quản lý sát sao khu công nghiệp để hạn chế các rủi ro này. Ngoài ra khu công nghiệp của Công ty sẽ được hưởng lợi nhờ chính sách dịch chuyển nhà máy của các tập đoàn quốc tế từ Trung Quốc sang các thị trường lân cận.

3.3. Rủi ro trong cung cấp dịch vụ vận tải

Dịch vụ vận tải là một trong những mắt xích quan trọng nằm trong chuỗi cung ứng, đóng vai trò lớn trong sự phát triển kinh tế xã hội, giúp cho các hoạt động lưu thông, chuyên chở hàng hóa được thực hiện nhanh chóng, dễ dàng, đưa sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp tiếp cận đến mọi vùng miền và tận tay người tiêu dùng. Tuy nhiên, hoạt động trong cung cấp dịch vụ vận tải còn nhiều khó khăn, thiếu vắng sự đồng hành của các cơ quan chức năng.

Một trong những rủi ro đối với vận tải nội địa trong những năm gần đây là sự tăng trưởng ồ ạt về mặt phương tiện của những dịch vụ vận tải tự phát, thiếu thận trọng đầu tư, thiếu vắng tính chuyên nghiệp, tạo ra môi trường cạnh tranh không lành mạnh, khiến giá cước vận chuyển hàng hóa thị trường thấp kỷ lục.

Để giảm thiểu những rủi ro về cạnh tranh, APH tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ. Cụ thể, dịch vụ vận tải của APH có hệ thống đại lý Quốc tế, uy tín toàn cầu đảm bảo thuận lợi cho việc giao hàng, làm thủ tục hải quan, lưu kho bãi cũng như vận chuyển hàng hóa đúng thời gian, nhanh nhất và thuận tiện nhất. Công ty có văn phòng riêng cạnh sân bay quốc tế Tân sơn nhất và Nội bài đảm bảo các dịch vụ giao nhận, khai báo Hải quan và vận chuyển hàng không một cách tiện lợi nhất.. Ngoài ra, Công ty đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với các Hãng hàng không trên cơ sở dựa vào thế mạnh riêng của mỗi Hãng nhằm mang lại hiệu quả cao nhất như giá cả cạnh tranh, khả năng vận chuyển tốt đặc biệt trong mùa cao điểm.

Với nền tảng pháp nhân vững chắc, cộng với uy tín tài và chất lượng hàng đầu, APH nhận được sự ủng hộ tối đa của các đơn vị vận tải có uy tín. Với đội ngũ nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp, nhiệt tình, năng động và có trách nhiệm, có kinh nghiệm lâu năm vận tải, thông thuộc địa hình khắp các tỉnh thành trong cả nước, các rủi ro do tai nạn và rủi ro đến từ con người được giảm thiểu đến mức tối đa.

4. Rủi ro lệ thuộc nhà cung cấp

Đặc thù của ngành nhựa Việt Nam là phải nhập khẩu 80 - 90% nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm. Trong khi đó, giá nhập khẩu các loại nguyên liệu nhựa lại có sự biến động theo nhiều yếu tố như sự biến động của giá dầu, giá khí thiên nhiên và giá than đá trên thế giới, vì vậy khi có sự thay đổi của một trong những yếu tố trên sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty nhựa Việt Nam và làm giảm sức cạnh tranh của các sản phẩm nhựa Việt Nam trên thị trường nội địa cũng như trên thị trường xuất khẩu, do giá nguyên liệu thường chiếm tới 75 – 80% giá thành của sản phẩm. Trên thực tế, các doanh nghiệp thuộc ngành nhựa chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ rủi ro này, vì khi giá nguyên vật liệu đầu vào tăng nhưng các doanh nghiệp khó có thể điều chỉnh giá bán ra tăng tương ứng cùng thời điểm vì các hợp đồng ký trước với khách hàng. Việc không chủ động được nguyên liệu đầu vào là một hạn chế lớn đối với ngành nhựa Việt Nam. Các nhà sản xuất trong nước cũng thiết lập giá bán dựa trên mặt bằng bình quân giá trên thế giới vì nguyên liệu đầu vào của các nhà sản xuất cũng phải nhập khẩu. Để giảm thiểu tối đa rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào, Công ty đã đưa ra một số biện pháp như: tăng cường thiết lập mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp cũng như ký các hợp đồng mua nguyên liệu dài hạn để đảm bảo sự ổn định về số lượng cũng như về giá, tìm kiếm nhiều loại vật liệu cùng loại có tính năng tương đương để lựa chọn giá cạnh tranh. Ngoài ra, Công ty còn kiểm soát rủi ro nguyên vật liệu thông qua việc mua nguyên liệu hàng tháng tùy theo đơn hàng từ phía khách hàng đặt. Công ty không còn tích trữ hàng tồn kho nhiều như trước đây. Việc này sẽ giảm thiểu rủi ro bị lỗ, giúp Công ty kiểm soát chi phí đầu vào tốt hơn. Ngoài nguyên vật liệu chính là hạt nhựa nguyên sinh, CaCO₃ cũng là một chất phụ gia quan trọng trong cơ cấu nguyên liệu sản xuất. Công ty đã hạn chế được các rủi ro từ nguyên vật liệu do chủ động được nguồn cung cấp CaCO₃ từ nhà máy trên Yên Bái. Việc đầu tư nhà máy sản xuất nguyên vật liệu sinh học phân hủy hoàn toàn công nghệ cao tại Việt Nam cũng giúp cho Công ty tự chủ về nguồn nguyên liệu nhựa sinh học. Hiện nay, Công ty đang tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất tái chế hạt nhựa nhằm đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của Công ty cũng như cung ứng ra thị trường.

5. Rủi ro về môi trường

Là tập đoàn với nhiều doanh nghiệp sản xuất, Công ty đối mặt với rủi ro có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh qua các nguồn nước thải, chất thải trong quá trình vận hành sản xuất. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty tuân thủ hết sức nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về hoạt động bảo vệ môi trường, không để xảy ra sai phạm. Ngoài ra, Công ty còn duy trì hệ thống quản lý môi trường ISO 1400:2015 và thực hiện kiểm soát kết quả hoạt động thông qua các thông tin về điều hành, các báo cáo để đánh giá mức độ tuân thủ và tính hiệu quả về hoạt động.

Đặc biệt, với ngành nghề sản xuất nhựa, Công ty cũng đối mặt với rủi ro góp phần tăng thêm ô

nhiễm nhựa hàng năm. Vì thế, Công ty đã mang đến dòng sản phẩm AnEco sản xuất từ các vật liệu sinh học và có khả năng phân hủy 100% trong khoảng thời gian từ 6 đến 12 tháng, thay thế các sản phẩm nhựa truyền thống. Ngoài ra, Công ty cũng đang đầu tư Nhà máy sản xuất nguyên vật liệu sinh học phân hủy hoàn toàn công nghệ cao đầu tiên tại Việt Nam, nhằm giúp các thị trường nhựa sinh học Việt Nam tự chủ về nguồn nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn. Những nỗ lực này của Công ty tạo ra một xu hướng mới sử dụng nhựa sinh học, góp phần giảm thiểu tình trạng ô nhiễm nhựa.

6. Rủi ro pha loãng

Trong năm 2020, Công ty dự kiến phát hành thêm tối đa 20.000.000 cổ phiếu. Trong mọi trường hợp, giá phát hành cổ phiếu sẽ không được thấp hơn 25.000 đồng/cổ phiếu và giá trị sổ sách trên 1 cổ phần theo Báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất. Sau khi lượng cổ phiếu này được phát hành, giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định. Sự điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu được tính theo công thức:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

P: là giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng

P_{t-1} là giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng

I là tỷ lệ vốn tăng

PR là giá sẽ bán cho người mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới

Giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng P phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng P_{t-1} .

+ Nếu $P_{t-1} = PR$ thì giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng $P = P_{t-1}$.

+ Nếu $P_{t-1} < PR$, thì $P_{t-1} < P$ và P_{t-1} càng thấp thì khoảng cách $P - P_{t-1}$ càng cao.

+ Nếu $P_{t-1} > PR$ thì $P_{t-1} > P$ và P_{t-1} càng cao thì khoảng cách $P_{t-1} - P$ càng cao. Với mỗi giá P_{t-1} cụ thể ta sẽ có giá P tương ứng.

5.1 Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Số cổ phiếu lưu hành trên thị trường sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng so với cổ phiếu đang lưu hành, vì vậy thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ được điều chỉnh.

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần: số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng hoặc tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ bị giảm. Mức độ pha loãng thu nhập sẽ được khắc phục khi công ty làm ăn tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao.

5.2 Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Chỉ số giá trị sổ sách mỗi cổ phần (BVPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành} - \text{cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm sau các đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

Sáu tháng đầu năm 2020, dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp và ảnh hưởng đến hầu hết các vùng lãnh thổ và quốc gia trên thế giới, gây ra hậu quả nghiêm trọng đối với kinh tế thế giới. Dịch bệnh ảnh hưởng đến đơn hàng cũng như năng suất sản xuất của Công ty. Trong đó, vào thời gian 3 tuần đầu của tháng 04/2020, thực hiện yêu cầu giãn cách xã hội của Thủ tướng Chính phủ, một số nhà máy của Công ty thuộc nhánh công ty con Nhựa Hà Nội giảm sản lượng sản xuất do khách hàng ngưng sản xuất để thực hiện giãn cách xã hội. Dịch bệnh bùng phát ở Hàn Quốc, Nhật Bản cũng khiến một số nhà máy sản xuất ô tô, xe máy ngưng sản xuất do bị gián đoạn chuỗi cung ứng các nguyên vật liệu từ Trung Quốc. Vì vậy, doanh thu sản xuất những mặt hàng linh kiện ô tô xe máy của APH cũng bị sụt giảm ít nhiều. Tuy nhiên, sản lượng bao bì thiết yếu của nhánh công ty con An Phát Xanh vẫn duy trì ổn định sản lượng xuất khẩu. Nhờ những biện pháp mạnh mẽ, kịp thời của Chính phủ, Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên kiểm soát được hoàn toàn dịch bệnh, đưa nền kinh tế trở lại bình thường. Cùng với đó, nhờ tệp khách hàng lâu năm và ổn định, doanh thu của Công ty không bị ảnh hưởng nặng nề so với các doanh nghiệp cùng ngành trong khu vực.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Ông Phạm Ánh Dương	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Đinh Xuân Cường	Chức vụ: Tổng giám đốc – là Người đại diện theo pháp luật
Bà Phạm Thị Hoa	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Hồ Thị Hòe	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – chi nhánh Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Ngọc Anh

Chức vụ: Giám đốc Khối – Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Giấy ủy quyền số 08/2019/UQ-SSI ký ngày 03/06/2019 bởi ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“APH”)
- Điều lệ : Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua
- Vốn điều lệ : Là số vốn do tất cả các cổ đông góp
- Cổ phần : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu : Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần
- Người có liên quan : Là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;

Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;

Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;

Người quản lý doanh nghiệp;

Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thầu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Công ty/APH/ An Phát : Công ty Cổ phần Tập Đoàn An Phát Holdings
- AAA : Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- Điều lệ : Điều lệ Công ty Cổ phần Tập Đoàn An Phát Holdings
- SSI : Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
- Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTGD : Ban Tổng Giám đốc
- TSCĐ : Tài sản cố định
- Thuế TNDN : Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- ĐVT : Đơn vị tính
- CBCNV : Cán bộ, công nhân viên
- HĐ : Hợp đồng
- CBTT : Công bố thông tin
- CTTV : Công ty thành viên

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS
- Tên tiếng Anh: AN PHAT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính: Lô CN 11 + CN 12, cụm Công Nghiệp An Đồng, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: +84 243 2061199
- Website: www.anphatholdings.com
- Email: info@anphatholdings.com
- Giấy CNĐKKD: số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 31/03/2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07/07/2020.
- Tài khoản mở tại: 12010001161199
- Số tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 1
- Vốn điều lệ: 1.466.773.390.000 (Một nghìn bốn trăm sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật)	6619 (Chính)
2	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
3	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản	6820
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu, sản phẩm nhựa, hạt nhựa, bao bì nhựa; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt.	4669
5	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212

STT	Tên ngành	Mã ngành
6	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
7	Sản xuất sợi	1311
8	Sản xuất vải dệt thoi	1312
9	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
10	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
11	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
12	<p>Ghi chú:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Pháp luật và bảo đảm duy trì điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. - Đối với ngành nghề kinh doanh có mục “Ghi chú”, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh trong mục “ghi chú” đã ghi. - Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và chỉ kinh doanh các ngành nghề khi có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan cũng như các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. 	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings được thành lập vào tháng 3 năm 2017 với mục đích trở thành công ty mẹ của một nhóm các công ty con hoạt động trong lĩnh vực cốt lõi ngành nhựa, với các hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh bao bì, linh kiện nhựa kỹ thuật công nghệ cao. Hiện nay, Công ty là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh và Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, đồng thời thông qua các công ty này, sở hữu 9 công ty thành viên khác. An Phát hiện là một trong những tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nhựa công nghệ cao và thân thiện với môi trường hàng đầu tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, sở hữu hệ sinh thái doanh nghiệp bền vững.

Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings:

- Tháng 3/2017 Thành lập Công ty Cổ phần An Phát Holdings với vốn điều lệ 15 tỷ đồng.
- Tháng 5/2017 Công ty Cổ phần An Phát Holdings nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty con – Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh lên 31,9%. Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh đã niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HSX) từ tháng 11/2016, mã chứng khoán AAA. Qua việc sở hữu Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh, Công ty Cổ phần An Phát Holdings cũng sở hữu Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái, sau này là Công ty Cổ phần An Tiến Industries. Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái đã niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM vào tháng 06/2017, mã chứng khoán HII.
Tính đến tháng 12/2017, vốn điều lệ của An Phát Holdings đạt 1.100 tỷ đồng. Đồng thời nhà máy sản xuất bao bì số 6 và số 7 của công ty con - Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh đi vào hoạt động, đưa An Phát trở thành nhà sản xuất bao bì màng mỏng lớn nhất Đông Nam Á.
- Tháng 8/2018 Công ty Cổ phần An Phát Holdings đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings, vốn điều lệ được nâng lên 1.241.148.800.000 đồng.
- Tháng 9/2018 Công bố mô hình tập đoàn An Phát Holdings, đồng thời ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới, đồng bộ cho các công ty thành viên trong tập đoàn. Mô hình tập đoàn giúp An Phát hoàn thiện hệ sinh thái doanh nghiệp, gia tăng giá trị bằng việc kiểm soát chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị. Các công ty thành viên sử dụng chung một bộ nhận diện thương hiệu, thể hiện sự đồng lòng, cùng hướng đến sứ mệnh chung.
- Tháng 11/2018 Thực hiện mua 49,23% cổ phần của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội, đưa Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội trở thành thành viên của Tập đoàn An Phát Holdings. Với thế mạnh là bề dày kinh nghiệm, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội được định hướng trở thành doanh nghiệp tiên phong trong ngành công nghiệp hỗ trợ, chuyên cung cấp các sản phẩm phụ tùng ô tô, xe máy, linh kiện điện - điện tử, phụ trợ công nghiệp và khuôn mẫu chính xác cho các doanh nghiệp FDI và nhà sản xuất ô tô xe máy trong nước. Công ty hiện đang cung cấp cho Toyota Việt Nam, Honda Việt Nam, Piaggio Việt Nam, VMEP, Vinfast....

- Tháng 4/2019 Chính thức đổi tên Công ty con – từ Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát thành Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh, thể hiện rõ định hướng phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, đón đầu xu thế tiêu dùng xanh của thế giới. Các sản phẩm thân thiện với môi trường của Tập đoàn ra mắt tại thị trường nội địa dưới thương hiệu ANECO nhận được phản hồi tích cực của người tiêu dùng.
- Tháng 11/2019 Cổ phiếu NHH của Công ty con – CTCP Nhựa Hà Nội được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội lên 55,17%.
- Tháng 12/2019 Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh lên 48,08%
- Tháng 1/2020 Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings trở thành công ty đại chúng.

Có thể thấy, trong suốt hành trình phát triển của An Phát Holdings, một hệ sinh thái với chuỗi giá trị khép kín, bổ trợ lẫn nhau đã dần được hình thành:



1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Bảng 1. Quá trình tăng vốn điều lệ

Đơn vị tính: nghìn đồng

Thời điểm	Số vốn tăng thêm	VĐL sau tăng	Hình thức tăng vốn
Tháng 03/2017	15.000.000	15.000.000	Các cổ đông sáng lập góp vốn bằng tiền thành lập Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings.
	Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương Mục đích góp vốn: Góp vốn thành lập Công ty		
Tháng 06/2017	535.000.000	550.000.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Các cổ đông góp vốn bằng tiền. ⁽¹⁾
	Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương Mục đích góp vốn: Mua cổ phiếu AAA, VBC và cho AAA vay		
Tháng 08/2017	550.000.000	1.100.000.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Các cổ đông góp vốn bằng tiền.
	Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương Mục đích góp vốn: Mua chứng quyền AAA, mua cổ phiếu AAA, CTCP Sản xuất Tổng hợp An Thành, CTCP Liên Vận An Tín, mua cổ phiếu Nhựa Bao Bì Vinh (VBC) và đầu tư tài chính ngắn hạn.		
Tháng 02/2018	141.148.800	1.241.148.800	Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược. Các cổ đông góp vốn bằng tiền.
	Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương Mục đích góp vốn: Đầu tư vào các công ty con như AAA, CTCP Nhựa Bao Bì An Vinh		
Tháng 10/2018	41.794.680	1.282.943.480	Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược. Các cổ đông góp vốn bằng tiền.

Thời điểm	Số vốn tăng thêm	VĐL sau tăng	Hình thức tăng vốn
	Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương Mục đích góp vốn: Đầu tư vào công ty con AAA		
Tháng 01/2019 (2)	84.675.510	1.367.618.990	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư cản trừ công nợ.
	Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương Mục đích góp vốn: Hoán đổi khoản vay với bà Nguyễn Thị Tiệp theo các Hợp đồng vay vốn: Số 141218/APH-NTT, 011118/APH-NTT, 251018/APH-NTT, 261018/APH-NTT, 181018/APH-NTT. Những khoản vay này của bà Nguyễn Thị Tiệp trước đó được sử dụng vào việc đầu tư cổ phiếu AAA và bổ sung vốn lưu động.		
Tháng 07/2019 (2)	24.154.400	1.391.773.390	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư. Các cổ đông góp vốn bằng tiền.
	Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương Mục đích góp vốn: Bổ sung vốn kinh doanh. Cụ thể, toàn bộ vốn được sử dụng vào việc tất toán tiền vay margin tại CTCP chứng khoán Tân Việt và CTCP Chứng khoán SSI và trả tiền cọc cho CTCP Phát triển Daisen. Khoản vay margin tại các công ty chứng khoán trước đó dùng để đầu tư cổ phiếu AAA và khoản cọc của CTCP Phát triển Daisen trước đó được dùng để đầu tư cổ phiếu NHH.		
Tháng 09/2019 (2)	32.000.000	1.423.773.390	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư. Các cổ đông góp vốn bằng tiền.
	Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương Mục đích góp vốn: Bổ sung vốn kinh doanh; tái cấu trúc các khoản nợ. Cụ thể, toàn bộ vốn được sử dụng vào việc trả tiền cọc cho CTCP Phát triển Daisen. Khoản cọc CTCP Phát triển Daisen trước đó được dùng để đầu tư cổ phiếu NHH.		
Tháng 07/2020	43.000.000	1.466.773.390.000	Phát hành ra công chúng.

Thời điểm	Số vốn tăng thêm	VĐL sau tăng	Hình thức tăng vốn
	Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương Mục đích góp vốn: Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất nguyên vật liệu sinh học tự hủy.		

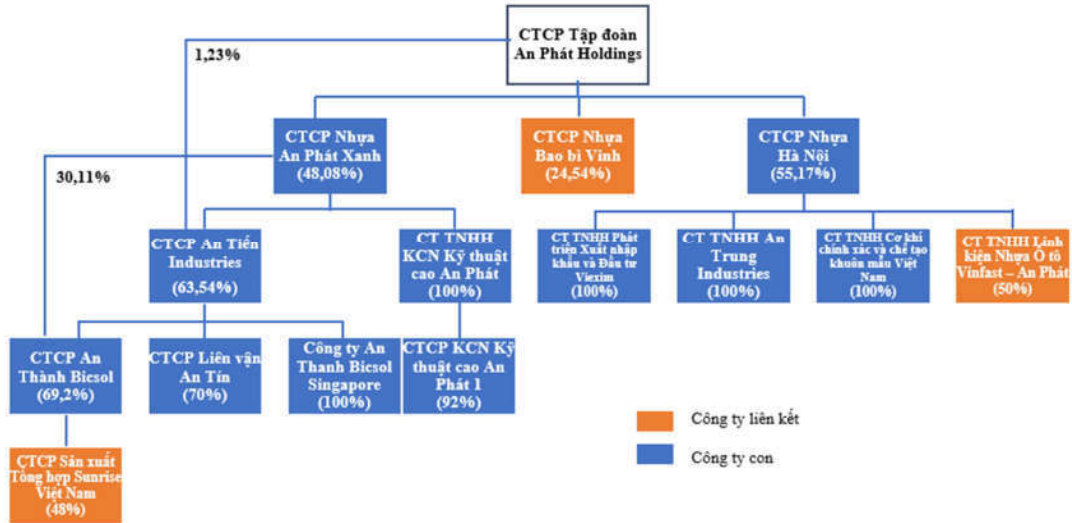
⁽¹⁾ Trong đợt tăng vốn từ 15 tỷ đồng lên 550 tỷ đồng, công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký doanh nghiệp lần thứ 2 ngày 19/06/2017. Trên thực tế, các cổ đông Công ty hoàn thành việc góp vốn vào ngày 30/06/2017. Ngày 06/01/2020, Công ty đã thông báo lại thông tin cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương theo công văn số 09/KHĐT-TTr nhắc nhở việc trên và yêu cầu Công ty khắc phục bằng việc thông báo lại các thông tin doanh nghiệp đã kê khai chưa chính xác với Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương và APH đã thông báo lại thông tin theo nhắc nhở của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

⁽²⁾ Các thông tin về sử dụng vốn các đợt tăng vốn giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 đã được trình bày và kiểm toán tại Báo cáo tình hình sử dụng vốn sau phát hành đã được kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Tập Đoàn An Phát Holdings được tổ chức và hoạt động theo mô hình tập đoàn trong đó An Phát Holdings là công ty mẹ của tập đoàn. Mô hình tổ chức này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Công ty có 11 công ty con và 4 công ty liên kết như hình sau, chi tiết các công ty được trình bày ở mục 5.2.

Hình 3. Cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings



Nguồn: APH

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

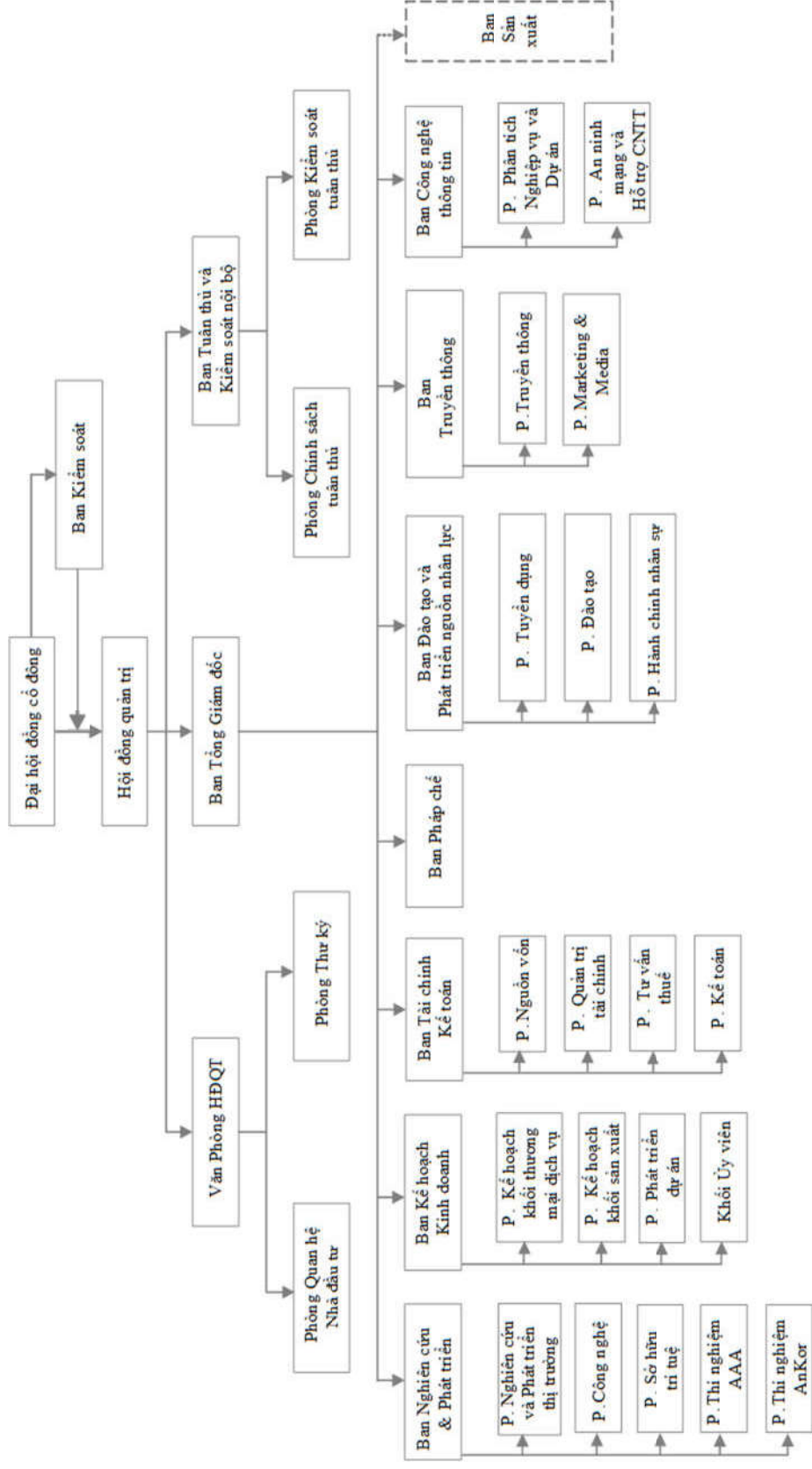
Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Tập Đoàn An Phát Holdings đang áp dụng theo mô hình của công ty cổ phần được quy định tại Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Trải qua quá trình phát triển, bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu như sau:

3.1. Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Quyết định số thành viên HĐQT;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



3.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty có 07 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------------------------|
| – Ông Phạm Ánh Dương | Chủ tịch HĐQT |
| – Ông Nguyễn Lê Trung | Phó chủ tịch HĐQT |
| – Ông Phạm Hoàng Việt | Phó chủ tịch HĐQT |
| – Ông Đinh Xuân Cường | Phó chủ tịch HĐQT điều hành |
| – Ông Phạm Đỗ Huy Cường | Thành viên HĐQT điều hành |
| – Bà Nguyễn Thị Tiệp | Thành viên HĐQT điều hành |
| – Ông Nirav Sudhir Patel | Thành viên HĐQT độc lập |

3.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay như sau:

- Bà Phạm Thị Hoa Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Thúy Nga Thành viên
- Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh Thành viên

3.4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

- Ông Đinh Xuân Cường Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Đỗ Huy Cường Phó Tổng giám đốc thường trực
- Bà Nguyễn Thị Tiệp Phó Tổng Giám đốc

3.5. Văn phòng HĐQT

Văn phòng HĐQT là đơn vị chức năng trực thuộc HĐQT bao gồm 02 bộ phận là Phòng Thư ký và Phòng Quan hệ nhà đầu tư với các chức năng chính như sau:

Chức năng của Phòng thư ký:

- Thư ký, tham mưu, giúp việc cho HĐQT Tập đoàn;
- Quản lý cổ đông và các vấn đề có liên quan;

Chức năng của Phòng Quan hệ Nhà đầu tư:

- Phân tích đầu tư;
- Quan hệ Nhà đầu tư;

3.6. Ban Tuân thủ và Kiểm soát nội bộ

Ban Tuân thủ & Kiểm soát nội bộ là đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Công ty, chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành trực tiếp của CT.HĐQT hoặc người được CT.HĐQT ủy quyền.

Ban Tuân thủ và Kiểm soát nội bộ có vai trò:

- Là đơn vị tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty, tư vấn cho các Công ty thành viên về chính sách tuân thủ, kiểm soát nội bộ trong tổ chức bộ máy, quản trị nội bộ, các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện hỗ trợ Tổng Giám đốc, các Ban trong Công ty, Công ty thành viên về việc triển khai các vấn đề tuân thủ, kiểm soát nội bộ trong triển khai các hoạt động vận hành, sản xuất, kinh doanh.
- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định nội bộ của các Ban trong Công ty, Công ty thành viên.
- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động tuân thủ, kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty.

3.7. Các ban chức năng

Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.

a. Ban nghiên cứu và phát triển (R&D)

Ban R&D là đơn vị chức năng thuộc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings, chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Ban TGD. Ban thực hiện các chức năng chính như sau:

- Tham mưu cho Ban TGD về việc nghiên cứu và phát triển công nghệ lõi, tiên tiến phục vụ mục tiêu dài hạn về đầu tư, phát triển công nghệ và cải tiến sản xuất cho các CTTV và Tập đoàn.

- Tham mưu cho Ban TGD về mức độ hiện trạng công nghệ và đề xuất các giải pháp nâng cấp công nghệ cho các nhà máy thuộc Tập đoàn.
- Tham mưu cho Ban TGD về việc nghiên cứu phát triển sản phẩm (nguyên vật liệu và sản phẩm) mới phục vụ các dự án đầu tư và cải tiến sản phẩm đang sản xuất tại các CTTV nhằm tăng hiệu quả trong sản xuất.
- Tham mưu cho Ban TGD về việc quản lý, nghiên cứu, đăng ký, mua bán các sở hữu trí tuệ, chứng chỉ, cấp phép và hồ sơ chuyển giao công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển công nghệ dài hạn cho các CTTV và Tập đoàn.
- Phụ trách đào tạo nâng cao kiến thức cho toàn bộ CBNV của các CTTV về kỹ thuật, khoa học, công nghệ và sản phẩm phục vụ nhu cầu kinh doanh sản xuất của các CTTV và Tập đoàn.
- Phụ trách xây dựng, kiểm soát hoạt động và hỗ trợ các phòng công nghệ/phòng thí nghiệm/trung tâm nghiên cứu thuộc các CTTV và Tập đoàn.

b. Ban Kế hoạch

Ban kế hoạch là đơn vị chức năng trực thuộc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings và có các chức năng chính như sau:

- Thẩm định số liệu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong tập đoàn APH: Hướng dẫn, hỗ trợ đơn vị lập kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của các đơn vị trong tập đoàn, đảm bảo các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của các đơn vị được phản ánh đầy đủ, đúng định hướng, chiến lược của Ban lãnh đạo tập đoàn trước khi trình TGD Tập đoàn phê duyệt.
- Chủ trì cùng các Ban chức năng Tập đoàn kiểm tra, đối chiếu số liệu, soát xét tính hợp lý để trình duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị. Quản lý quá trình triển khai, thực hiện kế hoạch và đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị trong Tập đoàn APH.
- Nhận biết sự chưa phù hợp trong hoạt động của Tập đoàn thông qua quá trình giám sát kế hoạch để đề xuất các giải pháp thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

c. Ban Tài chính - Kế toán

Ban Tài chính – Kế toán của Công ty có các chức năng chính sau:

Chức năng quản lý nguồn vốn

- Căn cứ vào nhu cầu vốn theo kế hoạch phát triển của Tập đoàn, tiến hành tiếp xúc, đàm phán, lên phương án huy động vốn thông qua việc phát hành thêm cổ phần, cổ phiếu,... hoặc vốn vay, nguồn vốn khác từ các doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế;

- Nghiên cứu, rà soát các khoản vay, hạn mức hiện tại của Công ty và các công ty thành viên để đưa ra các phương án giải pháp và trực tiếp tiến hành việc cơ cấu lại các khoản vay của Công ty và các công ty thành viên;
- Phối hợp với các phòng ban liên quan thực hiện thủ tục giải chấp, thế chấp cho các nhà đầu tư phục vụ nhu cầu huy động vốn của Tập đoàn

Chức năng quản trị tài chính

- Tham mưu cho Tổng giám đốc xây dựng quy định liên quan đến TCKT, phối hợp các phòng ban, xây dựng quy chế quản lý tài chính cho Tập đoàn, thẩm định quy chế quản lý tài chính tại các đơn vị thành viên. Nghiên cứu, soạn thảo, trình cấp có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn áp dụng trong toàn Hệ thống các văn bản định chế thuộc lĩnh vực tài chính, kế toán;
- Tham gia thẩm định các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, chính sách kinh doanh và đánh giá hiệu quả thực tế triển khai các dự án tại Tập đoàn;
- Báo cáo dòng tiền, báo cáo công nợ hàng tuần, báo cáo phân tích kết quả kinh doanh, báo cáo quản trị hợp nhất hàng tháng cho ban Tổng giám đốc.

Chức năng tư vấn thuế

- Lập kế hoạch thuế cho Tập đoàn. Dựa trên việc nắm bắt quan hệ kinh tế liên kết của các thành viên trong Tập đoàn, đề xuất các phương án cơ cấu doanh thu/chi phí giữa các thành viên nhằm tối ưu hóa thuế phải nộp của Tập đoàn;
- Định kỳ thực hiện việc kiểm tra, soát xét thuế cho các Công ty thành viên 6 tháng một lần để kịp thời phát hiện vấn đề và hướng dẫn đơn vị thực hiện kê khai bổ sung hoặc đề xuất phương án giải quyết nhằm tránh rủi ro phát sinh;
- Tư vấn thuế thường xuyên cho các Công ty: Đưa ra ý kiến và đề xuất cho các vấn đề thắc mắc về thuế của Công ty hoặc các vấn đề về thuế được phát hiện trong quá trình rà soát thuế định kỳ;

Chức năng Kế toán

- Tổ chức bộ máy kế toán một cách khoa học, tiết kiệm, hiệu quả;
- Làm đầu mối làm việc với các nhà đầu tư, kiểm toán, cơ quan thanh tra, thuế, hải quan, ngân hàng;
- Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; hàng quý, hàng năm lập báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho Công ty theo quy định;
- Hướng dẫn, chỉ đạo và định kỳ kiểm tra việc chấp hành chế độ kế toán, thống kê của Pháp luật và của Công ty;

d. Ban Pháp chế

Ban Pháp chế có các chức năng tham mưu cho TGD trong việc quản lý, điều hành hoạt động của APH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định nội bộ về tuân thủ pháp luật.

Nhiệm vụ của ban Pháp chế gồm có:

- Soát xét, thẩm định các dự thảo văn bản do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, TGD ban hành;
- Dự thảo, thẩm định pháp lý đối với các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu ký kết với đối tác;
- Thẩm định pháp lý các dự án đầu tư của APH và của các Công ty thành viên nếu được yêu cầu;
- Cảnh báo, phân tích rủi ro về pháp lý và đề xuất giải pháp khắc phục trong các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của APH và các Công ty thành viên;
- Triển khai các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thành lập, cơ cấu lại các Công ty, thực hiện các dự án đầu tư;
- Làm đầu mối làm việc với các cơ quan pháp luật và tham gia giải quyết các khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo hoặc trực tiếp tham gia giải quyết theo trình tự tố tụng tại các cơ quan trọng tài, tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của APH và các Công ty thành viên nếu có yêu cầu;
- Cập nhật văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến tổ chức và hoạt động của APH; tổ chức phân tích pháp lý các văn bản pháp luật quan trọng nhằm đảm bảo việc tổ chức và hoạt động của APH và các Công ty thành viên phù hợp với các quy định pháp luật;

e. Ban Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực

Chức năng nhiệm vụ của Ban Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực

Tham mưu, tư vấn, đề xuất:

- Tìm hiểu, nắm bắt, phân tích và đánh giá thị trường lao động theo địa bàn, ngành nghề, lĩnh vực, sản phẩm v.v.. để báo cáo, tham mưu Tổng Giám đốc, Ban Lãnh đạo định hướng, giải pháp phát triển nguồn nhân lực phù hợp và cạnh tranh;
- Tham mưu chương trình, kế hoạch hành động để duy trì, củng cố, tôn vinh văn hóa doanh nghiệp, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;
- Tham mưu Tổng giám đốc, Ban Lãnh đạo CTTV và bộ phận chức năng những quy định, chính sách, kế hoạch hành động liên quan đến công tác Đào tạo, Tuyển dụng và Phát triển Nguồn nhân lực nhằm mang lại lợi ích cho Tập đoàn đảm bảo không trái/vi phạm pháp luật và quy định của Tập đoàn;

- Tham mưu Ban lãnh đạo và Ban Lãnh đạo CTTV và bộ phận chức năng xây dựng mục tiêu công việc, nghiệp vụ nhân sự, kế hoạch/chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu phát triển Tập đoàn trong từng giai đoạn;
- Tham mưu, tư vấn Ban Lãnh đạo CTTV và bộ phận chức năng về thông tin, kiến thức, kỹ năng, chương trình, công cụ để quản trị công tác nhân sự tại các CTTV;
- Tham mưu tư vấn chương trình hành động nhằm phát huy sức mạnh tập thể, nâng cao trách nhiệm cá nhân, giảm thiểu rủi ro nhân sự cho tập đoàn;
- Tham mưu tư vấn các CTTV trong công tác công đoàn, đoàn thanh niên theo định hướng chung của tập đoàn;
- Tham mưu, tư vấn khen thưởng, kỷ luật lao động đối với nhân sự của các CTTV;
- Đề xuất chương trình hành động nâng cao hiệu quả, hiệu suất lao động và độ gắn bó của cán bộ nhân viên với Tập đoàn;
- Đề xuất tham mưu sử dụng nguồn nhân lực phù hợp nhằm hoạch định tối ưu hóa nguồn lực hiện có, chuẩn bị nguồn nhân lực phục vụ từng giai đoạn sản xuất kinh doanh của Tập đoàn (ngắn hạn và dài hạn);
- Tư vấn sử dụng CBNV hiện có, CBNV kế cận, CBNV tiềm năng, CBNV có kết quả làm việc tốt để sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả, tăng tính thu hút, gắn bó của CBNV đối với Tập đoàn;

Tổ chức triển khai, quản lý, kiểm tra, giám sát.

- Đảm bảo các nghiệp vụ, báo cáo được triển khai tại Công ty, CTTV theo đúng quy định của pháp luật và của Công ty.
- Phối hợp, tổ chức triển khai xây dựng mục tiêu, cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, hệ thống chức danh, mô tả công việc, xác định khung năng lực cốt lõi của từng vị trí để có chương trình đào tạo phát triển phù hợp đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty, phù hợp với quy định hiện hành;
- Đầu mối tổ chức các chương trình quy hoạch cán bộ, xác định cán bộ kế cận, cán bộ tiềm năng, cán bộ có kết quả làm việc tốt để từ đó xây dựng các chương trình đào tạo, huấn luyện, chế độ phúc lợi phù hợp để giữ, phát triển, thu hút;
- Đầu mối xây dựng và tổ chức để các bên liên quan phối hợp xây dựng các quy định, chính sách, quy trình nghiệp vụ liên quan đến công tác Đào tạo và Phát triển Nguồn nhân lực của Tập đoàn;
- Giám sát, đôn đốc, nhắc nhở CTTV xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản/quy định hành lang pháp lý của công tác nhân sự tại CTTV theo danh mục văn bản từng thời kỳ;

- Xây dựng, đề xuất phương pháp, công cụ, quy trình, mẫu biểu để tổ chức triển khai, giám sát triển khai các nghiệp vụ như quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, chế độ phúc lợi, hành chính nhân sự, công đoàn v.v.. tại Công ty;
- Tổ chức chia sẻ, đào tạo, kiểm tra, giám sát, cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về nghiệp vụ tuyển dụng, đào tạo, quản lý nhân sự, hành chính, công đoàn để Ban Lãnh đạo công ty thành viên và bộ phận chức năng tổ chức, thực thi tại CTTV hiệu quả.

Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ nghiệp vụ

- Tư vấn nghiệp vụ trong quá trình xây dựng, chỉnh sửa, hoàn thiện qui định, quy chế, quy trình nhân sự theo danh mục văn bản từng thời kỳ;
- Hỗ trợ đơn vị trong quá trình xây dựng cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, hệ thống chức danh, mô tả công việc của các chức danh, tuyển dụng, đào tạo, chế độ chính sách, đánh giá nhân sự, hành chính v.v.. tại các CTTV.
- Hỗ trợ công cụ, mẫu biểu, tài liệu v.v. thuộc nghiệp vụ để các đơn vị, cá nhân nắm bắt, hiểu rõ và thuận lợi trong quá trình triển khai, tác nghiệp thực tế tại địa bàn.

Đại diện Công ty làm việc với người lao động và các cơ quan chức năng

- Đầu mối giao tiếp, giải quyết công việc liên quan đến hành chính, công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm sức khỏe, liên đoàn lao động và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo phân công ủy quyền của Tổng Giám đốc;
- Đại diện Công ty làm việc với Người lao động theo phân công ủy quyền của TGD;
- Đại diện Công ty làm việc với Ban Lãnh đạo Công ty thành viên và bộ phận chức năng tại các Công ty thành viên để trao đổi, giải quyết vấn đề/ triển khai chương trình theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền và đúng với quy định chức năng nhiệm vụ của Ban ĐT&PTNNL.

f. Ban công nghệ thông tin (CNTT)

Ban CNTT là đơn vị chức năng trực thuộc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings, chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Tổng giám đốc, có các chức năng chính như sau:

- Thực hiện chức năng tham mưu cho về định hướng, chiến lược phát triển CNTT, bao gồm: hệ thống hạ tầng CNTT, hệ thống phần mềm và giải pháp CNTT trong từng giai đoạn phát triển nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, bảo mật và an toàn thông tin.
- Tham mưu và tổ chức, triển khai thực hiện quản lý và vận hành hệ thống CNTT của Tập đoàn; phối hợp với bộ phận CNTT của CTTV bao gồm: quản lý hệ thống hạ tầng CNTT và hệ thống phần mềm ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển.

- Nghiên cứu các công nghệ mới để xây dựng/nâng cấp hạ tầng, phát triển phần mềm và các giải pháp Công nghệ thông tin ứng dụng tại Tập đoàn và CTTV.

g. Ban Truyền thông

Ban TH&TT là đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings, chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành trực tiếp của CT HĐQT, TGD, Phó TGD phụ trách mảng TH&TT thực hiện tham mưu, giúp việc cho BLĐ Tập đoàn trong xây dựng, triển khai và giám sát các hoạt động Marketing truyền thông, Quản trị thương hiệu đảm bảo hình ảnh, thương hiệu của Tập đoàn được bảo vệ, giữ gìn và nhận diện rộng rãi trên thị trường; đảm bảo vận hành ổn định, xuyên suốt các hoạt động liên quan đến Thương hiệu và Marketing truyền thông trong hệ thống Tập đoàn.

Ban TH&TT là đại diện phát ngôn chính thức và là đầu mối duy nhất của Tập đoàn trong các công tác liên quan đến hình ảnh, thương hiệu của Tập đoàn.

h. Ban sản xuất

Ban sản xuất là đơn vị chức năng trực thuộc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings và có các chức năng chính như sau:

- Quản lý công nghệ và kỹ thuật sản xuất, Hệ thống quy trình sản xuất của các công ty thành viên trực thuộc tập đoàn
- Quản lý toàn bộ thiết bị sản xuất, chế biến, hạ tầng kỹ thuật sản xuất,... trong hệ thống APH
- Quản lý toàn bộ hệ thống chỉ tiêu, định mức sản xuất, kiểm soát chi phí sản xuất của các công ty thành viên trực thuộc APH
- Chủ trì công tác tổ chức hoạt động sản xuất tại các công ty thành viên và điều phối các nguồn lực sản xuất chung toàn APH
- Quản lý toàn bộ các hoạt động mua hàng phục vụ sản xuất tại các công ty thành viên
- Chủ trì công tác tổ chức hoạt động cải tiến sản xuất tại các công ty thành viên và đánh giá hiệu quả của các hoạt động cải tiến
- Chịu trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp cùng đơn vị khác để thực hiện đánh giá việc tuân thủ hệ thống quy trình sản xuất của các công ty thành viên.

4. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ, tỷ lệ nắm giữ) nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần

nhất trên mức vốn thực góp hiện tại (tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài: số lượng và tỷ lệ nắm giữ);

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty

Bảng 2. Danh sách cổ đông lớn của Công ty tại ngày 03/07/2020

STT	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ
1	Công ty TNHH IGG USA Việt Nam	Lô CN11 – CN12, cụm Công Nghiệp An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	52.000.000	520.000.000.000	35,45%

Nguồn: APH

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam sở hữu 14.114.880 cổ phần, tương đương 9,62% vốn điều lệ của APH, là cổ phần ưu đãi cổ tức và hoàn lại, không có quyền biểu quyết, có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Cổ đông sở hữu ưu đãi cổ tức, hoàn lại và chuyển đổi thành cổ phần phổ thông không có quyền biểu quyết, không có quyền dự họp các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, không có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 “*Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*”. Công ty Cổ phần Tập Đoàn An Phát Holdings hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 31/03/2017 theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 31/03/2017, do vậy toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập tại thời điểm đăng ký lần đầu ngày 31/03/2017 đã hết hạn chế chuyển nhượng từ 01/04/2020.

Bảng 3 Danh sách cổ đông sáng lập và cổ phiếu sở hữu tại 03/07/2020

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần tại thời điểm góp vốn	Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	Tổng số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ
1	Phạm Hoàng Việt	Tổ 49, Tập thể viện khoa học, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	650.000 ⁽³⁾	0	2.850.000	1,94%
2	Nguyễn Thị Tiệp	Thôn Tứ Kỳ Thượng, xã Ngọc Kỳ, huyện Tứ Kỳ, Hải Dương	450.000 ⁽⁴⁾	0	1.500.000	1.02%
3	Nguyễn Thị Phụng	Thôn Đại Lã, xã Hiệp Cát, huyện Nam Sách, Hải Dương	400.000 ⁽⁵⁾	0	0	0%

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

⁽³⁾ Ông Phạm Hoàng Việt đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần ban đầu tại thời điểm góp vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0111/2019/NQ – ĐHĐCĐ. Cụ thể, tại thời điểm chuyển nhượng ngày 01 tháng 11 năm 2019, ông Việt nắm giữ 30.000.000 cổ phần, trong đó có 650.000 cổ phần ban đầu tại thời điểm góp vốn. Ông Việt đồng ý chuyển nhượng 17.000.000 cổ phần cho Công ty TNHH Phát triển Yotei và 10.150.000 cổ phần cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Yamato. Sau khi chuyển nhượng, ông Việt còn sở hữu 2.850.000 cổ phần, chiếm 2% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings.

⁽⁴⁾ Bà Nguyễn Thị Tiệp hiện vẫn đang sở hữu toàn bộ số cổ phần ban đầu tại thời điểm góp vốn.

⁽⁵⁾ Bà Nguyễn Thị Phụng đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần ban đầu tại thời điểm góp vốn theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông số 1906/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 06 năm 2017. Cụ thể, bà Nguyễn Thị Phụng chuyển nhượng 200.000 cổ phần phổ thông cho ông Phạm Ánh Dương và 200.000 cổ phần phổ thông cho ông Nguyễn Lê Trung.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 4. Cơ cấu cổ đông tại ngày 03/07/2020

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%) / vốn điều lệ
I. Cổ đông trong nước	320	79.866.459	54,45%
• Cổ đông tổ chức	5	26.229.468	17,88%
• Cổ đông cá nhân	315	53.636.991	36,57%
• Cổ đông ưu đãi	-	-	-
II. Cổ đông nước ngoài	3	66.810.880	45,55%
1. Cổ đông tổ chức	1	52.000.000	35,45%
2. Cổ đông cá nhân	1	696.000	0,47%
3. Cổ đông ưu đãi ⁽⁶⁾	1	14.114.880	9,62%
III. Cổ phiếu Quỹ	-	-	-
Tổng cộng	323	146.677.339	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập Đoàn An Phát Holdings

⁽⁶⁾ Tại ngày 29/11/2019, Công ty có 14.114.880 cổ phần ưu đãi cổ tức và hoàn lại, không có quyền biểu quyết, có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (là đơn vị được Quỹ đầu tư Value System Dae Gwang Global Mezzanine Investment (Hàn Quốc) ủy thác đầu tư). Đây là số lượng cổ phần được chào bán cho đối tác nêu trên với giá chào bán 25.000 VND/cổ phần trong đợt tăng vốn lần thứ 03 từ 1.100.000.000.000 đồng lên 1.241.148.800.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2501/2018/NQ-APH ngày 25 tháng 01 năm 2018.

5. Danh sách Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết, những Công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

5.1. Công ty mẹ của tổ chức niêm yết

Không có

5.2. Công ty con của tổ chức niêm yết

a. Công ty con sở hữu trực tiếp

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“AAA”)

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- Địa chỉ : Lô CN 11 – CN 12, cụm CN An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 1.711.999.760.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 19/04/2019
- HKDK chính : Sản xuất các sản phẩm từ nhựa (PP, PE)
- Tỷ lệ lợi ích của APH : 48,08% ⁽⁷⁾
- Tỷ lệ biểu quyết của APH : 48,08% ⁽⁷⁾

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

- Doanh thu thuần : 9.258.073.280.674 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 491.028.872.669 đồng

⁽⁷⁾ Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Nhựa An Phát Xanh thông qua việc nắm giữ 48,08% quyền biểu quyết trong Công ty Nhựa An Phát Xanh và có 4/5 thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Nhựa An Phát Xanh.

Khởi đầu từ một doanh nghiệp chỉ với 2 thành viên, vốn điều lệ 500 triệu VND với cái tên “Anh Hai Duy” vào tháng 9/2002, chỉ sau 16 năm, AAA đã trở thành công ty đại chúng niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE (mã chứng khoán AAA) với số vốn điều lệ gần 1.712 tỷ đồng, doanh thu thuần năm 2019 đạt trên 9,258 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 491 tỷ đồng.

Là một doanh nghiệp có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất bao bì màng mỏng, AAA hiện đã có được một vị trí vững chắc trong hoạt động kinh doanh, thiết lập được mối quan hệ kinh doanh tốt đẹp với nhiều Công ty và tập đoàn nổi tiếng ở Châu Âu, Châu Mỹ, Các tiểu vương quốc Ả Rập, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan,... Sản phẩm được các doanh nghiệp trong nước và quốc tế đánh giá cao. Tầm nhìn của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh là trở thành nhà sản xuất hàng đầu khu vực trong ngành sản xuất túi nhựa và thiết lập các cam kết dài hạn đối với cán bộ công nhân viên và cổ đông trong công ty.

Công ty luôn tìm kiếm những phương thức tốt nhất để có thể hoạt động như một công ty "xanh", bao gồm việc đầu tư vào công nghệ xanh cho quy trình sản xuất và hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động "xanh" bất cứ khi nào có thể.

Hoạt động ổn định và bền vững: Xây dựng mối quan hệ cân bằng với tất cả các bên liên quan, bao gồm các khách hàng, các nhà cung cấp dịch vụ chất lượng, đồng thời nhân viên được đào tạo tốt, được trả lương cao góp phần đảm bảo quy trình sản xuất được quản lý tốt và hiệu quả.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (“NHH”)

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
- Địa chỉ : Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội
- Vốn điều lệ : 344.400.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16/09/2019
- HĐKD chính : Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp như các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử, viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác và các mặt hàng nhựa gia dụng
- Tỷ lệ lợi ích của APH : 55,17%
- Tỷ lệ biểu quyết của APH : 55,17%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

- Doanh thu thuần : 1.232.538.556.684 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 56.710.772.845 đồng

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (NHH) được thành lập năm 1972, có trụ sở tại tổ 12, phường Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội và trở thành công ty thành viên thuộc Tập đoàn An Phát Holdings – Tập đoàn nhựa kỹ thuật cao từ cuối năm 2018. NHH được trang bị hệ thống nhà xưởng sản xuất, dây chuyền, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại nhập khẩu từ Mỹ, các nước Tây Âu, Nhật Bản và một số nước công nghiệp mới (NIC) có trình độ cơ giới hoá và tự động hoá tương đối cao. NHH được đánh giá là Công ty sản xuất nhựa tiên tiến, hiện đại hàng đầu Việt Nam, là đầu tàu miền Bắc nước ta về công nghệ sản xuất các loại sản phẩm nhựa kỹ thuật công nghiệp đạt chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế. Năm 2019, doanh thu của Công ty đạt 1,232 tỷ với 53 tỷ lợi nhuận sau thuế.

Cùng với tầm nhìn chiến lược của Tập đoàn là “trở thành Tập đoàn nhựa kỹ thuật cao và thân thiện với môi trường hàng đầu Đông Nam Á”, mục tiêu tiếp theo của NHH trong thời gian tới là trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong ngành nhựa kỹ thuật tại Việt Nam.

Về sản phẩm, NHH đã chế tạo được hàng trăm chủng loại sản phẩm nhựa kỹ thuật cao, cũng cấp cho các ngành công nghiệp và dân dụng, đáp ứng nhu cầu trong nước thay hàng nhập khẩu và tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu. Các sản phẩm chủ lực của NHH là linh kiện điện tử viễn thông, linh kiện ô tô xe máy, linh kiện điều hòa không khí, pallet nhựa. Toàn bộ các chủng loại sản phẩm này mang thương hiệu đăng ký độc quyền NHH, đều được sản xuất hàng loạt trên hệ thống máy, thiết bị tự động, công nghệ tiên tiến bằng các loại vật tư chuẩn nhập khẩu và quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2000 đạt chất lượng cao theo tiêu chuẩn của Nhật Bản JIS 10K. NHH có mạng lưới khách hàng rộng khắp, từ các Tập đoàn đa quốc gia toàn cầu như Honda, Toyota, Piaggio, LG, Panasonic... cho đến các doanh nghiệp lớn trong nước như Vinfast, Công ty Xích líp Đông Anh...

Là một thành viên của Tập đoàn An Phát Holdings, một mắt xích quan trọng trong hệ sinh thái doanh nghiệp, NHH sẽ có những chiến lược phát triển mới để trở thành công ty hàng đầu trong ngành nhựa hỗ trợ tại Việt Nam.

b. Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua tỷ lệ biểu quyết

Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“HI”)

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần An Tiến Industries
- Địa chỉ : Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Vốn điều lệ : 278.500.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 02/03/2020
- HĐKD chính : Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa
- Tỷ lệ lợi ích của APH : 31,77%
- Tỷ lệ biểu quyết của APH : 64,77%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

- Doanh thu thuần : 4.631.587.521.355 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 54.088.436.559 đồng

Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“APC”)

- Tên Công ty : Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát
- Địa chỉ : Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 910.000.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0801225485 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 27/10/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 17/04/2019
- HĐKD chính : Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
- Tỷ lệ lợi ích của APH : 48,08%
- Tỷ lệ biểu quyết của APH : 100%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

- Doanh thu thuần : 731.980.612.296 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 250.846.421.900 đồng

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“APC1”)

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1
- Địa chỉ : Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0801298395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 25/09/2019.
- HĐKD chính : Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
- Tỷ lệ lợi ích của APH : 44,23%
- Tỷ lệ biểu quyết của APH : 92%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019: Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 mới được thành lập nên chưa phát sinh hoạt động kinh doanh.

An Thanh Bicsol Singapore PTE, Ltd (“ATS”)

- Tên Công ty : An Thanh Bicsol Singapore PTE, Ltd
- Địa chỉ : Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore
- Vốn điều lệ : 100 dollar Singapore và 667.675 USD tương đương 15,21 tỷ VND
- Giấy CN ĐKKD : 201720061M
- HĐKD chính : Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS
- Tỷ lệ lợi ích của APH : 31,77%
- Tỷ lệ biểu quyết của APH : 100%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

- Doanh thu thuần : 1.153.433.332.547 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 476.037.365 đồng

Công ty cổ phần An Thành Bicsol (“ATT”)

- Tên Công ty : Công ty cổ phần An Thành Bicsol
- Địa chỉ : Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 159.400.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0801208793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương cấp lần đầu ngày 22/03/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/04/2019
- HĐKD chính : Kinh doanh hạt nhựa
- Tỷ lệ lợi ích của APH : 36,48%
- Tỷ lệ biểu quyết của APH : 99,37%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

- Doanh thu thuần : 2.848.881.139.968 đồng

- Lợi nhuận sau thuế : 3.437.822.761 đồng

Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín (“ATZ”)

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín
- Địa chỉ : Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 100.000.000.000
- Giấy CN ĐKKD : 0801177672 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 16/03/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 6 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 02 tháng 08 năm 2018
- HĐKD chính : Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Tỷ lệ lợi ích của APH : 22,24%
- Tỷ lệ biểu quyết của APH : 70%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

- Doanh thu thuần : 192.584.131.082
- Lợi nhuận sau thuế : 15.948.201.481

Công ty TNHH An Trung Industries (“ATI”)

- Tên Công ty : Công ty TNHH An Trung Industries
- Địa chỉ : Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 90.000.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0801246654 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 28/03/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 24 tháng 09 năm 2019
- HĐKD chính : Sản xuất hạt nhựa, các sản phẩm nhựa (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không luyện cán cao su, tái chế phế thải tại trụ sở)
- Tỷ lệ lợi ích của APH : 55,17%

- Tỷ lệ biểu quyết của APH : 100%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

- Doanh thu thuần : 150.352.164.176 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : (3.135.599.021) đồng

Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM (“Viexim”)

- Tên Công ty : Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM
- Địa chỉ : Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
- Vốn điều lệ : 18.800.781.511 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0900259855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 10/10/2006, đăng ký thay đổi lần 04 ngày 04/04/2019
- HĐKD chính : Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp xây dựng, điện tử viễn thông, ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác và các mặt hàng nhựa gia dụng; Sản xuất các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và các ngành công nghiệp khác
- Tỷ lệ lợi ích của APH : 55,17%
- Tỷ lệ biểu quyết của APH : 100%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

- Doanh thu thuần : 224.398.287.809 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 16.595.602.509 đồng

Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (“VMC”)

- Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam
- Địa chỉ : Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

- Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng
 - Giấy CN ĐKKD : 0801277109 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17/01/2019, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 26/02/2020
 - HĐKD chính : Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
 - Tỷ lệ lợi ích của APH : 55,17%
 - Tỷ lệ biểu quyết của APH : 100%
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019
- Doanh thu thuần : 883.269.735 đồng
 - Lợi nhuận sau thuế : (569.293.314) đồng

5.3. Công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì Vinh (“VBC”)

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì Vinh
- Địa chỉ : Khôi 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Vốn điều lệ : 74.999.720.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 2703000092 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 03/01/2003, thay đổi lần thứ 06 ngày 26/06/2017
- HĐKD chính : In ấn; Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; Mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại; Sản xuất, mua bán báo bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Tỷ lệ lợi ích của APH : 25,54%
- Tỷ lệ biểu quyết của APH : 25,54%

Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam (“Sunrise”)

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam
- Địa chỉ : Lô CN 11- CN 12, cụm Công Nghiệp An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0801279667 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 02 năm 2019,
- HĐKD chính : Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
- Tỷ lệ lợi ích của APH : 17,10%
- Tỷ lệ biểu quyết của APH : 48%

Công ty TNHH Linh kiện nhựa Ô tô Vinfast – An Phát (“VAPA”)

- Tên Công ty : Công ty TNHH Linh kiện nhựa Ô tô Vinfast – An Phát
- Địa chỉ : Tổ hợp sản xuất ô tô VinFast, khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Hải Phòng
- Vốn điều lệ : 208.000.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0201914211 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp, đăng ký lần thứ nhất ngày 28/11/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15/05/2019
- HĐKD chính : Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe
- Tỷ lệ lợi ích của APH : 27,58%
- Tỷ lệ biểu quyết của APH : 50%

5.4. Cơ sở ghi nhận

Công ty ghi nhận tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết bằng tổng tỷ lệ Công ty trực tiếp sở hữu tại Công ty con và tỷ lệ Công ty sở hữu gián tiếp thông qua các Công ty con khác. Chi tiết về cơ sở ghi nhận tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty tại các Công ty con được trình bày như bảng sau đây.

Bảng 5. Cơ sở ghi nhận tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty tại các Công ty con

Công ty con	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp APH	Tỷ lệ trực tiếp của AAA, HPC	Tỷ lệ trực tiếp của HII	Tỷ lệ trực tiếp của APC	Tỷ lệ trực tiếp của ATT	Tổng tỷ lệ lợi ích của APH	Tỷ lệ biểu quyết
AAA	48.08%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	48.08%	48.08%
APC	0.00%	100.00%	0.00%	0.00%	0.00%	48.08%	100.00%
APC1	0.00%	0.00%	0.00%	92%	0.00%	44,23%	92%
HII	1.23%	63.54%	0.00%	0.00%	0.00%	31.77%	64.77%
ATZ	0.00%	0.00%	70.00%	0.00%	0.00%	22.24%	70.00%
ATT	0.00%	30,11%	69.26%	0.00%	0.00%	36,48%	99,37%
ATS	0.00%	0.00%	100.00%	0.00%	0.00%	31.77%	100.00%
HPC	55.17%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	55.17%	55.17%
VIEXIM	0.00%	100.00%	0.00%	0.00%	0.00%	55.17%	100.00%
ATI	0.00%	100.00%	0.00%	0.00%	0.00%	55.17%	100.00%
VMC	0.00%	100.00%	0.00%	0.00%	0.00%	55.17%	100.00%
VAPA	0.00%	50.00%	0.00%	0.00%	0.00%	27.58%	50.00%
Sunrise	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	48.00%	16.57%	48.00%
VBC	25.54%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	25.54%	25.54%

6. Hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings là công ty mẹ của một nhóm các Công ty con chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm nhựa. Hoạt động chính của Công ty là xây dựng phát triển các ngành kinh doanh mà Công ty đã đầu tư, bao gồm việc trở thành đầu não nghiên cứu phát triển của toàn Tập đoàn, xây dựng các quan hệ đầu tư, mở rộng với các đối tác nước ngoài, tăng nguồn vốn để hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh, xây dựng chiến lược tăng trưởng, định hướng phát triển thương hiệu và sản phẩm toàn Tập đoàn. Ngoài ra, Công ty cũng chủ động tìm kiếm, đánh giá các cơ hội mở rộng kinh doanh nhằm củng cố danh mục đầu tư và tăng nguồn vốn hỗ trợ cho hoạt động đầu tư của mình.

Hiện tại, Công ty sở hữu 2 Công ty con cấp 1 là Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh và Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội và nhiều đơn vị thành viên khác. Công ty hoạt động theo hình thức tập đoàn. Doanh thu của Công ty mẹ năm 2018 là 1,9 tỷ, năm 2019 là 25,2 tỷ, đến từ hoạt động tư vấn quản lý cho các công ty con. Doanh thu quý 1 năm 2020 có thêm 8,5 tỷ doanh thu kinh doanh hạt nhựa.

Bảng 6. Doanh thu công ty mẹ theo lĩnh vực kinh doanh

TT	Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh	2018 (VND)	2019 (VND)	Quý 1 - 2020 (VND)
1	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	1.929.634.303	25.232.890.912	4.581.090.909
2	Doanh thu bán hàng hóa	0	0	8.594.682.045
	Tổng cộng	1.929.634.303	25.232.890.912	13.175.772.954

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019, BCTC Quý 1 - 2020 – APH

Dự án Nhà máy sản xuất nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn công nghệ cao (PBAT)

Hiện tại Công ty mẹ đang trong quá trình đầu tư dự án Nhà máy sản xuất nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn công nghệ cao đầu tiên tại Việt Nam. Sản phẩm chính của dự án là vật liệu sinh học tự hủy Polybutyrate Adipate Terephthalate (PBAT). Dự án có công suất dự kiến là 20.000 tấn/năm, được đầu tư với mục đích giải quyết nhu cầu tự chủ về nguyên vật liệu sinh học phân hủy hoàn toàn tại Việt Nam, giúp các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm sinh học phân hủy của Việt Nam thoát khỏi phụ thuộc vào thị trường nhập khẩu, gia tăng cơ hội thâm nhập thị trường sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn của khu vực và thúc đẩy ngành công nghiệp nhựa Việt Nam theo hướng sinh thái hóa, góp một phần vào thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh vì mục tiêu phát triển bền vững quốc gia. Dự án này sẽ trực tiếp nằm dưới quyền quản lý của Công ty mẹ. Dự kiến dự án sẽ mang lại doanh thu vào là 227 tỷ đồng vào năm 2021, 928 tỷ đồng vào năm 2022, và 1,499 tỷ đồng vào năm 2023. Chi tiết về dự án được trình bày ở mục 15.3 phần này.

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Doanh thu hợp nhất của Công ty đến từ 03 hoạt động kinh doanh: Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì, kinh doanh nhà xưởng, cung cấp dịch vụ. Trong đó, sản xuất bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì là hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn nhất, lên đến 90,77% tổng doanh thu.

Bảng 7. Doanh thu hợp nhất theo lĩnh vực kinh doanh

TT	Doanh thu gộp theo lĩnh vực kinh doanh	2018		2019		Quý 1 2020	
		Giá trị (triệu VND)	% Doanh thu	Giá trị (triệu VND)	% Doanh thu	Giá trị (triệu VND)	% Doanh thu
1	Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa	7.962.216	99,1%	8.718.758	91,5%	1.792.550	97,6%
2	Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê nhà đất và hạ tầng khu công nghiệp	-	0%	706.861	7,4%	14.420	0,8%
3	Cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	72.926	0,9%	107.887	1,1%	29.182	1,6%
	Tổng cộng	8.035.142	100%	9.533.507	100%	1.836.151	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019, BCTC quý 1 - 2020 – APH

a. Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa

Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì là lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu của toàn công ty. Đây cũng là ngành sản xuất chính của hầu hết các công ty con trong tập đoàn (Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh, Công ty Cổ phần An Tiến Industries, An Thành Bicsol Singapore PTE. Ltd, Công ty Cổ phần An Thành Bicsol, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, Công ty TNHH An Trung Industries, Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM, Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam). Các sản phẩm nhựa của APH có thể chia làm các loại chính:

- Sản phẩm và nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn;
- Bao bì;
- Nguyên vật liệu và hóa chất ngành nhựa;
- Nhựa kỹ thuật và nhựa nội thất.

- **Sản phẩm và nguyên vật liệu sinh học phân hủy hoàn toàn**

Sản phẩm nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn của Tập đoàn hiện đang được biết đến tại cả thị trường trong nước và quốc tế. Tại thị trường nước ngoài, khách hàng chủ yếu của Tập đoàn là các chuỗi siêu thị, bán lẻ từ Châu Âu, sản phẩm xuất khẩu chủ lực là túi tự hủy sinh học. Tại thị trường trong nước, các sản phẩm tự hủy của Tập đoàn được biết đến dưới thương hiệu AnEco. Các sản phẩm này được sản xuất trên dây chuyền công nghệ cao hiện đại của Công ty CP Nhựa An Phát Xanh (AAA) và Công ty TNHH An Trung Industries (ATI) – Hai thành viên của Tập đoàn An Phát Holdings. Các sản phẩm Aneco bao gồm: Túi sinh học phân hủy hoàn toàn thân thiện với sức khỏe con người và môi trường và các sản phẩm khác như dao, thìa, nĩa, ống hút, cốc giấy, găng tay sinh học phân hủy hoàn toàn.

Sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn đã được Tập đoàn An Phát Holdings nghiên cứu và tối ưu hóa theo tiêu chuẩn dành cho nhựa sinh học của Châu Âu. Với nguồn nguyên liệu đạt chuẩn bao gồm tinh bột ngô, nhựa tự hủy sinh học an toàn cho sức khỏe con người PBAT, PLA (nhập trực tiếp từ CHLB Đức), sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn của Tập đoàn đã trở thành sản phẩm đầu tiên tại Việt Nam nhận chứng chỉ OK compost HOME (TUV Austria), một trong những chứng chỉ khắt khe nhất về khả năng tự hủy của nhựa sinh học. Theo đó tiêu chuẩn trên, sản phẩm tự hủy sinh học sẽ phân hủy hoàn toàn thành nước, CO₂ và mùn nuôi cây trong vòng 1 năm tại môi trường chôn lấp thông thường mà không cần qua xử lý công nghiệp đặc biệt nào.







- **Bao bì**



Màng bao bì nhựa và hạt nhựa của Tập đoàn An Phát do Công ty con – Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh phụ trách chính. Các công ty con khác tham gia hoạt động trong mảng này gồm có: Công ty Cổ phần An Tiến Industries, An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd, Công ty Cổ phần An Thành Bicsol.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh là doanh nghiệp hàng đầu hiện nay trong lĩnh vực sản xuất bao bì thân thiện với môi trường và là một trong những doanh nghiệp sản xuất bao bì màng mỏng lớn nhất Việt Nam. Bằng sự nỗ lực không mệt mỏi, Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh đã dần phát triển vươn lên thành doanh nghiệp có thương hiệu và uy tín chuyên sản xuất các loại bao bì màng mỏng nói chung và bao bì tự hủy nói riêng. Với toàn bộ dây chuyền sản xuất hiện đại và đội ngũ công nhân vận hành giàu kinh nghiệm, sản phẩm của Công ty được các đối tác nước ngoài bao tiêu, trong đó chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản và Châu Âu. Đồng thời, Công ty cũng được biết đến là thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực kinh doanh thương mại hạt nhựa cho các nhà máy Việt Nam.

Các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh trong mảng bao bì nhựa và hạt nhựa hiện nay bao gồm: túi cho thị trường Nhật Bản, túi siêu thị, túi đựng rác, túi có mùi thơm, túi in nhiều màu, hạt nhựa, màng nhựa, dịch vụ gia công túi... Chi tiết từng loại sản phẩm như sau:

<p>Túi Flat cuộn Túi Gấp C cuộn Màng Sheet Độ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 6-30 mic • LDPE 22-40 mic • MDPE 12-35 mic • Tái chế LDPE 14-95 mic • Tự hủy 11-50 mic <p>Chiều rộng: 100-1100 mm Chiều dài: 120-1900 mm Số màu in: 1-4</p>		<p>Túi T-shirt cuộn Túi cuộn T-shirt gấp C Độ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 6-64 mic • LDPE 18-50 mic • MDPE 12-50 mic • Tái chế LDPE 14-65 mic • Tự hủy 11-40 mic <p>Chiều rộng: 100-850 mm Chiều dài: 120-1500 mm Số màu in: 1-4</p>	
<p>Túi Flat rời Độ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 10-35 mic • LDPE 20-95 mic • MDPE 15-55 mic • Tái chế LDPE 15-95 mic 		<p>Túi T-shirt Túi Block T-shirt Túi T-shirt Knot Độ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 12-50 mic • LDPE 22-60 mic • MDPE 13-55 mic • Tái chế LDPE 15-70 mic • Tự hủy 15-40 mic 	

<ul style="list-style-type: none"> • TỰ HỦY 15-40 mic <p>Chiều rộng: 400-1100 mm Chiều dài: 400-1600 mm Số màu in: 1-4</p>	<p>Chiều rộng: 150-650 mm Chiều dài: 320-800 mm Số màu in: 1-4</p>
<p>Túi Die Cut Độ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 16-30 mic • LDPE 30-40 mic • MDPE 16-35 mic <p>Chiều rộng: 250-500 mm Chiều dài: 300-800 mm Số màu in: 1-4</p>	<p>Túi Drawtape Độ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 10-35 mic • LDPE 20-35 mic • MDPE 14-40 mic • Tái chế LDPE 15-35 mic <p>Chiều rộng: 400-1150 mm Chiều dài: 450-1400 mm Số màu in: 2</p>
<p>Túi đựng thực phẩm Độ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 8-40 mic • LDPE 20-150 mic • MDPE 8-40 mic <p>Chiều rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • LDPE 160-235 mm • HDPE 350-450 mm • MDPE 350-450 mm <p>Chiều dài: 100-700 mm</p>	<p>Túi không quai gấp sao Túi cuộn không quai gấp sao Túi cuộn có quai gấp sao Túi cuộn cắt S gấp sao Độ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 6-50 mic • LDPE 20-70 mic • MDPE 16-50 mic • Tái chế LDPE 14-70 mic • TỰ HỦY 14-50 mic <p>Chiều rộng: 180-850 mm Chiều dài: 300-1700 mm Số màu in: 1-4</p>

<p>Túi Block Header Độ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 6-50 mic • LDPE 18-95 mic • MDPE 16-35 mic • Tái chế LDPE 20-95 mic • Tự hủy 15-30 mic <p>Chiều rộng: 100-750 mm Chiều dài: 120-1200 mm Số màu in: 1-4</p>	 <p>Màng film nông nghiệp Độ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> • LLDPE 25-150 mic • Tự hủy 25-150 mic <p>Chiều rộng: 1500-2500 mm Màng đơn lớp, đa lớp</p>	
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------

Chi tiết các nhà máy sản xuất bao bì nhựa như sau:

- **Nhà máy số 1** được xây dựng từ năm 2004 trên diện tích 9.744 m², tại Khu công nghiệp Nam Sách - Thành Phố Hải Dương - Tỉnh Hải Dương, bắt đầu hoạt động vào năm 2005 với các sản phẩm là bao bì đựng thực phẩm, túi rác, màng ni-lon chuyên dùng trong nông nghiệp và sản xuất hạt nhựa tái chế HDPE, LDPE nhiều màu. Công suất thiết kế của Nhà máy số 1 khoảng 13.200 tấn/năm.
- **Nhà máy số 2** bắt đầu đi vào hoạt động vào tháng 3/2008 với công suất thiết kế đạt 22.800 tấn/năm. Được khởi công xây dựng vào tháng 5/2007 tại Cụm công nghiệp An Đồng – Nam Sách – Hải Dương trên diện tích 19.967 m², nhà máy được trang bị các dây chuyền sản xuất tiên tiến, hiện đại nhập khẩu từ Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc.
- **Nhà máy số 3** chính thức đi vào hoạt động từ tháng 9/2009, với sản phẩm chiến lược là túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm và có sản lượng khoảng 14.400 tấn/năm.
- **Nhà máy số 5** được khởi công xây dựng từ 2012 với công suất 11.000 tấn/năm chuyên sản xuất túi T-shirt, Hàng Flat từ nguyên liệu nguyên sinh và tự hủy xuất khẩu đi Nhật Bản.
- **Nhà máy số 6** được đầu tư với tổng kinh phí 500,6 tỷ đồng. Nhà máy được đầu tư với công suất thiết kế đạt 37.000 tấn sản phẩm/năm và chuyên sản xuất sản phẩm cao cấp cho thị trường Nhật Bản. Tháng 6 năm 2016 Nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động giai đoạn 1.
- **Nhà máy số 7** chuyên sản xuất các sản phẩm mới, đặc trưng của thị trường Hoa Kỳ như túi draw-tape và draw-string với công suất thiết kế đạt 9.600 tấn sản phẩm/năm.

Bảng 8. Sản lượng tại các nhà máy sản xuất bao bì nhựa

Đơn vị: Tấn

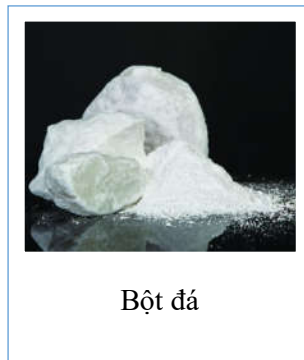
Nhà máy	Loại sản phẩm	2018		2019		Quý I. 2020	
		Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ
Số 1	Bao bì đựng thực phẩm, túi rác, màng nilon chuyên dùng trong nông nghiệp, hạt nhựa tái chế HDPE, LDPE nhiều màu	12.718	12.870	13.937	14.179	3.259	3.298
Số 2	Bao bì nhựa	20.729	20.498	19.909	20.224	4.689	4.484
Số 3	Túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm	13.022	12.895	13.542	13.561	3.383	3.277
Số 5	Túi T-shirt, Hàng Flat từ nguyên liệu nguyên sinh và tự hủy	20.731	17.964	24.265	20.503	5.611	5.018
Số 6	Sản phẩm bao bì nhựa cao cấp	18.209	17.462	19.935	19.863	4.523	4.371

Số 7	Túi draw-tape và draw-string	7.325	4.586	8.386	7.375	2.210	1.744
Tổng		92.734	86.275	99.974	95.705	23.675	22.191

• **Nguyên vật liệu và hóa chất ngành nhựa**

Mảng kinh doanh nguyên liệu và hóa chất ngành nhựa được Tập đoàn An Phát Holdings phát triển từ năm 2009 với việc thành lập của Công ty Cổ phần An Tiến Industries (trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái).

Sản phẩm chính của công ty là hạt phụ gia ANCAL (PE và PP) được ứng dụng làm phụ gia trong các sản phẩm của ngành nhựa, giúp giảm giá thành trong sản xuất, giảm chi phí chất tạo



màu trắng, tăng độ chịu nhiệt, độ bền cho sản phẩm, ổn định về định hình, tăng khả năng in ấn lên sản phẩm. Hạt phụ gia ANCAL còn được dùng trong công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng như bột bả, sơn, công nghiệp sản xuất mỹ phẩm, công nghiệp sản xuất các loại giấy... Bên cạnh đó, Công ty còn sản xuất hai loại nguyên liệu nhựa khác là hạt độn trắng trong BaSO₄ và hạt độn màu. Các sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ nội địa.

Nhà máy An Phát - Yên Bái là nhà máy duy nhất của An Phát sản xuất nguyên liệu ngành nhựa, bột đá vôi siêu mịn (CaCO₃) đạt tiêu chuẩn quốc tế, với công suất thiết kế khoảng 96.000 tấn nhựa/năm; 96 tấn bột đá/năm.

Bảng 9. Sản lượng tại các nhà máy sản xuất hạt nhựa

Đơn vị: Tấn

Nhà máy	Loại sản phẩm	2018		2019	
		Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ

Nhà máy sản xuất hạt nhựa	Hạt nhựa	48.728	47.783	77.682	78.018
Nhà máy sản xuất bột đá	Sản xuất nguyên liệu ngành nhựa, bột đá vôi siêu mịn (CaCO3)	53.122	12.911	67.618	17.708
Tổng		101.850	60.694	145.300	95.726

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Nhựa kỹ thuật**

Các sản phẩm chính thuộc ngành nhựa kỹ thuật của công ty bao gồm: phụ tùng ô tô, xe máy; linh kiện điện - điện tử, xây dựng; khuôn mẫu cho ngành nhựa. Các công ty con tham gia sản xuất sản phẩm thuộc mảng này gồm có: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, Công ty TNHH An Trung Industries, Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM, Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam. Chi tiết các sản phẩm chính như sau:

Sản phẩm	Khách hàng
<p>Linh kiện ô tô, xe máy</p> 	
<p>Linh kiện điều hòa, tủ lạnh, máy giặt</p> 	

	
<p>Linh kiện nhựa điện thoại, điện gia dụng</p> 	

Nhà máy tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có vị trí tại tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội. Tổng diện tích khu đất xây dựng nhà máy là 23.126 m². Hiện nhà máy có khoảng 65 máy ép nhựa; 10 trung tâm gia công khuôn. Công suất thiết kế: 9.000 tấn sản phẩm/năm. Nhà máy của NHH có 3 phân xưởng chính: Phân xưởng Xử lý nguyên liệu; Phân xưởng Cơ khí, và Phân xưởng Công nghệ.

- Phân xưởng Xử lý nguyên liệu: Nhiệm vụ chủ yếu của phân xưởng Xử lý nguyên liệu là thực hiện công nghệ sản xuất tạo hạt nguyên liệu, phục vụ sản xuất sản phẩm nhựa của Công ty. Bên cạnh đó, phân xưởng sẽ luôn đảm bảo mọi quy trình sản xuất trong giai đoạn này phải đáp ứng tiêu chuẩn của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 và hệ thống quản lý môi trường TCVN ISO 14000.
- Phân xưởng Cơ khí: Đây là phân xưởng tổ chức triển khai công tác gia công chế tạo khuôn, sửa chữa và bảo dưỡng khuôn mẫu theo yêu cầu của các đơn vị liên quan, lắp đặt thiết bị sản xuất theo đúng tiến độ, kế hoạch của Công ty.
- Phân xưởng Công nghệ: Tại phân xưởng này, các kế hoạch sản xuất của công ty được thực hiện chính xác trên các máy gia công sản phẩm nhựa đồng thời lắp ráp, hoàn thiện sản phẩm đảm bảo thời gian và chất lượng cao nhất theo yêu cầu của khách hàng.

Sản lượng sản xuất qua các năm của nhà máy như sau:

Bảng 10. Sản lượng tại các nhà máy của NHH

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Sản phẩm nhựa	Cái	61.768.332	65.679.156	48.576.166
2	Khuôn	Cái	41	20	71

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Nhà máy tại Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM (Nhà máy Viexim) có vị trí tại Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Diện tích khu đất xây dựng nhà máy là 23.089 m². Quy mô sản xuất và kinh doanh của nhà máy là sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp phụ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông; phụ kiện ngành xây dựng; phụ kiện cho sản phẩm điều hòa;... Hiện nhà máy có khoảng 50 máy ép nhựa. Công suất thiết kế: 3.000 tấn sản phẩm/năm. Nhà máy VIEXIM cũng có 2 phân xưởng chính: Phân xưởng Xử lý nguyên liệu và Phân xưởng Công nghệ.

Sản lượng sản xuất qua các năm tại nhà máy VIEXIM như sau:

Bảng 11. Sản lượng tại các máy VIEXIM

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Sản phẩm nhựa	Cái	24.199.500	21.130.185	32.130.840

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Nhà máy tại Công ty TNHH An Trung Industries (Nhà máy An Trung Industries) với tổng vốn đầu tư 334,05 tỷ đồng, nằm tại Khu Công Nghiệp kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Diện tích khu đất xây dựng nhà máy là 18.438 m². Quy mô sản xuất và kinh doanh của nhà máy là sản xuất các sản phẩm nhựa cho ngành điện – điện tử; các sản phẩm nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn như: dao, thìa, đĩa, ống hút,... Quy mô của nhà máy: Hiện nhà máy có khoảng 40 máy ép nhựa với công suất thiết kế: 3.000 tấn sản phẩm/năm. Sản lượng sản xuất của nhà máy qua các năm như sau:

Bảng 12. Sản lượng tại nhà máy An Trung Industries

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
----	---------------	-------------	----------	----------	----------

1	Sản phẩm nhựa cho ngành điện – điện tử	Cái	-	-	28.401.775
---	----------------------------------------	-----	---	---	------------

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

b. Bất động sản khu công nghiệp

Từ năm 2018, Tập đoàn An Phát Holdings đã mở rộng lĩnh vực kinh doanh mảng bất động sản công nghiệp thông qua công ty con là Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”) phát triển Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát (“An Phát Complex”)

Chi tiết về dự án Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát (An Phát Complex) như sau:

- Tên dự án: Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát (An Phát Complex)
- Địa chỉ: Km47, Quốc lộ 5, Thành phố Hải Dương
- Diện tích dự án: 46ha

Hệ sinh thái của khu công nghiệp An Phát Complex tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tiết kiệm các chi phí liên quan, mở ra cơ hội hợp tác sản xuất các sản phẩm như sản phẩm và nguyên vật liệu sinh học phân hủy hoàn toàn, bao bì, nhựa kỹ thuật và nhựa nội thất, cơ khí chính xác, và khuôn mẫu, nguyên vật liệu và hóa chất ngành nhựa.

Bảng 13. Chi tiết doanh thu bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp

Doanh thu	Giá trị (VND)
Doanh thu cho thuê bất động sản	21.433.566.916
Doanh thu cho thuê đất	223.248.018.000
Doanh thu bán nhà xưởng	462.180.348.221
Tổng cộng	706.861.933.137

Nguồn: APH

Chỉ sau hơn 1 năm, 60% diện tích khu công nghiệp đã được lấp đầy trong vòng một năm, thể hiện sự tin tưởng của các nhà đầu tư. Đến thời điểm cuối năm 2019, bất động sản khu công nghiệp An Phát Complex được xây dựng để bán còn tồn kho trị giá 318 tỷ đồng.

c. Cung cấp dịch vụ vận tải và hoạt động khác

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ đến từ dịch vụ vận tải của công ty con – Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (ATZ). Dịch vụ vận tải của công ty bao gồm: Vận tải nội địa, giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường hàng không, dịch vụ hải quan, dịch vụ logistic và kho bãi. Dịch vụ vận tải này đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng của tập đoàn An Phát, tạo thành một hệ sinh thái doanh nghiệp khép kín, gia tăng giá trị kinh doanh của toàn tập đoàn.

Ngoài cung cấp dịch vụ cho các đơn vị trong Tập đoàn, ATZ cũng đã xây dựng được uy tín và cung cấp phương tiện và dịch vụ vận tải cho nhiều khách hàng ngoài Tập đoàn. Doanh thu từ hoạt động khác đến từ việc thu tiền điện, nước của các đơn vị thuê trong Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát. Trong năm 2019, doanh thu này chiếm 1,8% tổng doanh thu.

6.2. Nguyên vật liệu

a. Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu của APH chủ yếu là nhập khẩu từ các nước tiên tiến. Ngoài nguyên vật liệu chính là hạt nhựa nguyên sinh, CaCO₃ cũng là một chất phụ gia quan trọng trong cơ cấu nguyên liệu sản xuất, hiện nay Công ty đã sản xuất được nguyên vật liệu này từ nhà máy trên Yên Bái.

Bảng 14. Danh sách một số nhà cung cấp chính

STT	Tên nhà cung cấp	Nước
1	Công ty CP Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	Việt Nam
2	SUNRISE PLASTIC ENTERPRISE, INC	Hoa Kỳ
3	Gulf Polymers Distribution company FZCO	UAE
4	Sasol Chemicals Pacific Ltd	Singapore
5	CHEVRON PHILLIPS CHEMICALS ASIA PTE LTD	Singapore
6	Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	Việt Nam
7	Công ty TNHH LG Chem Hải Phòng	Việt Nam
8	Công ty TNHH SIK Việt Nam	Việt Nam
9	INABATA Viet Nam Co., Ltd	Việt Nam
10	Công ty TNHH Resinoplast Việt Nam	Việt Nam
11	BASF Hong Kong LTD	Hong Kong
12	Basell Asia Pacific., Ltd	Hong Kong
13	MACHINO POLYMERS LIMITED	Ấn Độ

Nguồn: APH

b. Sự ổn định của các nguồn cung cấp này

Các nhà cung cấp nước ngoài của APH là các hãng lớn, có tên tuổi trên thị trường nên nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu của APH luôn ổn định kể cả trong các thời kỳ khó khăn của nền kinh tế. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính của APH đều có mối quan hệ hợp tác lâu dài với Công ty. Do vậy, APH luôn đảm bảo được sự ổn định của nguồn nguyên liệu với giá cả hợp lý từ các đối tác.

Đặc biệt, công ty đã hạn chế được các rủi ro từ nguyên vật liệu CaCO₃ do chủ động được nguồn cung cấp CaCO₃ từ nhà máy trên Yên Bái. Hiện nay, APH đang tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất tái chế hạt nhựa nhằm đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của APH cũng như cung ứng ra thị trường.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Bảng 15. Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa

TT	Loại sản phẩm	Năm 2018		Năm 2019	
		Giá trị (triệu VND)	% chi phí sản xuất, kinh doanh	Giá trị (triệu VND)	% chi phí sản xuất, kinh doanh
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	3.435.275	78,68%	3.199.709	70,61%

Nguồn: APH

Đối với các doanh nghiệp sản xuất nhựa, nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất, dao động khoảng 70 – 80%. Đối với APH, chi phí nguyên liệu, vật liệu hàng hóa vào năm 2019 là 3.199,7 tỷ đồng, tương đương 70,61% tổng chi phí sản xuất kinh doanh. Vì vậy, biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến doanh thu của APH.

Hiện nay APH đã thực hiện việc kiểm soát rủi ro nguyên vật liệu thông qua việc mua nguyên liệu hàng tháng tùy theo đơn hàng từ phía khách hàng đặt. APH không còn tích trữ hàng tồn kho nhiều như trước đây. Việc này sẽ giảm thiểu rủi ro bị lỗ, giúp APH kiểm soát chi phí đầu vào tốt hơn. Ngoài ra công ty cũng có thỏa thuận với khách hàng và nhà cung cấp sẽ điều chỉnh đơn giá hợp đồng mỗi khi có thay đổi giá +/-5%.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 16. Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất qua các năm

Chỉ tiêu	2018	2019	Quý 1 2020
----------	------	------	------------

	Giá trị (triệu đồng)	% Tổng DT	Giá trị (triệu đồng)	% Tổng DT	Giá trị (triệu đồng)	% Tổng DT
Giá vốn hàng bán	7.353.193	92%	8.431.517	89%	1.611.236	88%
Chi phí bán hàng	157.032	2%	220.234	2%	66.063	4%
Chi phí quản lý	171.161	2%	237.540	2%	75.579	4%
Chi phí khác	2.941	0%	3.832	0%	8.320	0%
Tổng	7.684.327	96%	8.893.123	93%	1.761.198	96%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018 và 2019, BCTC hợp nhất Quý 1/2020

Với những nỗ lực kiểm soát chi phí của APH, tỷ trọng chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất trên tổng doanh thu đã giảm từ 96% xuống 93% vào năm 2019. Giảm này chủ yếu đến từ việc kiểm soát được chi phí giá vốn hàng bán, khi tỷ trọng giá vốn hàng bán của năm 2019 giảm 3% so với năm 2018. Điều này thể hiện rằng APH đã có chính sách siết chặt, kiểm soát chi phí giá vốn hàng bán hiệu quả. Tỷ trọng các loại chi phí khác được giữ ổn định từ năm 2018 đến năm 2019, chứng tỏ APH đã có chính sách quản lý chi phí sát sao.

6.4. Trình độ công nghệ

a. Trình độ công nghệ trong sản xuất bao bì nhựa và hạt nhựa

Đối với lĩnh vực sản xuất sản phẩm bao bì nhựa và hạt nhựa, xác định mục tiêu phát triển bền vững ngay từ khi thành lập, Công ty đã mạnh dạn đầu tư hệ thống máy móc sản xuất bao bì màng mỏng được nhập khẩu từ Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản với công nghệ sản xuất tiên tiến, năng suất cao và tiết kiệm chi phí tối đa.

APH là một trong số ít các doanh nghiệp có công nghệ sản xuất bao bì mỏng đầu tiên tại Việt Nam, đồng thời đã áp dụng thành công công nghệ cao để sản xuất mặt hàng bao bì nilon tự phân hủy. Các sản phẩm bao bì nilon tự phân hủy của APH làm từ nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn, từ các vật liệu có nguồn gốc từ tinh bột, có thể phân hủy hoàn toàn trong vòng 6 tháng – 12 tháng trong môi trường tự nhiên hoặc chôn ủ công nghiệp. Đặc biệt, sản phẩm không để lại vi nhựa, không gây ô nhiễm môi trường. Hiện, các sản phẩm phân hủy sinh học của An Phát đã trải qua những kiểm định khắt khe và được cấp nhiều chứng chỉ hàng đầu thế giới như OK Compost HOME và OK Compost Industrial của TUV Áo, chứng chỉ BPI Compostable của Hoa Kỳ, chứng chỉ DIN Certo Compostable và biobased 50 – 85% của Đức.

Hình 5. Chứng chỉ của TUV Áo chứng nhận sản phẩm thân thiện với môi trường



b. Trình độ công nghệ trong sản xuất sản phẩm nhựa thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ

Về công nghệ sản xuất các loại sản phẩm kỹ thuật công nghiệp đạt chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế, APH được đánh giá là công ty sản xuất tiên tiến, hiện đại hàng đầu Việt Nam và là đầu tàu miền Bắc nước ta. Các sản phẩm chủ lực của Công ty trong ngành sản phẩm nhựa thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ là linh kiện điện tử viễn thông, linh kiện ô tô xe máy, linh kiện điều hòa không khí, pallet nhựa. Toàn bộ các chủng loại sản phẩm này mang thương hiệu đăng ký độc quyền, và được sản xuất hàng loạt trên hệ thống máy móc, thiết bị tự động, công nghệ tiên tiến bằng các loại vật tư chuẩn nhập khẩu và quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2000 đạt chất lượng cao theo tiêu chuẩn của Nhật Bản JIS 10K.

Hệ thống máy móc thiết bị của Công ty gồm: máy ép phun hiện đại với các cỡ từ 50T đến 2500T kèm theo thiết bị phụ trợ, hỗ trợ gia công vật liệu kỹ thuật; máy thổi tự động,... hầu hết có xuất xứ từ Nhật Bản, Mỹ; một số ít có xuất xứ Hàn Quốc, Đài Loan. Ngoài ra, Công ty còn đầu tư các thiết bị đo kiểm hiện đại từ các nước tiên tiến như: máy đo ba chiều CMM, máy phóng hình biên dạng, máy so màu, máy cân bằng động, thiết bị tạo mẫu nhanh, máy đo độ cứng, máy scan 3D, thiết bị XRF test RoHS,...

Xưởng chế tạo khuôn mẫu của Công ty được đầu tư các phần mềm CAD/CAM Cimatron E6.0, Cimatron it 13, CAE - Moldex R5.3.1, Moldex 3D 7.0, phần mềm chuyển đổi dữ liệu Rhino, phần mềm đo quét Trace Cut, phần mềm AUTOCAD 2012 để thiết kế, lập trình cho các trung tâm gia công CNC và các máy xung điện CNC tiên tiến nhập từ Anh Quốc, Hoa Kỳ, Nhật bản, Thụy Sĩ, Đài Loan.

Hệ thống máy tính trong Công ty được kết nối mạng LAN và cổng Internet, hệ thống quản lý vật tư, hàng hoá, quản lý tiền lương, quản lý tài chính được sử dụng phần mềm chuyên dụng, đảm bảo quản trị và điều hành một cách linh hoạt và chuẩn xác.

Bảng 17. Danh mục máy móc thiết bị chính trong sản xuất nhựa công nghiệp hỗ trợ

STT	Tên máy	Xuất xứ	Năm sử dụng
1	Máy ép nhựa JSW J850ADS	Nhật Bản	2017
2	Máy ép phun nhựa chạy điện JSW J850AD-3100H	Nhật Bản	2016
3	Máy ép phun nhựa chạy điện JSW J650AD-3100H	Nhật Bản	2016
4	Máy ép phun IS 2500	Nhật Bản	2010
5	Máy ép phun nhựa chạy điện JSW J550AD-2300H	Nhật Bản	2016
6	Máy ép nhựa JSW J550ADS	Nhật Bản	2017
7	Máy ép phun nhựa chạy điện JSW J550AD-1400H	Nhật Bản	2016
8	Trung tâm gia công đứng (3 trục) NVX7000/40_F31iB	Nhật Bản	2016
9	Máy ép phun nhựa chạy điện JSW J220AD-460H	Nhật Bản	2016
10	Máy ép nhựa JSW J450ADS	Nhật Bản	2017
11	Máy ép phun nhựa chạy bằng điện ISW J450 AD-1400H	Nhật Bản	2016
12	Máy ép phun nhựa chạy điện JSW J450AD-890H	Nhật Bản	2016
13	Máy ép nhựa chạy điện JSW J450AD	Nhật Bản	2015
14	Máy ép nhựa chạy điện JSW J450AD	Nhật Bản	2015
15	Máy ép nhựa chạy điện JSW J450AD	Nhật Bản	2015
16	Trung tâm gia công đứng HAAS CNC MODEL VF8	Mỹ	2012

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với định hướng dịch chuyển dần sang các sản phẩm có biên lãi gộp cao hơn bao bì nhựa thông thường như bao bì tự hủy sinh học. Công ty đã có kế hoạch xây dựng nhà máy nguyên liệu sinh

học phân hủy hoàn toàn công nghệ cao. Công ty cũng đã xây dựng quy trình hiện đại, tiên tiến và đạt hiệu quả cao cho nhà máy này.

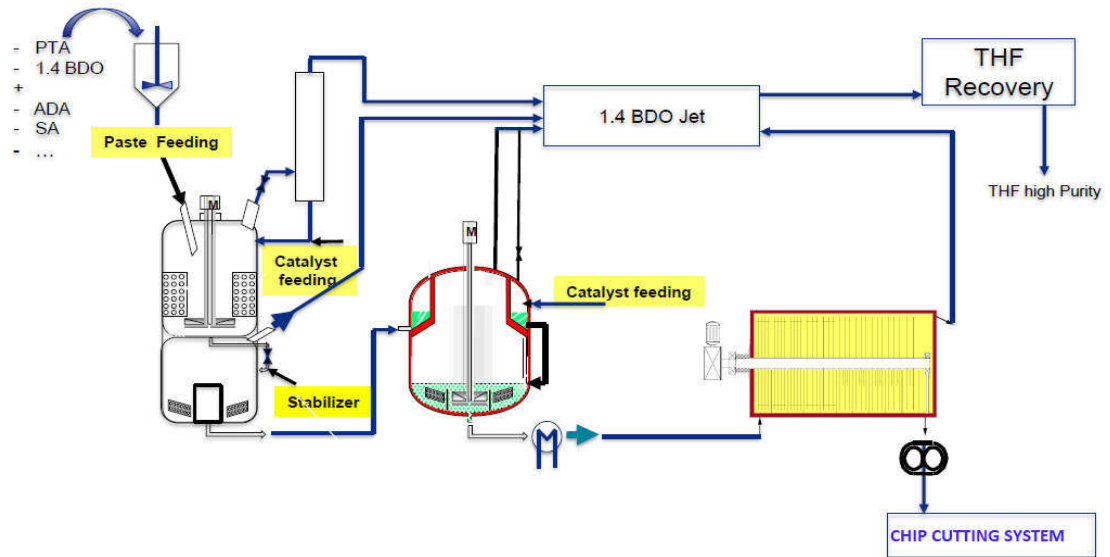
a. Công nghệ sản xuất nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn công nghệ cao

Với xu thế hướng tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường và hiện trạng việc sản xuất các sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn tại Việt Nam phụ thuộc hoàn toàn vào nguyên liệu nhập khẩu, nhu cầu tự chủ về nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn là rõ ràng và cấp bách. PBAT là một polymer tổng hợp dựa trên nguồn nguyên liệu hóa thạch, có khả năng tự phân hủy sinh học hoàn toàn, là thành phần chính để tạo nên nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn.

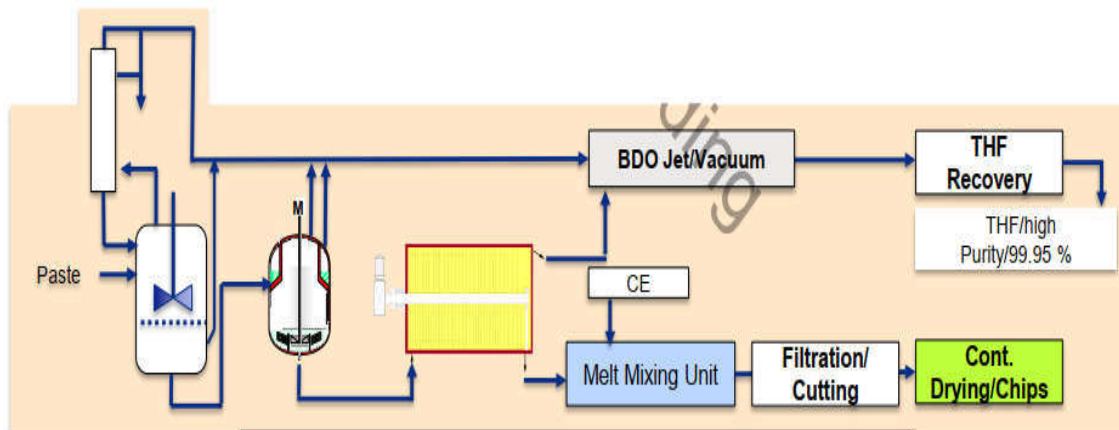
Căn cứ vào đặc thù của dự án PBAT với công suất 20.000 tấn/ năm và dựa trên cơ sở so sánh về các dạng công nghệ hiện có trên thế giới thì Công ty lựa chọn công nghệ sản xuất liên tục (Continues Process) của Technip-Zimmer với 2 dây chuyền sản xuất, công suất mỗi dây chuyền là 30 tấn/ngày, dựa trên các ưu điểm sau:

- Zimmer theo đuổi thiết kế dây chuyền gọn gàng dựa trên cơ sở điều kiện phản ứng (nhiệt độ, chân không) không quá khắc nghiệt và thời gian lưu dài giúp sinh ra ít sản phẩm phụ và màu sắc polymer đẹp hơn.
- Dòng chảy sản phẩm đơn giản trong thiết bị phản ứng dạng tháp
- Tận dụng được lượng hơi BDO tạo ra trong quá trình Este hóa để tạo áp suất chân không trong hệ thống thiết bị phản ứng giúp tiết kiệm năng lượng
- Zimmer đã có các nhà máy sử dụng công nghệ của họ với chất lượng sản phẩm cao.
- Đánh giá cơ bản không có tác động môi trường do phần nước thải từ hệ thống công nghệ sẽ được gom, xử lý đủ điều kiện cấp vào hệ thống xử lý nước thải chung của khu công nghiệp. Phần khí thải off-gas sẽ được đưa vào lò đốt để xử lý và tận dụng nhiệt của hydrocacbon.
- Việc phòng cháy chữa cháy được thiết kế đầy đủ với các họng chữa cháy và hệ thống vòi phun tại các khu vực được lựa chọn của nhà máy. Các yêu cầu khác tùy theo tiêu chuẩn địa phương và các tiêu chuẩn thông thường.

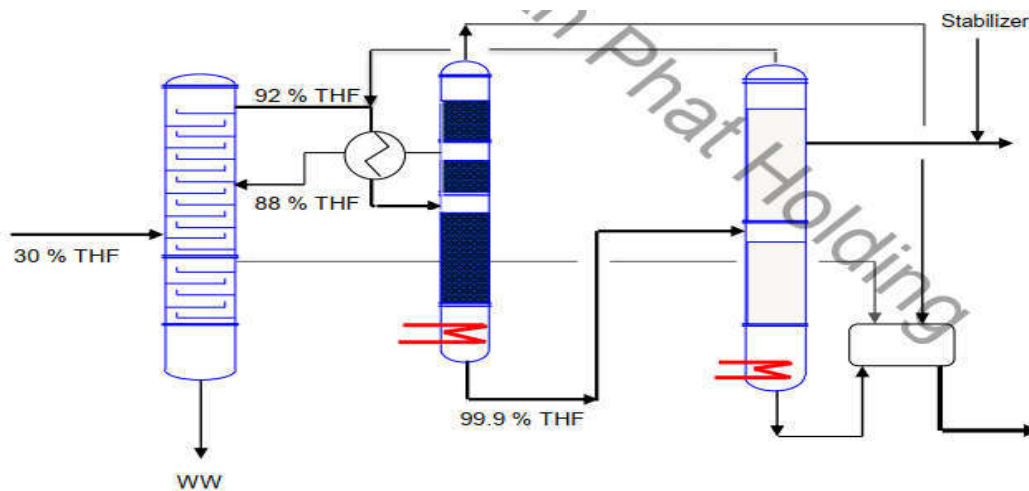
Hình 6. Sơ đồ công nghệ sản xuất PBAT liên tục



Hình 7. Sơ đồ công nghệ sản xuất PBAT của Zimmer



Hình 8. Sơ đồ công nghệ thu hồi sản phẩm phụ THF của Zimmer



6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

a. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

APH có hệ thống quản lý chất lượng vô cùng chặt chẽ. Trong đó, NHH áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 và ISO14001:2015 cập nhật hệ thống quản lý của các công ty Nhật Bản (Honda Việt Nam, Toyota Việt Nam,...). Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty con AAA đã được cấp chứng chỉ ISO 9001:2008 và chứng chỉ ISO 14000 và Công ty cũng đã áp dụng thành công chương trình nâng cao kỹ năng quản lý do tập đoàn IMPAC Hoa Kỳ tư vấn thực hiện.

b. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Hiện nay, APH đang áp dụng mô hình kiểm soát chất lượng hai chiều.

Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát chất lượng tại Công ty là phòng kiểm soát chất lượng (QC – Quality Control). Phòng này sẽ kiểm tra, giám sát chất lượng tại các đơn vị sản xuất định kỳ hoặc bất thường, sau đó sẽ đối chiếu với mức tiêu chuẩn chất lượng được đề ra đối với mỗi hoạt động. Mọi vi phạm về chất lượng sau đó đều được phản ánh vào KPI để tính toán lương thưởng thực tế trong năm. Các đơn vị được đánh giá đạt mức độ tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sẽ được xét duyệt thưởng tuân thủ.

Trong thời gian hoạt động, Ban Quản lý chất lượng dịch vụ đã triển khai các công việc sau:

- Xây dựng bộ công cụ & nguyên tắc kiểm soát chất lượng dịch vụ phân lớp xuống các cấp quản lý & nhân viên;
- Xây dựng các Bộ Quy chuẩn làm cơ sở vận hành;

- Đào tạo nhân viên tại các cơ sở để nâng cao tầm hiểu biết của nhân viên về Bộ tiêu chuẩn và thực hiện việc tuân thủ theo các quy định tại các dự án;
- Kiểm tra chất lượng dịch vụ tại các cơ sở theo kế hoạch;
- Theo dõi khắc phục và hậu kiểm các lỗi;
- Đưa ra các đề xuất kiến nghị về việc nâng cao chất lượng dịch vụ tại các dự án;
- Xử lý vi phạm đối với các cá nhân và bộ phận khi thực hiện không đúng quy trình, quy định và vi phạm các nội quy.

Ở chiều còn lại, các công ty của APH có các đơn vị phụ trách lắng nghe và tiếp thu ý kiến khách hàng để khắc phục các thiếu sót trong việc thực hiện dịch vụ một cách kịp thời nhất.

6.7. Hoạt động Marketing

a. Chính sách bán hàng

Thông thường các doanh nghiệp trong ngành thường chọn các hình thức quảng cáo giới thiệu sản phẩm của mình thông qua các phương tiện truyền thống như làm triển lãm, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, đối với An Phát, do đặc điểm khách hàng phần lớn là các nhà phân phối nước ngoài, Công ty thường tham gia các hội chợ bán hàng quốc tế như: Hội chợ Interpack tại Đức, Hội chợ bao bì ngành nhựa tại Thái Lan, Hội chợ tại Úc, Nam Phi, Mỹ... và nhiều hội chợ khác tại Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội. Bên cạnh đó, Công ty cũng tìm kiếm các khách hàng qua các trang thương mại điện tử bên cạnh việc quảng bá tích cực tại website: www.anphatbioplastics.com.

Đặc biệt, An Phát rất chú trọng đến việc phát triển hình ảnh “**Môi trường xanh**” của mình. Công ty thường tổ chức các cuộc đón tiếp các cháu thiếu nhi từ các trường quốc tế tại Hà Nội đến thăm quan, mời các tổ chức phi Chính phủ đến tìm hiểu về quy trình sản xuất cũng như môi trường làm việc của Công ty.

Ngoài ra, Công ty tập trung vào các sản phẩm cho ngành công nghiệp hỗ trợ nên hoạt động Marketing để quảng bá giới thiệu về Công ty chủ yếu thông qua các buổi giao thương, gặp gỡ giữa các doanh nghiệp được tổ chức bởi Trung tâm xúc tiến Thương mại - Bộ công thương, Tổ chức Jestro... Ngoài ra Công ty cũng tích cực tham gia các triển lãm trong và ngoài nước, gửi email và phát tờ rơi giới thiệu sản phẩm đến các doanh nghiệp để quảng bá hình ảnh công ty và tìm kiếm thêm khách hàng mới.

b. Chính sách chăm sóc khách hàng

Khách hàng của Công ty thường là những khách hàng lớn, truyền thống; do đó việc chăm sóc khách hàng rất được coi trọng. Trên website của Công ty luôn có ít nhất 3 nhân viên kinh doanh

online, sẵn sàng trả lời các câu hỏi liên quan đến An Phát, đến các sản phẩm của An Phát hay về tình hình trên thị trường của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên mời các đối tác tới thăm quan nhà máy, môi trường làm việc của Công ty. Đối với các khách hàng trong nước, với tâm niệm quyền lợi của khách hàng, người tiêu dùng là mối quan tâm hàng đầu của doanh nghiệp, Công ty tổ chức các Hội nghị khách hàng nhằm lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của các khách hàng, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong nước.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng logo của Công ty:

Logo của công ty đã được làm thủ tục đăng ký nhãn hiệu với Bộ Khoa học và Công nghệ và đang chờ cấp phép.



Từ ngày 29/09/2018, tập đoàn An Phát Holdings chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới với tầm nhìn trở thành tập đoàn nhựa kỹ thuật cao và thân thiện với môi trường hàng đầu Đông Nam Á. Theo đó, Tập đoàn An Phát Holdings và tất cả 11 thành viên đều thống nhất sử dụng một logo duy nhất. Logo mới được thiết kế cách điệu từ chữ A, biểu tượng dẫn đầu và là chữ cái đầu tiên của thương hiệu An Phát. Hai màu xanh dương và màu xanh lá cây được sử dụng chủ đạo mang nhiều ý nghĩa. Màu xanh dương biểu trưng cho công nghệ, thể hiện xu hướng hội nhập của An Phát trong thời đại công nghệ số 4.0.

Trong logo có chứa một mũi tên đi lên đại diện cho khát vọng tiến lên phía trước, không ngừng nỗ lực của An Phát. Đặc biệt, logo mới có hình dạng ngọn núi, truyền tải thông điệp về định hướng trở thành chỗ dựa vững chắc, thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt, giúp nâng tầm ngành nhựa Việt Nam.

Các công ty thành viên sử dụng một bộ nhận diện thương hiệu, thể hiện sự đồng lòng, cùng hướng đến sứ mệnh chung. Cùng với đó, An Phát tập trung phát triển văn hóa doanh nghiệp theo chiều sâu, phát huy những giá trị, niềm tin, chuẩn mực mà tập đoàn đã tạo dựng để thích nghi với sự thay đổi mới của chiến lược kinh doanh.

Nhãn hiệu a.net compostable:



Nhãn hiệu a.net compostable được chấp thuận đăng ký nhãn hiệu bởi Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 26 tháng 07 năm 2019.

Nhãn hiệu gồm hai phần: phần hình và phần chữ. Hình chiếc lá biểu tượng cho tầm nhìn của công ty luôn hướng tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi

trường. Phần chữ a lấy từ gốc của chữ An của tập đoàn An Phát, đồng thời là chữ cái đầu tiên trong bảng chữ cái, mang ý nghĩa hàng đầu, chất lượng. Chữ “net” trong tiếng Anh có nghĩa là lưới, chữ Compostable có nghĩa là phân hủy được. Nhãn hiệu biểu trưng cho sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn dùng để đánh bắt các loại thủy hải sản.

Nhãn hiệu an bio:



Nhãn hiệu an bio được chấp thuận đăng ký nhãn hiệu bởi Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 30 tháng 07 năm 2019.

Nhãn hiệu gồm hai phần: phần hình và phần chữ. Hình chiếc lá biểu tượng cho tầm nhìn của công ty luôn

hướng tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Phần chữ a lấy từ gốc của chữ An của tập đoàn An Phát. Chữ bio là trong tiếng anh là viết tắt của tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ sinh học.

Nhãn hiệu an green:



Nhãn hiệu an green được chấp thuận đăng ký nhãn hiệu bởi Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 30 tháng 07 năm 2019.

Nhãn hiệu gồm hai phần: phần hình và phần chữ.

Hình chiếc lá biểu tượng cho tầm nhìn của công ty luôn hướng tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Phần chữ a lấy từ gốc của chữ An của tập đoàn An Phát, chữ green là xanh.

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 18. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Khách hàng	Công ty cung cấp	Tên hợp đồng	Sản phẩm	Giá trị sau thuế	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Canberg Trade LP	Công ty CP Nhựa An Phát Xanh	PLL2019.016	Bao bì màng mỏng	12	27/12/2019	2020
2	KOMPOL SP. Z O.O.	Công ty CP Nhựa An Phát Xanh	02-APKOM-2020	Bao bì màng mỏng	9	20/01/2020	2020
3	PLATEC CO., LTD	Công ty CP Nhựa An Phát Xanh	02-APPLATEC-2020	Bao bì màng mỏng	4	6/2/2020	2020
4	ESTREITORIE NTAL-UNIPES SOAL, LDA	Công ty CP Nhựa An Phát Xanh	REI2020.002	Bao bì màng mỏng	3	17/01/2020	2020
5	JAPACK'S INC	Công ty CP Nhựa An Phát Xanh	40J-JAPACK AP-2019	Bao bì màng mỏng	5	18/01/2020	2020
6	GEORDIAN	Công ty CP Nhựa An Phát Xanh	03-APGEO-2020	Bao bì màng mỏng	7	5/2/2020	2020
7	Công ty Honda Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng ô tô, xe máy	654	16/06/2009	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
8	Công ty TNHH Piaggio Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	59	01/04/2014	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu

							từ các bên
9	Công ty TNHH Panasonic Appliances tại Thăng Long	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng máy văn phòng	24	10/3/2015	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
10	Công ty TNHH Panasonic Appliances tại Hưng Yên	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Hợp đồng nguyên tắc	Linh kiện máy giặt	7	1/4/2016	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
11	Công ty ô tô TOYOTA Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng ô tô	11	1/4/2012	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
12	Nhà máy sx phụ tùng và lắp ráp xe máy - Công ty VMEP	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	11	1/1/2017	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
13	Công ty phụ tùng xe máy ô tô Goshi Thăng Long	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	70	22/08/2006	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
14	Công ty Honda Lock	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Hợp đồng	Phụ tùng xe máy	9	10/7/2010	01 năm và tự động gia

			nguyên tắc				hạn nêu không có yêu cầu từ các bên
15	Công ty TNHH SX và Kinh doanh Vinfast	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Hợp đồng khung mua bán hàng hóa	Phụ tùng xe máy	13	31/06/2018	02 năm và tự động gia hạn
16	Công ty LGE, Se verone, Dongjin	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Hợp đồng mua bán tổng thể	Linh kiện máy giặt	36	1/1/2018	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
17	Công ty TNHH Elentec Việt Nam	Công ty TNHH An Trung Industries	Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa	Ốp điện thoại, khung xương điện thoại của sam sung	120	1/3/2019	01/03/2019 – 01/03/2022
18	Công ty Cổ Phần In Tân Việt	Công ty TNHH An Trung Industries	Hợp đồng nguyên tắc	Ốp điện thoại Vinsmart	5	29/06/2019	29/06/2019 – 15/06/2021
19	Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long	Công ty TNHH An Trung Industries	Hợp đồng nguyên tắc	Thiết bị xe máy Yamaha	10.8	1/2/2019	01/02/2019, tự động gia hạn khi hết hạn
20	Công ty TNHH Brother Việt Nam	Công ty TNHH An Trung Industries	Hợp đồng nguyên tắc	Thiết bị máy in, máy fax, máy photo	Không có cơ sở ước tính giá trị của HĐ	23/01/2019	23/01/2019, tự động gia hạn hàng năm khi hết hạn
21	Công ty Cơ Khí Chính Xác, Dịch Vụ	Công ty TNHH An Trung Industries	Hợp đồng nguyên tắc	Thiết bị máy giặt Panasonic	5	2/1/2019	02/01/2019, tự động gia hạn hàng

	và Thương Mại Việt Nam					năm khi hết hạn
--	---------------------------------	--	--	--	--	--------------------

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 19. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng trưởng	Lũy kế đến Quý 1 2020
Tổng giá trị tài sản	2.338.681	2.545.449	9%	2.457.623
Vốn chủ sở hữu	1.540.284	1.919.507	25%	1.920.182
Doanh thu thuần	1.929	25.233	1.208%	13.176
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(10.477)	38.159	464%	3.422
Lợi nhuận khác	42	39	-7%	-
Lợi nhuận trước thuế	(10.435)	38.198	466%	3.422
Lợi nhuận sau thuế	(10.435)	38.198	466%	3.422
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ túc	0%	0%	0%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	n/a	2%	-	n/a

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2018 và 2019, BCTC quý 1 năm 2020

Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát Holdings đã có nhiều sự tăng trưởng vượt bậc so với năm 2018. Đối với công ty mẹ, vốn chủ sở hữu tăng 25% và tổng giá trị tài sản tăng 9%, chủ yếu nhờ ba

đợt tăng vốn trong năm 2019. Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế cũng tăng mạnh, mức độ tăng trưởng lần lượt là 1.208% và 466%.

Bảng 20. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	Lũy kế đến Quý 1 2020
Tổng giá trị tài sản	8.191.262	9.987.996	22%	9.531.475
Vốn chủ sở hữu	2.933.519	4.063.099	39%	4.074.844
Doanh thu thuần	8.027.337	9.513.195	19%	1.834.755
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	209.603	815.537	289%	44.745
Lợi nhuận khác	8.352	6.750	-19%	13.063
Lợi nhuận trước thuế	217.956	822.288	277%	57.808
Lợi nhuận sau thuế	176.120	711.737	304%	41.843
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%	0%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	5,03%	20,35%	15%	N/A

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018 và 2019, BCTC quý 1 năm 2020

Các chỉ số tài chính hợp nhất cũng có những tăng trưởng đáng chú ý, bao gồm doanh thu thuần tăng 19%, lợi nhuận thuần từ HĐKD tăng 289% và lợi nhuận sau thuế tăng 304%. Những tăng trưởng này là nhờ những yếu tố sau:

- Công ty có nhiều chính sách thúc đẩy bán hàng, mở rộng thị phần.
- Lĩnh vực kinh doanh nòng cốt tăng trưởng, khẳng định vị trí doanh nghiệp bao bì số 1 Việt Nam: Trong đó sản lượng bán bao bì năm 2019 đạt hơn 95.700 tấn, duy trì tăng trưởng 11% so với cùng kỳ. Sản lượng hạt phụ gia Calbest và bột đá đạt 95.727 tấn, tăng trưởng 58% so với năm 2018.

- Khu công nghiệp An Phát Complex đạt tỷ lệ lấp đầy 60%: Sau khi đã hoàn thiện các thủ tục đầu tư và cải tạo hạ tầng, chỉ trong năm 2019 An Phát Complex đã lấp đầy 60% diện tích khu công nghiệp, khẳng định được sức hấp dẫn trong mắt các nhà đầu tư. Trong năm 2019, doanh thu từ khai thác khu công nghiệp bao gồm bán, cho thuê đất, nhà xưởng, đóng góp 707 tỷ đồng doanh thu và 309 tỷ đồng lợi nhuận gộp.
- Tăng quy mô sản xuất linh kiện nhựa kỹ thuật: Với kinh nghiệm hợp tác và mối quan hệ gắn bó với các doanh nghiệp ô tô, xe máy, điện – điện tử toàn cầu như Honda, Toyota, Samsung, Brother, LGE, Panasonic... Công ty tiếp tục coi đây là thế mạnh và mũi nhọn trong chiến lược dài hạn. Đặc biệt, cuối năm 2019 Công ty nhập mới 100% thiết bị chế tạo khuôn từ Nhật Bản với các thương hiệu nổi tiếng như Yasda, Makino, Fanuc...
- Trong tháng 11 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 2.200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, tương ứng 6,39% tỷ lệ sở hữu, với tổng giá phí được trả bằng tiền là 88,13 tỷ đồng, theo đó, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty này từ 48,78% lên 55,17% và Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày 06/11/2019 (sau đây gọi là “**Ngày Kiểm Soát**”)

Theo tiết b, khoản 1, điều 15 Thông tư 202/2014/TT-BTC quy định:

“b). Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Khi đạt được quyền kiểm soát, trên Báo cáo tài chính hợp nhất công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; Phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào các chỉ tiêu thuộc phân vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.”

Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
Tỷ lệ sở hữu trước Ngày Kiểm Soát	%	48,78%
Số lượng cổ phần nắm giữ trước Ngày Kiểm Soát (1)	Cổ phiếu	16.800.000
Giá trị khoản đầu tư trước Ngày Kiểm Soát (a)	VND	426.221.798.751
Cổ tức nhận được tại ngày 12/08/2019 (b)	VND	(8.400.000.000)
Lợi nhuận từ liên doanh, liên kết đã ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu (c)	VND	23.836.950.756
Giảm lợi ích do Công ty CP Nhựa Hà Nội phát hành ESOP (tháng 08/2019) (d)	VND	(10.772.164.622)
Tổng giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu trước Ngày Kiểm Soát (2) = (a) + (b) + (c) + (d)	VND	430.886.584.885

Giá trị thị trường tại Ngày Kiểm Soát (3)	Đồng/CP	40.000
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư trước Ngày Kiểm Soát (4) = (1)*(3)	VND	672.000.000.000
Chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại và giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu (5) = (4)-(2)	VND	241.113.415.115

Theo đoạn 24 của Chuẩn mực kiểm toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh và theo Mục 3.2, Điều 41, Thông tư 200: *Bên mua sẽ xác định giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: Giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh.*

Do vậy tổng Giá phí hợp nhất kinh doanh là 760,13 tỷ VND bao gồm 88,13 tỷ VND đã được thanh toán bằng tiền và 672 tỷ VND là giá trị hợp lý của khoản đầu tư trước Ngày Kiểm Soát. Chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản đầu tư và giá trị của khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu trước Ngày Kiểm Soát là 241,11 tỷ VND được ghi nhận vào chi tiêu doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

a. Thuận lợi:

Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mang đến nhiều cơ hội

Theo các chuyên gia và doanh nghiệp nhựa, việc Việt Nam ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã mang đến nhiều cơ hội cho doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm từ nhựa. Các đối tác đang chuyển dần đơn hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam để tận dụng chi phí sản xuất rẻ và thuế xuất khẩu được hưởng nhiều ưu đãi. Đồng thời, nhu cầu nhập khẩu sản phẩm nhựa tại thị trường các nước châu Âu (EU), Nhật Bản vẫn ở mức cao, trong khi đó, khách hàng tại các quốc gia này ngày càng ưa thích sản phẩm nhựa Việt Nam.

Đáng chú ý, cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang khiến cho nhiều doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm từ nhựa của Trung Quốc ngày càng tìm đến các nước trong khu vực Đông Nam Á để đầu tư nhằm tránh Mỹ đánh thuế cao nhóm mặt hàng này nhập từ Trung Quốc, trong đó Việt Nam được xem là một trong những điểm đến được chú ý.

Giới kinh doanh dự báo khả năng sẽ có nhiều đơn hàng sản xuất mặt hàng này ở Trung Quốc chuyển sang Việt Nam thực hiện, đòi hỏi doanh nghiệp trong nước phải chuẩn bị để nắm bắt cơ hội.

Đáng chú ý, nhiều công ty đa quốc gia sẽ phải đi gia công các sản phẩm để cung cấp cho các hệ thống bán lẻ của họ. Trước đây các tập đoàn này vốn đặt hàng gia công ở Trung Quốc, nhưng trong cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung sẽ dẫn đến sự chuyển dịch sang các nước khác, trong đó có Việt Nam. Điều này, đòi hỏi doanh nghiệp sản xuất ngành này phải mạnh dạn đầu tư, thay đổi công nghệ để đáp ứng tiêu chuẩn của nhà mua hàng.

Chính phủ đồng ý kiến nghị không tăng thuế nhập khẩu nguyên liệu nhựa PP

Giữa tháng 11/2019 vừa qua, Hiệp hội nhựa Việt Nam (VPA) nhận được công văn của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 125/2017/NĐ-CP, trong đó Bộ Tài chính đề xuất điều chỉnh tăng thuế nhập khẩu đối với mặt hàng Polypropylen (hạt nhựa PP thuộc nhóm HS 3902) từ 3% lên 5%.

Theo Hiệp hội nhựa Việt Nam (VPA), sau khi nhận được công văn kiến nghị của VPA, Bộ Tài chính đã có tờ trình Chính phủ đề xuất không tăng thuế nguyên liệu nhựa PP từ mức 3% lên 5% như cách đây vài tháng.

Đây là tin rất vui đối với cộng đồng doanh nghiệp ngành nhựa ngay đầu năm 2020.

Việc giữ nguyên mức thuế nguyên liệu nhựa PP sẽ được kéo dài đến năm 2022, khi các nhà máy sản xuất nguyên liệu trong nước đảm bảo nguồn cung trên 50% sản lượng nội địa.

b. Khó khăn:

Ngành nhựa điều đứng vì sức mua thấp do COVID-19

Đầu năm 2020, dịch bệnh COVID-19 ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế thế giới, đặc biệt các mặt hàng xuất khẩu. Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn thứ 4 sản phẩm nhựa của Việt Nam, kim ngạch 148,7 triệu USD, chiếm 4,3% tổng kim ngạch của xuất khẩu sản phẩm nhựa. Việc biên giới giữa Trung Quốc – Việt Nam đóng cửa để ngăn ngừa dịch bệnh lây lan gây thiệt hại không hề nhỏ. Không chỉ Trung Quốc, dịch bệnh bùng phát ở Hàn Quốc, Nhật Bản cũng khiến một số nhà máy sản xuất ô tô, xe máy tạm đóng cửa do bị gián đoạn chuỗi cung ứng các nguyên vật liệu từ Trung Quốc. Do đó, doanh thu xuất khẩu những mặt hàng linh kiện ô tô xe máy của APH có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Thị trường ngành nhựa kỹ thuật cạnh tranh rất cao

Cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt, đặc biệt các doanh nghiệp nước ngoài hiện nay đang dịch chuyển mua hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam do đó chính sách giá cả của Trung Quốc biến động tăng, song họ lại ép doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng giá rẻ như mục tiêu trước đây của họ tại Trung Quốc, gây bất lợi cho doanh nghiệp có quy mô, chuyên nghiệp, quản lý bài bản.

Công ty luôn nhận thức được vấn đề này và đang áp dụng nhiều biện pháp để tăng cường tính cạnh tranh như áp dụng các quy trình quản trị chi phí, quản trị tài chính tiên tiến hiện nay để bảo toàn lợi nhuận, tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá, hay duy trì chế độ kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nhu cầu sử dụng xe máy của thị trường đang trên đà giảm tốc

Sản phẩm chiếm tỷ trọng doanh thu lớn hiện nay của Công ty Nhựa Hà Nội là các chi tiết nhựa để lắp ráp xe máy. Tuy nhiên hiện nay thị trường xe máy đã bão hoà và định hướng của Chính phủ Việt Nam là hướng tới phát triển giao thông công cộng, hạn chế xe máy trong các thành phố lớn nên sức cầu mua của thị trường được dự báo sẽ giảm trong thời gian tới.

Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã cố gắng đa dạng hóa danh mục sản phẩm. Công ty đã ký thêm hợp đồng cung cấp linh kiện máy giặt cho một số công ty Hàn Quốc và hợp đồng cung cấp phụ tùng xe máy với Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast. Những hợp đồng ký mới này, đặc biệt là hợp đồng với Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast dự kiến sẽ đem lại nguồn doanh thu đáng kể cho Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội trong giai đoạn sắp tới. Ngoài ra, Công ty đã triển khai thêm sản xuất kinh doanh hạt nhựa và các thiết bị linh kiện điện tử từ năm 2019.

Chính sách bảo vệ môi trường

Những chính sách mới của thế giới và Việt Nam trong vấn đề hạn chế sử dụng túi nilon do lo ngại ảnh hưởng về môi trường từ những sản phẩm khó phân hủy. Theo nhận định của các nhà lập pháp và khoa học thì việc sử dụng quá nhiều túi nilon không phân hủy hiện nay làm gia tăng nghiêm trọng sự bào mòn nguồn tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng sâu sắc tới môi trường sống, do đó đã áp dụng các chính sách hạn chế sử dụng túi nilon thông thường. Vì vậy, việc tìm sản phẩm thay thế trong tương lai gần là không tránh khỏi. Nắm bắt được xu thế này, An Phát đã nghiên cứu và sản xuất thành công dòng bao bì nhựa tự phân hủy - sản phẩm thân thiện với môi trường và đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe về môi trường của thế giới. Sản phẩm túi tự hủy của công ty được chứng nhận khả năng phân hủy theo tiêu chuẩn châu Âu với Seedling logo và chứng nhận OK HOME COMPOST. Do đó, chính sách hạn chế sử dụng túi nilon không phân hủy không làm ảnh hưởng nhiều tới An Phát.

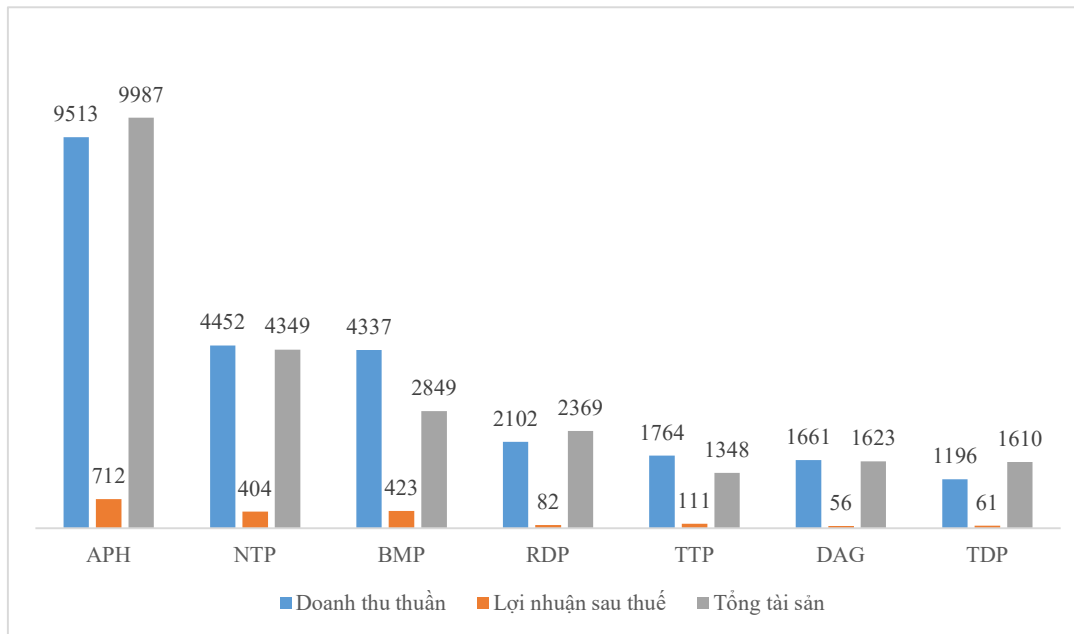
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

a. Vị thế của Công ty trong ngành sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa

Hình 9. Hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp sản xuất nhựa năm 2019

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

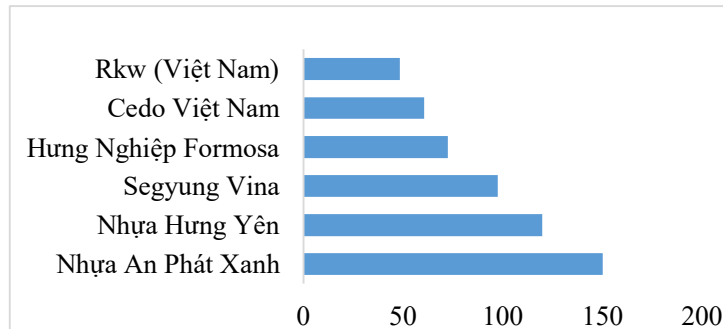


Trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa tại Việt Nam, An Phát là doanh nghiệp có quy mô lớn nhất. Sơ đồ tại hình 15 so sánh doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế và tổng tài sản của APH vào năm 2019 với các doanh nghiệp tiêu biểu cùng ngành như: Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (NTP), Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (BMP), Công ty Cổ phần Rạng Đông Holdings (RDP), Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến (TTP), Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (DAG) và Công ty Cổ phần Thuận Đức (TDP). Theo như sơ đồ cho thấy, APH dẫn đầu trong ngành về cả quy mô, doanh thu và lợi nhuận. Trong đó, tổng tài sản của APH vào năm 2019 đạt 9.987 tỷ VNĐ, gấp 2,2 lần so với doanh nghiệp quy mô lớn thứ hai là NTP. Doanh thu thuần của APH vào năm 2019 cũng đạt 9.513 tỷ, lợi nhuận sau thuế là 712 tỷ, vượt xa so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa, bao bì, túi nilong

Hình 10. Top doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm nhựa năm 2019

(Đơn vị tính: triệu USD)



Trong số các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm túi nilon trong cả nước vừa phục vụ xuất khẩu vừa phục vụ thị trường nội địa, An Phát là doanh nghiệp có quy mô lớn nhất với sản lượng sản xuất hơn 8.000 tấn/tháng.

Bên cạnh đó, An Phát còn là doanh nghiệp có thâm niên 18 năm hoạt động trong ngành này. Vì vậy, Công ty có rất nhiều khách hàng truyền thống, có mối quan hệ trong hoạt động kinh doanh lâu năm. Thị phần hiện nay Công ty đang phát triển là xuất khẩu sản phẩm cho các nhà cung cấp lớn trên thế giới Publi Embal, Compoplast... để từ đó các sản phẩm được phân phối đến khắp các siêu thị lớn ở Châu Âu như Kaufland, ICA, Lidl...

Thế mạnh của Công ty đã được khẳng định trong lĩnh vực xuất khẩu sản phẩm cho các thị trường khó tính như Nhật Bản, Mỹ hay Châu Âu, sức cạnh tranh của An Phát được đánh giá cao và uy tín ngày càng được khẳng định thông qua chất lượng của các sản phẩm và sự tin tưởng của khách hàng truyền thống của Công ty.

Lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa ngành công nghiệp hỗ trợ

Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh theo ngành công nghiệp hỗ trợ, nhờ có thâm niên hoạt động lâu năm từ năm 1972, Công ty đã tạo lập được một vị thế nhất định trong ngành công nghiệp nhựa hỗ trợ, được tổ chức xúc tiến thương mại JETRO Nhật Bản đánh giá cao. Năm 1996, Công ty con NHH đã vượt qua các doanh nghiệp FDI hoạt động trong cùng lĩnh vực cung ứng phụ tùng xe máy để trở thành nhà cung cấp 1 của Honda tại Việt Nam, hiện cung cấp 40% cho tổng chi tiết nhựa của Honda. Từ đó đến nay, Công ty đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung cấp phụ tùng xe máy cho các thương hiệu lớn như Honda, SYM, Ford Việt Nam, Toyota, LG.

Đến nay, Công ty đã phát triển thêm nhiều ngành hàng như điện – điện tử, phụ tùng ô tô, các linh kiện cho ngành xây dựng, khuôn mẫu chính xác, kích thước lớn, cung cấp cho các công ty Panasonic, LG Việt Nam, Toyota Việt Nam và các tập đoàn tại Nhật Bản (Lixil Group, Housotec, Hashimoto, Shoden Corp.). Như vậy, Sản phẩm nhựa kỹ thuật và khuôn mẫu phục vụ ngành nhựa của công ty nhiều năm liền được UBND Thành phố Hà Nội công nhận là sản

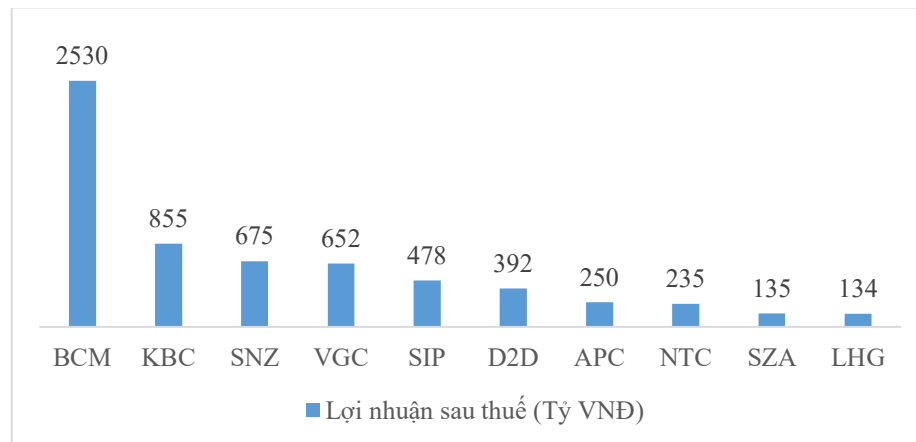
phẩm chủ lực của Thành phố, khách hàng của công ty chiếm tới 90% là khách hàng có yếu tố nước ngoài.

Điểm cạnh tranh lớn của Công ty là vừa có xưởng khuôn đủ thiết kế chế tạo khuôn, vừa có xưởng nhựa lớn để chế tạo sản phẩm, nhờ đó Công ty có thể chủ động thiết kế, chế tạo, bảo trì, bảo dưỡng. Các đơn vị chỉ sản xuất nhựa mà thuê bên ngoài chế tạo bộ khuôn và thử khuôn sẽ mất rất nhiều thời gian, làm giảm sức cạnh tranh. Với bề dày kinh nghiệm, năng lực, và thế mạnh cạnh tranh của xưởng khuôn, Công ty có đủ sức để luôn phát triển mạnh trong lĩnh vực nhựa công nghiệp hỗ trợ.

b. Vị thế của Công ty trong kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp

Doanh thu của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp đến từ doanh thu của Công ty con TNHH Khu Công Nghiệp Kỹ Thuật Cao An Phát (APC), hoạt động chính là phát triển Khu Công nghiệp Kỹ Thuật Cao An Phát Complex. Dù mới hoạt động từ cuối năm 2017, đến nay, APC đã đạt được những tăng trưởng vượt bậc trong doanh thu và lợi nhuận. Năm 2019, lợi nhuận của Công ty đạt 250 tỷ, tăng trưởng gấp 125 lần so với năm 2018. Mức lợi nhuận này cũng thuộc top đầu những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phát triển khu công nghiệp trong nước.

Hình 11. Lợi nhuận sau thuế các doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp năm 2019



Hình 14 thể hiện lợi nhuận sau thuế của 10 doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp Việt Nam, gồm Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (Becamex IDC – BCM), Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – CTCP (KBC), Tổng Công ty Cổ phần phát triển khu Công nghiệp Sonadezi (SNZ), Tổng Công ty Viglacera (VGC), Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG (SIP), Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (D2D), Công ty TNHH Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (APC), Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên (NTC), Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình (SZA), Công ty Cổ phần Long Hậu (LHG). Có thể thấy, mức lợi nhuận 250 tỷ của APC đạt được chỉ sau hơn 1 năm hoạt động còn vượt

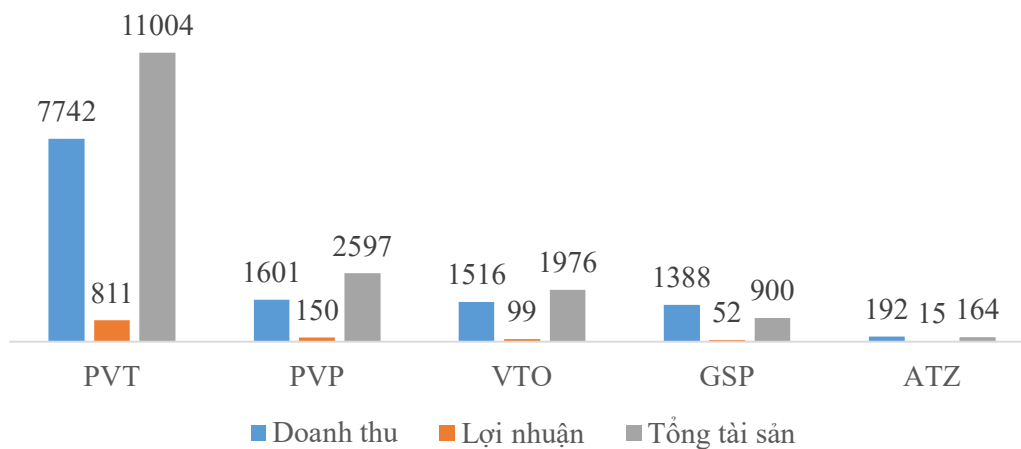
qua nhiều Công ty hoạt động lâu năm trong ngành phát triển khu công nghiệp như NTC (lợi nhuận 2019 đạt 235 tỷ đồng), LHG (lợi nhuận 2019 đạt 133 tỷ đồng). Với mục tiêu lấp đầy khu công nghiệp An Phát Complex trong năm 2020, cùng với dự án KCN Quốc Tuấn – An Bình diện tích 180 ha mới được giao từ tỉnh Hải Dương, dự kiến Công ty sẽ tạo được vị thế vững chắc, nằm trong nhóm những doanh nghiệp đi đầu và phát triển bền vững trong lĩnh vực doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp.

c. Vị thế của công ty trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải

Doanh thu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải của APH đến chủ yếu từ Công ty con – Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín (ATZ). Vì tiền thân của ATZ là một công ty nhỏ chuyên phụ trách vận chuyển hàng hóa, nên so sánh với các nhóm các doanh nghiệp đầu ngành vận tải, quy mô của Công ty vẫn còn là khá khiêm tốn. Hình 17 thể hiện doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế và tổng tài sản của một số doanh nghiệp vận tải năm 2019, bao gồm: Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVT), Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVP), Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (VTO), Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế (GSP). Có thể thấy, xét về doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế và tổng tài sản, ATZ vẫn còn là một doanh nghiệp nhỏ trong ngành nhưng. Điều này cũng là dễ hiểu vì vận tải không phải là ngành nghề chính mà tập đoàn An Phát tập trung vào. Tuy nhiên, ATZ mới được thành lập vào năm 2016 và đã là mắt xích vô cùng quan trọng trong hệ sinh thái khép kín của An Phát, giúp hoàn thiện chuỗi cung ứng của An Phát. Ngoài ra, với những dịch vụ chất lượng cao, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động, và tinh thần không ngừng phát triển, ATZ hứa hẹn sẽ trở thành một trong những lựa chọn hàng đầu đối với khách hàng cũng như chủ đầu tư trong lĩnh vực vận tải.

Hình 12. Hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp vận tải năm 2019

(Đơn vị tính: tỷ đồng)



8.2. Triển vọng phát triển của ngành nhựa

a. Triển vọng ngành nhựa

• Triển vọng phát triển của ngành nhựa nói chung

Với mức tăng trưởng từ 16 - 18% trong 5 năm trở lại đây, ngành nhựa hiện chỉ đứng sau ngành viễn thông, dệt may và là ngành khá hấp dẫn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường đã làm cho tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Tính trên cả nước hiện có khoảng gần 2.000 doanh nghiệp nhựa đang hoạt động. Số lượng doanh nghiệp nội vẫn đang chiếm ưu thế với 85%. Thế nhưng, khi xét về chất lượng đầu tư thì ngược lại. Hiện doanh nghiệp ngoại tuy chỉ có khoảng 15% số lượng nhưng lại chiếm tới 40% tổng đầu tư toàn ngành với trang thiết bị máy móc, công nghệ thuộc dạng hiện đại nhất hiện nay. Nguồn nhân lực tham gia tại nhà máy của họ cũng thuộc dạng tay nghề cao và trình độ hơn hẳn nguồn nhân lực đang hoạt động tại các doanh nghiệp nội.

Ngành nhựa được dùng làm vật liệu sản xuất cho nhiều loại vật dụng góp phần quan trọng vào phục vụ đời sống con người cũng như phục vụ cho sự phát triển của nhiều ngành và lĩnh vực kinh tế khác như: điện - điện tử, viễn thông, giao thông vận tải, thủy sản, nông nghiệp v.v. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, nhựa còn được ứng dụng và trở thành vật liệu thay thế cho những vật liệu truyền thống tưởng chừng như không thể thay thế được là gỗ, kim loại, silicat v.v. Do đó, ngành công nghiệp nhựa ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống cũng như sản xuất của các quốc gia.

Theo quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2025 đã được Bộ Công Thương phê duyệt, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp đến năm 2020 đạt 17,5%, tỷ trọng ngành nhựa so với toàn ngành công nghiệp đến năm 2020 đạt 5,5%. Theo đó, mục tiêu phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020 sẽ trở thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, từng bước xây dựng và phát triển ngành nhựa đồng bộ từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến sản phẩm cuối cùng, tận dụng và xử lý phế liệu phát sinh, tăng dần tỷ trọng nguyên liệu trong nước để trở thành ngành công nghiệp tự chủ, có khả năng hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới.

Ngành nhựa Việt Nam là ngành có tốc độ tăng trưởng ổn định. Trong thời gian qua, các doanh nghiệp nhựa Việt Nam đã có sự hợp tác chặt chẽ với những doanh nghiệp nhựa đến từ các nước khác trong khu vực Châu Á và Đông Nam Á. Đây là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy ngành nhựa Việt Nam phát triển mạnh mẽ, với tốc độ tăng trưởng bình quân 15-20%/năm, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Thêm vào đó ngành nhựa là một trong 10 ngành Nhà nước ưu tiên phát triển do có tăng trưởng tốt và ổn định, xuất khẩu khá mạnh và sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao. Nhà nước đã có chính sách phát triển ngành

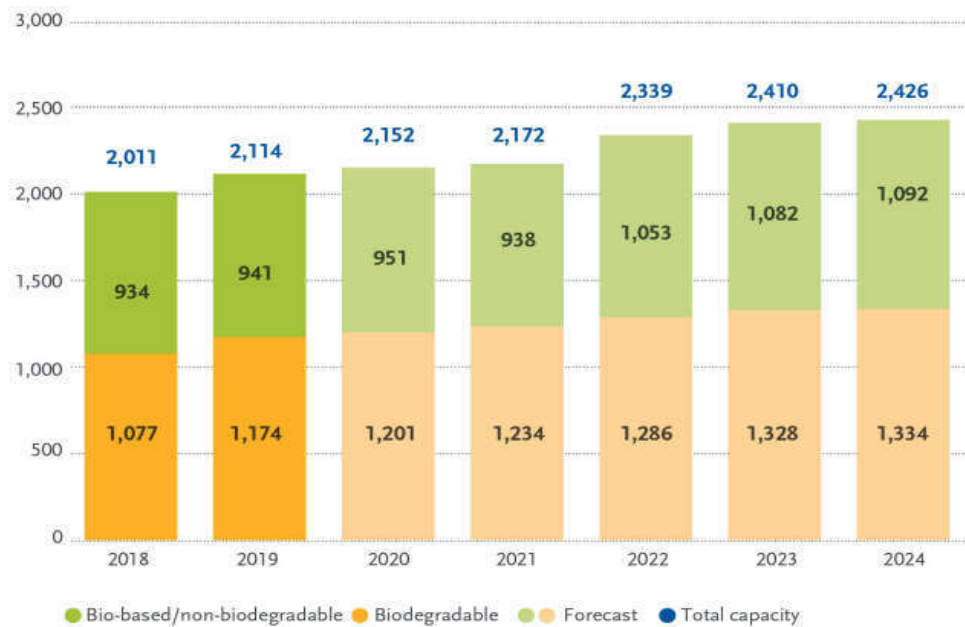
công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho ngành nhựa, định hướng đến năm 2020 nhập khẩu nguyên liệu của ngành chỉ còn khoảng 50%. Đồng thời, Chính phủ thực hiện nhiều chính sách khuyến khích để huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào khâu sản xuất nguyên liệu cho ngành nhựa, vì ngoài tạo ra sản phẩm tiêu dùng trực tiếp, ngành nhựa còn giữ vai trò hỗ trợ sản xuất cho các ngành khác.

- **Triển vọng ngành nhựa tự hủy sinh học**

Nhựa sinh học chiếm khoảng 1% trong số hơn 359 triệu tấn nhựa được sản xuất hàng năm. Nhưng cùng với nhu cầu đang gia tăng và sự xuất hiện của các ứng dụng/sản phẩm sinh học mới, thị trường nhựa sinh học đang không ngừng phát triển và đa dạng hóa. Năng lực sản xuất nhựa sinh học toàn cầu được dự báo sẽ tăng từ khoảng 2,11 triệu tấn vào năm 2019 lên khoảng 2,43 triệu tấn vào năm 2024.

Hình 13. Sản lượng nhựa sinh học toàn cầu giai đoạn 2018-2024

Đơn vị: Nghìn tấn



Không tự hủy sinh học
Tự hủy sinh học
Dự báo
Tổng sản lượng

Nguồn: European Bioplastics

Nhận thức được việc không kiểm soát rác thải nhựa truyền thống sẽ gây hại nghiêm trọng tới môi trường tự nhiên và sức khỏe của con người, từ những năm đầu thế kỷ 20 tới nay, đã có 112 quốc gia trên thế giới quy định cấm sử dụng các loại sản phẩm nhựa không phân hủy sinh học.

Một nghiên cứu tại thị trường Châu Mỹ cho biết: Các nước Châu Mỹ hầu hết đã cấm/đánh thuế cao đối với túi dùng một lần, trong đó những thị trường tiềm năng cho sản phẩm nhựa tự hủy là thị trường Mỹ, Canada, Brazil, Mexico và Argentina. Bên cạnh đó, các chuỗi dịch vụ ăn uống lớn đang có kế hoạch dùng sử dụng hoặc chỉ cung cấp ống hút/cốc dùng một lần cho khách hàng nào yêu cầu. Một số thương hiệu lớn tại Châu Mỹ như Starbucks, McDonald, Brazilian fast food chain Bob's, Mexico-base restaurant TOKS, Outback, Abbraccio đã áp dụng những chính sách này.

Ở Việt Nam, Chính phủ đã cam kết cao trong việc loại bỏ các rác thải nhựa. Phát biểu tại phiên họp về khí hậu môi trường tại Hội nghị thượng đỉnh G20 ngày 29/6/2019 ở Nhật Bản, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cam kết đồng hành cùng các quốc gia giải quyết vấn đề rác thải nhựa. Thủ tướng kêu gọi các cấp các ngành, đoàn thể và toàn xã hội thực hiện phương châm: “nhà nhà hạn chế rác thải nhựa, người người phòng chống ô nhiễm rác thải nhựa, xã hội tiến đến nói không với rác thải nhựa; phấn đấu đến năm 2021 các cửa hàng, các chợ, các siêu thị ở đô thị không sử dụng đồ nhựa dùng một lần; đến năm 2015 cả nước không sử dụng đồ nhựa dùng một lần”. Trước đó, Việt Nam đã tham gia Tuyên bố Bangkok về chống lại rác thải nhựa đại dương được đưa ra trong Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 34.

Với sự phát triển của khoa học công nghệ, ngày nay, con người đã có thể tổng hợp các chất hóa học từ các chế phẩm gốc thực vật có cơ lý tính tương tự và thay thế cho các PE, PP gốc hóa dầu. Các sản phẩm sản xuất từ các vật liệu sinh học này được gọi là sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn, có khả năng phân hủy 100% trong khoảng thời gian từ 6 đến 12 tháng trong điều kiện tiêu chuẩn. Như vậy, với khả năng công nghệ cùng chính sách cấm sử dụng đồ nhựa dùng 1 lần, xu hướng chuyển dịch từ nhựa truyền thống sang nhựa tự hủy sinh học là rõ ràng và không thể đảo ngược, cả ở Việt Nam và toàn thế giới.

b. Triển vọng phát triển của ngành kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp

Với sự phát triển của nền công nghiệp Việt Nam và nền công nghiệp phụ trợ ở 4 lĩnh vực gồm cơ khí, điện và điện tử, nhựa và cao su, vật liệu, nhiều cụm công nghiệp lớn đã được thành lập trên toàn quốc. Sự phát triển của các cụm công nghiệp đã thúc đẩy nhu cầu về nhà xưởng xây sẵn và nhà kho do: Quỹ đất KCN dần khan hiếm; mang lại hiệu quả về thời gian và chi phí cho các nhà đầu tư; tối đa hóa việc sử dụng tài nguyên phát triển; sự bền vững trong phát triển cơ sở hạ tầng.

Nhà xưởng xây sẵn và nhà kho ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao về diện tích nguồn cung trong giai đoạn 2017 – 2019, với mức tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 16,9% ở khu vực phía Bắc và 13,3% ở khu vực phía Nam. Tổng diện tích nguồn cung nhà xưởng xây sẵn và nhà kho trong năm 2019 đạt gần 3,7 triệu m², tăng tới 25,2% ở khu vực phía Bắc và 18,9% ở khu vực

phía Nam. Năm 2020, bất động sản khu công nghiệp và cho thuê được đánh giá sẽ tăng trưởng mạnh mẽ.

c. Triển vọng phát triển của ngành vận tải

Khi nguồn vốn FDI đăng ký cho tăng trưởng năm 2019 là 6,7% so với cùng kỳ 2018 và năm 2018 là 9,1% so với cùng kỳ 2017, tăng trưởng FDI năm 2020 cũng được kỳ vọng hỗ trợ sản lượng tăng trưởng ở mức tương đương. Năm 2020, tổng sản lượng container quốc tế tại cảng biển được dự báo ước tính tiếp tục tăng trưởng 6-7% so với cùng kỳ 2019, với con đường tăng trưởng mở đầu bằng các công ty có nguồn vốn FDI.

Ước tính doanh thu cảng biển năm 2020 tăng trưởng chỉ ở mức 3-5% so với 2019, và tăng trưởng lợi nhuận không thay đổi vì cạnh tranh trong ngành vẫn còn mạnh.

Với sự bùng nổ của thương mại điện tử Việt Nam, sự gia tăng lưu lượng hàng hóa giao dịch qua các kênh trực tuyến khiến nhu cầu vận tải và logistic, đặc biệt là dịch vụ giao hàng tăng cao. Theo thống kê, số lượng đơn hàng qua công ty giao hàng tăng trưởng trung bình 24% giai đoạn 2014 – 2020, có thể đạt 530 triệu đơn hàng vào năm 2020. Ước tính các công ty giao nhận ghi nhận tăng trưởng doanh thu ở mức 30-40% so với 2019 từ mức tăng trưởng của quy mô thị trường là 20%.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

a. Định hướng phát triển của Công ty

- Trở thành tập đoàn đại chúng tiên phong trong ngành sản xuất và kinh doanh hóa nhựa Việt Nam, tạo ra giải pháp lớn để thống nhất thị trường trong nước, giữ vững và mở rộng thị phần toàn cầu, tiến tới vị thế dẫn đầu trong ngành nhựa bao bì và nhựa kỹ thuật tại Đông Nam Á
- Làm chủ công nghệ sản xuất nguyên liệu tự hủy sinh học, hoàn thành chuỗi giá trị tự hủy sinh học từ nguyên vật liệu tới thành phẩm.

Tiên phong dẫn đầu ngành nhựa bao bì và nhựa kỹ thuật

- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển để đưa vào sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa có hàm lượng công nghệ cao, gia tăng doanh thu cho công ty, gia tăng giá trị cho xã hội và các cổ đông.
- Kéo dài chuỗi sản phẩm ngành hóa nhựa từ nguyên vật liệu đầu vào đến đầu ra và sản phẩm cuối cùng đến tay người tiêu dùng, làm gia tăng giá trị ngành, nâng cao sự phát triển của ngành hóa nhựa Việt Nam, gia tăng sức cạnh tranh của ngành sản xuất Việt Nam trên thế giới.

- Mở rộng thị trường, đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới bằng việc nâng cao hình ảnh, uy tín đến từ chất lượng sản phẩm cung cấp cho các khách hàng hiện hữu. Tập đoàn sẽ chú trọng mở rộng thị trường tới Nhật Bản, Úc, Hoa Kỳ và Mỹ Latin, trong đó nâng cao doanh thu về dòng sản phẩm cao cấp
- Đưa vào áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến hiện đại của thế giới đặc biệt là vấn đề về công nghệ sản xuất và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm làm tăng năng suất lao động, cảnh báo nhanh các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất...

Hoàn thành chuỗi giá trị tự hủy sinh học

- Triển khai dự án sản xuất nguyên liệu tự hủy sinh học gồm 2 giai đoạn: giai đoạn 1 sản xuất hạt nhựa tự hủy PBAT, giai đoạn 2 sản xuất compound (nguyên liệu trực tiếp sản xuất sản phẩm tự hủy) từ hạt PBAT
- Đẩy mạnh sản xuất sản phẩm tự hủy sinh học như túi (AAA), dao thìa đĩa (An Trung Industries) từ nguyên liệu compound tự hủy. Hoàn thành chuỗi giá trị nhựa tự hủy.

b. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng ngành và xu thế thế giới

- Xu hướng ngành nhựa bao bì: các thị trường tiêu thụ bao bì trên thế giới hiện đang ngày càng áp dụng các tiêu chuẩn khắt khe để lựa chọn đơn vị cung cấp. Lợi thế về quy mô, công nghệ và định hướng chú trọng nghiên cứu phát triển của Tập đoàn chính là những điểm cộng, đem lại lợi thế cạnh tranh cho Tập đoàn tại thị trường quốc tế.
- Xu hướng ngành nhựa kỹ thuật: Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và tình hình dịch bệnh Covid-19 chính là những chất xúc tác quan trọng trong làn sóng chuyển dịch sản xuất sản phẩm nhựa hỗ trợ từ Trung Quốc sang Việt Nam. Với kinh nghiệm cung cấp cho nhiều Tập đoàn ô tô xe máy, điện tử, điện gia dụng hàng đầu thế giới, cùng quy mô sản xuất lớn, liên tục cải tiến quy trình, công nghệ, Tập đoàn đã thu hút được thêm nhiều đối tác, đơn hàng mới trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.
- Xu hướng sản phẩm nhựa tự hủy: Với việc cấm/áp thuế cao cho sản phẩm nhựa dùng 1 lần tại nhiều quốc gia trên thế giới cũng như Việt Nam, xu hướng chuyển dịch từ sản phẩm nhựa truyền thống sang nhựa tự hủy sinh học là rất rõ ràng và không thể đảo ngược. Với chiến lược hoàn thiện chuỗi giá trị tự hủy sinh học, Tập đoàn đã trở thành đơn vị tiên phong tại Việt Nam đi trước đón đầu xu thế, không những đem lại lợi ích cho doanh nghiệp, mà còn góp phần bảo vệ môi trường và sức khỏe của cộng đồng.

Như vậy triển vọng phát triển của Công ty là phù hợp với sự phát triển của xu hướng chung của thế giới, với các chính sách của Chính phủ. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh

hướng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận, kế hoạch phát triển mà Công ty đề ra là có tính khả thi cao.

9. Chính sách đối với người lao động

Nhân lực luôn là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

9.1. Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Tính đến ngày 31/12/2019 số lượng cán bộ nhân viên, công ty mẹ APH có 108 người.

Bảng 21. Tình hình lao động của Công ty

Tiêu chí	31/12/2019
Số lượng nhân viên	108
I. Phân theo trình độ học vấn	
1. Trình độ trên đại học	27
2. Trình độ đại học	75
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	3
4. Sơ cấp, trung cấp	0
5. Khác	3
II. Phân theo thời hạn	
1. LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ	0
2. Hợp đồng dài hạn	102
3. Hợp đồng ngắn hạn	6

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập Đoàn An Phát Holdings

9.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Thực hiện nghỉ vào chiều ngày thứ bảy và ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Đào tạo: Chính sách đào tạo của Công ty phải đảm bảo nguyên tắc nguồn lực ổn định và lâu dài đảm bảo cân đối giữa gián tiếp và trực tiếp. Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động trong các hoạt động của mình, Công ty luôn chú trọng đầu tư đào tạo cho nhân viên, đặc biệt là các kỹ năng về marketing và phát triển khách hàng.

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bảng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty và hàng tháng được chi trả một lần vào ngày 15 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng Quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất

đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng trưởng đều qua các năm, thu nhập bình quân toàn Công ty năm 2017 là 7.200.000 đồng/người/tháng, thu nhập bình quân cả năm 2018 là 9.800.000 đồng/người/tháng, thu nhập bình quân cả năm 2019 là 23.000.000 đồng/người/tháng.

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới. Trong năm 2017, 2018 và 2019 Công ty không thực hiện chi trả cổ tức do cần nguồn lực để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

a. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

Bảng 22. Thời gian khấu hao của các loại tài sản

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	04 – 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 -15 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm
Phần mềm máy tính	03 – 06 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	5 – 30 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 – 12 năm
Quyền sử dụng đất	18 – 49 năm

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019

b. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân cán bộ công nhân viên Công ty năm 2019 là 23.000.000 đồng/người/tháng. So với mức lương cơ bản theo quy định của các cơ quan Nhà nước, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là tốt.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 và năm 2019, kể từ khi thành lập cho đến thời điểm hiện tại, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện việc nộp các khoản thuế và phí theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Bảng 23. Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020	31//12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	13.435	31.146	18.907
Thuế thu nhập cá nhân	71	146	141	721	719	420
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-	418	537
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-	7	2
Thuế, phí khác	-	17	-	-	127	-
Tổng cộng	71	163	141	14.156	32.419	19.866

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019, BCTC Quý 1 2020

e. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Năm 2018 công ty trích quỹ là 51.499.038.602 VND và năm 2019 công ty trích quỹ là 41.523.551.949 VND. Trích quỹ trong năm bao gồm Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phục vụ công tác điều hành, cộng đồng, theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

f. Tổng dư nợ vay

Bảng 24. Tình hình dư nợ vay của Công ty Cổ phần Tập Đoàn An Phát Holdings

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Vay ngắn hạn	384.467	81.303	89.114	2.791.406	2.745.026	2.787.471
Vay dài hạn	2.196	501.433	415.926	1.344.999	2.019.937	1.781.135
Tổng cộng	386.663	582.736	505.040	4.136.405	4.764.962	4.568.606

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019, BCTC Quý 1 năm 2020

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

Các khoản vay của Công ty với cá nhân và tổ chức tại cuối năm 2019 như sau:

Khoản vay	Bên cho vay	Số tiền (Tỷ đồng)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất
Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng bằng VND	Ngân hàng	775,2	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 1 năm	Lãi suất thả nổi và lãi suất cố định, từ 3,6% - 10%
Vay ngân hàng bằng USD	Ngân hàng	1.683,4	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối	2,9% - 4,9%

			đa 6 tháng	
Vay ngân hàng EUR	Ngân hàng	183,2	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 6 tháng	2,5%
Vay dài hạn				
Vay ngân hàng bằng VND	Ngân hàng	940,9	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 5 năm.	8% - 11,5%
Vay ngân hàng bằng USD	Ngân hàng	16,9	Gốc vay được trả lần cuối vào tháng 12 năm 2021.	5,5%
Vay dài hạn không có tài sản đảm bảo	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Everest	80,6	Tháng 11 năm 2021	8,5%
Vay dài hạn không có tài sản đảm bảo	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Everest	42	Tháng 02 năm 2021	8,5%
Vay dài hạn không có tài sản đảm bảo	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Everest	8	Tháng 02 năm 2021	8,5%
Vay dài hạn không có tài sản đảm bảo	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại	100	Tháng 11 năm 2021	8,5%

	Yamato			
Vay dài hạn không có tài sản đảm bảo	Công ty TNHH Phát triển YOTEI	50	Tháng 11 năm 2021	8,5%
Vay dài hạn không có tài sản đảm bảo	Nguyễn Kim Dương	26	Tháng 07 năm 2021	9,03%
Trái phiếu				
100 trái phiếu kèm 2000 chứng quyền	Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	98	Kỳ hạn 3 năm từ ngày phát hành là 08 tháng 11 năm 2018	6,5%
200 trái phiếu kèm 2000 chứng quyền	Tập đoàn Shinhan Investment	196	Kỳ hạn 3 năm từ ngày phát hành là 08 tháng 11 năm 2018	6,5%
100 trái phiếu	Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	98	Kỳ hạn 3 năm từ ngày phát hành là 08 tháng 11 năm 2018	6,5%
Trái phiếu	Công ty Cổ phần chứng khoán Stanley Brothers	190	Tháng 06 năm 2022	8%
Trái phiếu	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hải	99,5	Kỳ hạn 05 năm từ tháng 09 năm 2016	8,8%

	Phòng			
Trái phiếu	Ngân hàng Vietinbank KCN Hải Dương	89,5	Kỳ hạn 05 năm từ tháng 10 năm 2016	Năm đầu: cố định 8%. Các kỳ tiếp theo thả nổi 3 tháng điều chỉnh 1 lần.

Các khoản vay nợ có tài sản đảm bảo được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 25. Tổng dư nợ có tài sản bảo đảm của Công ty

Phân loại	Số tiền (Tỷ đồng)	Tài sản đảm bảo
Vay ngân hàng ngắn hạn	2.285,7	Chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; một số phương tiện vận tải; máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và một số tài sản khác; hàng tồn kho tại các nhà máy; và một số bất động sản theo các hợp đồng thế chấp.
Vay ngân hàng dài hạn	791,3	Một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các tài sản gắn liền với đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và lợi thế quyền thuê đất, quyền sử dụng hạ tầng trên đất, các hạng mục trên đất và tài sản khác theo các Hợp đồng thế chấp liên quan.
Trái phiếu nắm giữ bởi Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam, Tập đoàn Shinhan Investment, Ngân hàng KeB Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	392	31.000.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ 18,11% vốn điều lệ hiện tại của Công ty Nhựa An Phát Xanh được nắm giữ bởi Công ty và 14.200.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ 50,99% vốn điều lệ hiện tại của Công ty An Tiến được nắm giữ bởi Công ty Nhựa An Phát Xanh.
Trái phiếu nắm giữ bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương	99,5	Toàn bộ Nhà máy số 6 mở rộng tại cụm công nghiệp An Đồng – Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị và nhà xưởng.

Trái nắm giữ bởi Ngân hàng Vietinbank KCN Hải Dương	89,5	Toàn bộ máy móc thiết bị đầu tư cho dự án xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO ₃ , kèm thư bảo lãnh bổ sung của ông Phạm Ánh Dương - Chủ tịch HĐQT của Công ty.
Tổng dư nợ bảo lãnh	3.658	

Nguồn: BCTC APH kiểm toán năm 2019

g. Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 26. Tình hình các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Các khoản phải thu ngắn hạn	48.567	162.193	114.947	1.571.781	2.438.427	2.412.881
Phải thu của khách hàng	539	25.009	1.277	690.177	894.156	756.021
Trả trước cho người bán	1.141	973	393	532.707	650.054	690.873
Phải thu về cho vay ngắn hạn	43.680	18.050	18.000	251.910	606.832	696.149
Phải thu ngắn hạn khác	3.207	118.161	95.278	96.987	287.386	269.838
Các khoản	17.627	17.403	17.171	39.011	84.627	92.396

phải thu dài hạn						
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-	-	45.700	53.700
Phải thu dài hạn khác	17.627	17.403	17.171	39.011	38.927	38.696
Tổng cộng	66.193	179.96	132.118	1.610.792	2.520.054	2.505.277

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019, BCTC Quý 1 2020

Bảng 27. Tình hình các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Nợ ngắn hạn	796.202	124.509	121.515	3.912.734	3.780.899	3.607.381
Phải trả người bán ngắn hạn	2.167	23.803	1.795	622.978	745.160	539.024
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	500	500	43.876	98.820	104.484
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	71	163	141	14.156	32.420	19.866

Phải trả người lao động	1.489	2.245	2.103	21.091	51.567	30.467
Chi phí trả ngắn hạn	87	-	4.092	9.073	39.510	45.198
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	1.116	453	41.876	43.209
Phải trả ngắn hạn khác	407.920	16.495	22.653	409.077	15.047	8.529
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	384.467	81.303	89.114	2.791.405	2.745.026	2.787.741
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	624	11.474	28.863
Nợ dài hạn	2.196	501.433	415.926	1.345.008	2.143.997	1.849.249
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	-	-	77.441	99.808
Phải trả, phải nộp dài hạn khác	-	-	-	-	24.232	8.963
Vay dài hạn	2.196	501.433	415.926	1.345.000	2.019.936	1.718.135

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-	22.387	22.343
Tổng cộng	798.397	625.942	537.441	5.257.743	5.924.897	5.456.630

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2018 và 2019 của APH

h. Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2018 và năm 2019 bao gồm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	2018	2019
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Đi vay	59.150	7.000
		Trả gốc vay	28.100	38.050
		Cho vay	335.228	-
		Nhận gốc vay	335.228	-
		Cổ tức	12.718	39.908
		Lãi cho vay	3.200	-
Công ty An Thành	Công ty con	Chi phí lãi vay	673	4.737
		Nhận chuyển nhượng vốn	-	80.000
		Thanh toán chuyển nhượng vốn	-	80.000
		Đi vay	45.418	239.700
		Trả gốc vay	-	254.118
		Cổ tức	-	3.120
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay	9.000	3.000
		Nhận gốc vay	-	12.000
		Đi vay	-	40.000

		Trả gốc vay	-	40.000
		Chi phí lãi vay		1.751
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Nhận đặt cọc bán khoán đầu tư	-	104.000
		Bán khoán đầu tư	-	104.000
		Đi vay	-	16.300
		Trả gốc vay	-	51.300
		Chi phí lãi vay	-	6.441
		Cổ tức	-	309
Công ty Navisoft	Công ty liên kết	Đi vay	-	6.000
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	3.382	5.319
		Hoàn ứng	3.233	4.804
		Đi vay	5.982	-
		Trả gốc vay	4.846	1.135
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	-	46.210
		Hoàn ứng	-	46.486
Bà Nguyễn Thị Tien	Lãnh đạo chủ chốt	Hoán đổi khoản vay tăng vốn	-	211.689
		Nhận góp vốn trong năm	-	60.386
		Đi vay	210.395	1.294
Ông Nguyễn Văn Bình	Cổ đông	Nhận góp vốn trong năm	-	40.000
Bà Đỗ Kim Anh	Cổ đông	Nhận góp vốn trong năm	-	40.000
Công ty VMC	Công ty con	Doanh thu tư vấn	-	3.400
Công ty An Tín	Công ty con	Cổ tức	-	3.325

Công ty Nhựa bao bì Vinh	Công ty liên kết	Cổ tức	-	2.208
Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc	Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc	Tổng thu nhập	1.343	3.937

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2018 và 2019 của APH

Công ty cam kết đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật về giao dịch các bên có liên quan.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 28. Các chỉ tiêu tài chính năm 2018 - 2019

Các chỉ tiêu	Đvt	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		31/12/2018	31/12/2019	31/12/2018	31/12/2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,11	1,34	1,02	1,47
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,11	1,33	0,80	1,12
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,34	0,25	0,64	0,59
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,52	0,33	1,79	1,46
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	n/a	18,64	10,49	7,68

Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0	0,01	1,22	1,05
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-540,80	151,38	2,19	7,48
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-0,79	2,21	7,15	20,35
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-0,59	1,56	2,67	7,83
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-543	151,23	2,61	8,57
Thu nhập trên cổ phần (VND/cổ phần)	VND/cổ phần	(81,34)	268,29	(1)	3.433

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019

a. Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy khả năng thanh khoản của doanh nghiệp, là chỉ tiêu để Công ty có thể theo dõi tình trạng tài chính trong ngắn hạn, đảm bảo không rơi vào tình trạng tài chính kiệt quệ. Từ 2018 đến 2019, các hệ số thanh toán của cả Công ty mẹ và hợp nhất đã được cải thiện đáng kể. Cụ thể, hệ số thanh ngắn hạn và nhanh của Công ty mẹ năm 2018 chỉ là 0,11, đến năm 2019 đã được tăng lên trên 1, lần lượt là 1,34 và 1,33. Hệ số thanh toán ngắn hạn và nhanh hợp nhất lần lượt là 1,47 và 1,12. Có thể thấy, tất cả các hệ số về khả năng thanh toán của công ty đều trên 1, cho thấy công ty có thể hoàn thành các nghĩa vụ nợ. Mỗi 1 đồng nợ, Công ty có đến 1,47 đồng tài sản chi trả ngắn hạn.

b. Cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản của Công ty mẹ và hợp nhất cũng có xu hướng giảm từ 2018 đến 2019, và được duy trì ở ngưỡng khá an toàn là nhỏ hơn 65%. Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ và Hợp nhất lần lượt là 0,33 và 1,46, là mức phù hợp trong điều kiện Công ty vẫn đang trong giai đoạn triển khai các dự án đầu tư mới và vẫn tiếp tục tìm kiếm huy động nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài.

c. Năng lực hoạt động

Chỉ số vòng quay hàng tồn kho của APH có giảm nhẹ từ 10,49 vòng xuống 7,68 vòng, thể hiện công tác quản lý hàng tồn kho có phần kém hiệu quả hơn so với năm trước. Tuy nhiên, chỉ số này của APH vẫn duy trì ở mức tốt, với việc trong 1 năm có thể quay vòng gần 8 lần hàng tồn kho, thể hiện hiệu quả của APH trong việc tiết kiệm chi phí, giải phóng hàng tồn kho (gồm công tác quản lý hàng tồn kho, quản lý lượng hàng xuất và lưu kho).

Chỉ số doanh thu thuần/tài sản bình quân của APH cũng có chiều hướng giảm nhẹ, năm 2019 là 1,05. Đây một phần là do tài sản của APH từ 2018 đến 2019 đã tăng trưởng 22%, nhanh hơn tốc độ tăng trưởng 19% của doanh thu APH. Tuy nhiên, chỉ số này vẫn là mức tốt vì 1 đồng tài sản của APH hiện đã có khả năng tạo ra hơn 1 đồng doanh thu.

d. Khả năng sinh lời

Các chỉ số sinh lời của APH nhìn chung đều tăng vào năm 2019. Vì Công ty mẹ APH có doanh thu từ hoạt động tài chính đạt 120,9 tỷ trong năm nay, nên hệ số lợi nhuận trên doanh thu thuần đạt mức cao, trên 150%.

Các chỉ số sinh lời hợp nhất đều tăng. Lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần tăng đáng kể từ 2,19% lên 7,48%, tăng gấp gần 3,5 lần. Điều này thể hiện APH đã cải thiện biên lợi nhuận rất hiệu quả, kiểm soát tốt chi phí và tăng khả năng sinh lời của các hoạt động kinh doanh. Các hệ số khác cũng tăng trưởng ấn tượng, giúp cho thu nhập trên cổ phần của APH năm 2019 đạt 3.433 đồng/cổ phần.

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

Cơ cấu HĐQT ở thời điểm hiện tại như sau:

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không độc lập
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không độc lập
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không độc lập

Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập

a. Chủ tịch HĐQT – Phạm Ánh Dương

- Họ và tên: Phạm Ánh Dương
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 17/05/1976
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Tổ 49, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Số CMND: 012144877 Nơi cấp: 08/06/2007 Ngày cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1998 – 2000	Nhân viên Kế toán	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMC
2000 – 2002	Kế toán trưởng.	Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Hằng Thảo
2002 – 2007	Giám đốc	Công ty TNHH Anh Hai Duy
2007 – 2009	Chủ tịch HĐQT	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
2007 – 05/2012	Chủ tịch HĐQT	CTCP Đầu tư An Phát
2009 – 2015	Chủ tịch HĐQT	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2010 – 06/2011	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
07/2011 – 04/2019	Chủ tịch HĐQT	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
04/2019 – Nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
3/2017 – Nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 4.300.000 cổ phần, chiếm 2,93% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 2.850.000 cổ phần, chiếm 1,94% vốn điều lệ

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Phạm Hoàng Việt	001081010137	2.850.000 cổ phần, chiếm 1,94% vốn điều lệ	Em trai

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b. Phó Chủ tịch HĐQT – Nguyễn Lê Trung

- Họ và tên: Nguyễn Lê Trung
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/11/1976
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 3, ngõ 39, Nguyễn Phúc Lai, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND: 013164787 Nơi cấp: 19/03/2009 Ngày cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1998 – 2002	Nhân viên	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMS
2002 – 2007	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Công ty TNHH Anh Hai Duy
2007 – 2009	Kế toán trưởng	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
2007 – 05/2012	Thành viên HĐQT	CTCP Đầu tư An Phát
2009 – 2015	Thành viên HĐQT	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái (đổi tên thành Công ty Cổ phần An Tiến Industries từ tháng 9/2018)
7/2011 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh từ tháng 4/2019)
3/2017 đến nay	Thành viên HĐQT	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 2.850.000 cổ phần, chiếm 1,94% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

c. Phó Chủ tịch HĐQT – Ông Phạm Hoàng Việt

- Họ và tên: Phạm Hoàng Việt
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 17/12/1981

- Nơi sinh: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Tổ 49, TT Viện Khoa học Việt Nam, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số CMND: 001081010137 Nơi cấp: 20/10/2015 Ngày cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh; Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Thành Bicosol; Chủ tịch Công ty TNHH Khu Công nghiệp kỹ thuật cao An Phát
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2003 – 2007	Trưởng phòng kinh doanh	Công ty TNHH Anh Hai Duy (tiền thân của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)
2007 – 11/2010	Giám đốc	Công ty Cổ phần đầu tư An Phát
2009 – 2015	Thành viên HĐQT	CTCP Nhựa và Khoáng Sản An Phát – Yên Bái (đổi tên thành Công ty Cổ phần An Tiến Industries từ tháng 9/2018)
3/2014 – 4/2016	Thành viên HĐQT	CTCP Nhựa, Bao bì Vinh
2007 đến nay	Thành viên HĐQT	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh kể từ tháng 4/2019)
12/2012 đến 2/2018	Phó tổng giám đốc	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh kể từ tháng 4/2019)
10/2017 – 03/2018	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	CTCP Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát
2/2018 – 01/2019	Chủ tịch HĐQT	CTCP Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2018 – 04/2019	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol
04/2019 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol
03/2018 - nay	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH Khu Công nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát
03/2017 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 2.850.000 cổ phần, chiếm 1,94% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 4.300.000 cổ phần, chiếm 2,93%

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Phạm Ánh Dương	012144877	4.300.000 cổ phiếu, chiếm 2,93% vốn điều lệ	Anh trai

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

d. Phó Chủ tịch HĐQT – Ông Đinh Xuân Cường

- Họ và tên: Đinh Xuân Cường
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/08/1976
- Nơi sinh: Hoa Lư – Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 31/115, Trần Cung, Hà Nội
- Số CMND: 011976518 Nơi cấp: 06/06/2008 Ngày cấp: CA Hà Nội

- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần An Tiến Industries; Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2003 – 2006	Trader	Calyon Corporate & Investment Bank, Paris, Pháp
2007 – 2010	Phó Tổng Giám đốc	INB Investment, Việt Nam
2011	Phó Tổng Giám đốc	Tập đoàn Ocean
7/2017 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
7/2017 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh
2/2018 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh từ tháng 4/2019)
09/2018 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần An Tiến Industries
2/2020 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 2.000.000 cổ phần, chiếm 1,36% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

e. Thành viên HĐQT – Ông Phạm Đỗ Huy Cường

- Họ và tên: Phạm Đỗ Huy Cường
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/12/1983
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: TT XN Ô tô số 3, Tổ 7, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Số CMND: 025083000297 Ngày cấp: 29/02/2016 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực; Giám đốc tài chính
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần An Tiến Industries
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2005 – 2009	Nhân viên Tài chính	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam
2009 – 2013	Trưởng nhóm kiểm toán	Công ty TNHH Ernst&Young
2013 - 2015	Trưởng Ban Tài chính Kế toán	CTCP Tập đoàn Đại Dương
2015 - 2017	Giám đốc Tài chính – Ban Tài chính	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
2018 - nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Tài chính	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
09/2018 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần An Tiến Industries

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 500.000 cổ phần, chiếm 0,34% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

f. Thành viên HĐQT – Bà Nguyễn Thị Tiệp

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tiệp
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/10/1985
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phòng 1701, Tầng 17, Chung cư A5 An Bình City, 232 Phạm Văn Đồng, Từ Liêm, Hà Nội
- Số CMND: 142275774 Ngày cấp: 31/12/2017 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
07/2007 – 07/2008	Nhân viên hành chính	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
08/2008 – 08/2009	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
09/2009 – 09/2010	Chuyên viên Ban Thư ký	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
10/2010 – 12/2017	Trưởng ban Thư ký	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
01/2018 – 05/2019	Phó chánh văn phòng	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
05/2019 – hiện tại	Phó Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
09/2019 – hiện tại	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.500.000 cổ phần, chiếm 1,02% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

g. Thành viên HĐQT – Ông Nirav Sudhir Patel

- Họ và tên: Nirav Sudhir Patel
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/11/1982
- Nơi sinh: Houston, Texas
- Quốc tịch: Hoa Kỳ
- Địa chỉ thường trú: Số 6034, Đường Franklin Park, Thành phố Mclean, Bang Virginia, VA 22101, Hoa Kỳ
- Số hộ chiếu: 499632202 Nơi cấp: Hoa Kỳ Ngày cấp: 29/01/2013
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Chủ tịch, The Asia Group Capital Advisory Partners; Tổng Giám đốc/Đồng sáng lập, The Asia Group, LLC.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2004	Chuyên viên phân tích	CSIS
2007 - 2009	Giám đốc khối Châu Á – Thái Bình Dương/	Trung tâm An ninh Hòa Kỳ
2009 - 2013	Cố vấn cao cấp cho trợ lý Ngoại trưởng Phó Trợ lý Ngoại trưởng phụ trách Vụ Đông Á và Châu Á - Thái Bình Dương	Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ
2013 - nay	Tổng giám đốc/ Đồng sáng lập	The Asia Group, LLC
2013 - nay	Phó Chủ tịch	The Asia Group Capital Advisory Partners, LLC
3/2020 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 696.000 cổ phần, chiếm 0,47% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động của Công ty
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.2. Ban Tổng Giám đốc

Cơ cấu Ban Tổng giám đốc ở thời điểm hiện tại bao gồm:

Họ và tên	Chức danh
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Hòe	Kế toán trưởng

- a. **Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Ông Đinh Xuân Cường**
Đã trình bày ở mục HĐQT.
- b. **Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc tài chính – Ông Phạm Đỗ Huy Cường**
Đã trình bày ở mục HĐQT
- c. **Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – Bà Nguyễn Thị Tiệp**
Đã trình bày ở mục HĐQT
- d. **Kế toán trưởng - Bà Hồ Thị Hòe**
- Họ và tên: Hồ Thị Hòe
 - Giới tính: Nữ
 - Ngày sinh: 05/11/1984
 - Nơi sinh: Nghệ An
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Địa chỉ thường trú: Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định
 - Số CMND: 040184001384 Ngày cấp: 09/08/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQT cư trú và DLQG về dân cư
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
 - Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
 - Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
06/2007 – 09/2007	Kế toán viên	Công ty Cổ phần Phú Thành
10/2007 – 02/2008	Kế toán Tổng hợp	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
03/2018 – 02/2019	Phó phòng Kế toán	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
03/2019 – đến nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm (2019 - 2024); thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh
Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên Ban kiểm soát

a. Trưởng BKS – Bà Phạm Thị Hoa

- Họ và tên: Phạm Thị Hoa
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 06/02/1992
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Ngõ 189, Ngõ Quyền, Phường Tân Bình, Hải Dương
- Số CMND: 142598011 Ngày cấp: 20/07/2009 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán kiểm toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
T7/2014 đến T3/2018	Kiểm toán viên	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế - IFC (nay là Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế - iCPA)

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
T4/2018 đến T10/2018	Kế toán tổng hợp	Công ty TNHH Tập đoàn Quốc tế Trường Phúc
T11/2018 đến 10/2019	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
11/2019 - nay	Trưởng BKS	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b. Thành viên BKS – Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Hoàng Anh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/12/1996
- Nơi sinh: TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 47 Đoàn Kết, phường Quang Trung, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.
- Số CMND: 142857741 Ngày cấp: 17/03/2014 Nơi cấp: CA TP Hải Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán Công ty Cổ phần An Thành Bicsol
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
05/10/2018-30/06/2019	Kế toán	Công ty Cổ phần nhựa An Phát xanh
01/07/2019-đến nay	Kế toán	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol
11/2019 - nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

c. Thành viên BKS – Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Nga
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 23/07/1993
- Nơi sinh: Tam Đảo, Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Thắng Lợi, Văn Giang, Hưng Yên
- Số CMND: 135517650 Ngày cấp: 31/10/2014 Nơi cấp: CA Vĩnh Phúc
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần An Thành Bicsol
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
T12/2017-T10/2019	Nhân viên kế toán	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
T10/2019- hiện nay	Nhân viên kế toán	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol
11/2019 - nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không

13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

13.1. Tài sản cố định

Bảng 29. Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Công ty mẹ			
Tài sản cố định hữu hình	2.564	2.027	79,06%
Tài sản cố định vô hình	60	37	61,67%
Tổng cộng	2.624	2.065	78,70%
Hợp nhất			
Tài sản cố định hữu hình	3.338.940	2.346.888	70,29%
Nhà cửa, vật kiến trúc	813.148	676.267	83,17%
Máy móc và thiết bị	2.139.695	1.424.386	66,57%

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	324.707	208.696	64,27%
Thiết bị văn phòng	16.053	11.049	68,83%
Cây lâu năm	15.517	8.430	54,33%
TSCĐ hữu hình khác	29.818	18.058	60,56%
Tài sản cố định thuê tài chính	43.016	42.275	98,28%
Tài sản cố định vô hình	104.561	91.480	87,49%
Quyền sử dụng đất	94.014	81.512	86,70%
Phần mềm máy tính	10.547	9.968	94,51%
Tổng cộng	3.486.517	2.480.643	71,15%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019 của APH

13.2. Tình hình sử dụng đất đai

Bảng 30. Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 31/12/2019

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
1	Thôn Hào, xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	23.089	Đất thuê trả tiền hàng năm	34 năm	Xây dựng nhà máy Viexim
2	Tổ 12 phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội	23.126	Đất thuê trả tiền hàng năm (Công ty đã trả tiền 1 lần cho toàn bộ thời gian thuê với diện tích là 19.880 m ²)	28 năm	Xây dựng nhà máy CTCP Nhựa Hà Nội
3	Khu Công nghiệp kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5,	18.438	Đất thuê trả tiền 1 lần	48 năm	Xây dựng Nhà máy An

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
	phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương				Trung Industries
4	Thửa đất số L8, KCN Nam Sách, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	9.744,2	Giao	49 năm	Xây dựng nhà máy 1
5	Thửa đất số 129, Lô CN 3, cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương	19.967	Giao	25 năm	Xây dựng nhà máy 2
6	Thửa đất số 1082, Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương	20.064	Giao	25 năm	Xây dựng nhà máy 3
7	Thửa đất số 1, Lô L7, KCN Nam Sách, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	16.802,4	Giao	49 năm	Xây dựng nhà máy 5
8	Khu đất 92.212 m ² , Cụm Công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương	92.212	Giao	50 năm	Xây dựng Nhà máy 6
9	Khu đất 15.000 m ² , Cụm Công Nghiệp An Đồng, Nam Sách,, Hải Dương	15.000	Giao	50 năm	Xây dựng Nhà máy 7
10	Lô CN11 – CN12, cụm Công Nghiệp An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	98.088	Giao	50 năm	Đầu tư xây dựng Nhà máy 8 (Nhà máy sản xuất nguyên liệu,

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
					sản phẩm vi sinh phân hủy hoàn toàn
11	Khu công nghiệp phía Nam tỉnh Yên Bái	40.081	Giao	49 năm	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bột đá CaCo ₃ và Nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCo ₃
12	Khu Công Nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km47, Quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	464.000	Thuê trả tiền 1 lần	37 năm	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đầu tư xây dựng nhà xưởng để kinh doanh
13	Thôn Hào, xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	23.089	Đất thuê trả tiền hàng năm	34 năm	Xây dựng nhà máy Viexim
14	Tổ 12 phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội	23.126	Đất thuê trả tiền hàng năm (Công ty đã trả tiền 1 lần cho toàn bộ thời gian thuê)	28 năm	Xây dựng nhà máy CTCP Nhựa Hà Nội

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
			với diện tích là 19.880 m ²)		
15	Khu Công nghiệp kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	18.438	Đất thuê trả tiền 1 lần	48 năm	Xây dựng Nhà máy An Trung Industries

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập Đoàn An Phát Holdings

14. Tình hình tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

14.1. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 do công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO) thực hiện kiểm toán. Ý kiến của kiểm toán viên nêu rằng các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tuy nhiên, Kiểm toán viên lưu ý vấn đề cần nhấn mạnh rằng Thuyết minh số 24 của BCTC hợp nhất và Thuyết minh số 16 của BCTC riêng, Công ty chưa phân loại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang nợ ngắn hạn.

Công ty TNHH Kiểm toán VACO cũng đã có Công văn số 379/VACO-CV.NV2 ngày 20/12/2019 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kèm theo Công văn giải trình số 1912/2019/CV-APH ngày 19/12/2019 xác nhận không có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính nói trên, theo đó đưa ý kiến chấp nhận toàn phần và chỉ nhấn mạnh về việc chưa phân loại phần nợ dài hạn đến hạn trả sang nợ ngắn hạn, chi tiết như sau:

VACO cũng đã thực hiện tự kiểm tra đối với Hồ sơ kiểm toán năm 2018 của Công ty, trong đó lưu ý đến các nội dung: việc tăng vốn góp của chủ sở hữu, sử dụng vốn góp, giao dịch vay, cho vay và giao dịch với các bên liên quan. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của

Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Với các bằng chứng thu thập được, VACO đánh giá rằng đó là các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp, đạt được các mục tiêu kiểm toán liên quan đến từng phần hành này, làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty có một số khoản vay dài hạn, các thông tin chi tiết về số tiền vay, hạn mức vay, thời hạn vay, lãi suất, mục đích vay, tài sản đảm bảo,... của các khoản vay này được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 16 của Báo cáo tài chính riêng và Thuyết minh số 24 của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Tại những Thuyết minh này của Báo cáo tài chính cũng trình bày lịch biểu hoàn trả các khoản vay dài hạn qua từng năm (trong vòng 01 năm đến 05 năm). Công ty chưa phân loại phần đến hạn trả trong vòng 1 năm tới sang phần nợ dài hạn đến hạn trả vì nợ đến hạn trong vòng 1 năm tới chiếm tỷ trọng nhỏ (5%), không trọng yếu trong tổng nợ ngắn hạn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá vấn đề này không ảnh hưởng trọng yếu tới tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin cho người đọc báo cáo. VACO xác nhận thông tin về các khoản vay được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 16 của Báo cáo tài chính riêng và Thuyết minh số 24 của Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã cung cấp đầy đủ thông tin cho người đọc báo cáo tài chính, việc chưa phân loại khoản vay dài hạn tới hạn trả theo đánh giá của VACO không là sai sót trọng yếu cần phải đưa ý kiến kiểm toán, vì vậy VACO đã đưa ra ý kiến nhấn mạnh trên báo cáo kiểm toán.

14.2. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings do công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán. Ý kiến của kiểm toán viên nêu rằng các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuy nhiên, kiểm toán viên lưu ý Thuyết minh số 40 của báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty và các công ty con đã thực hiện điều chỉnh lại một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Cụ thể, trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Công ty và các công ty con đã thực hiện điều chỉnh giảm 403.599.978.000 đồng mục Tăng các khoản phải trả và điều chỉnh tăng 403.599.978.000 đồng mục Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Kiểm toán viên lưu ý cũng lưu ý vấn đề khác là báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 29 tháng 3 năm 2019 với đoạn nhấn mạnh về việc Công ty và các công ty con chưa phân loại các khoản vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 từ khoản mục vay dài hạn sang vay ngắn hạn với số tiền là 201.611.459.555 VND.

14.3. Các báo cáo khác

a. Báo cáo vốn chủ sở hữu kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 03/09/2019 đã được kiểm toán do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán

Ý kiến của kiểm toán viên nêu rằng, báo cáo vốn chủ sở hữu đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tăng giảm nguồn vốn của chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 03 tháng 09 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo vốn chủ sở hữu.

b. Báo cáo tình hình sử dụng vốn sau phát hành đã được kiểm toán cho các đợt phát hành cổ phần tăng Vốn điều lệ giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/11/2019 do công ty TNHH Kiểm toán TTP thực hiện kiểm toán

Ý kiến của kiểm toán viên nêu rằng, báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ giai đoạn 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 11 năm 2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và phù hợp với cơ sở lập Báo cáo.

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

15.1. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Tập đoàn An Phát Holdings hướng tới mục tiêu trở thành tập đoàn nhựa công nghệ cao và thân thiện với môi trường hàng đầu Đông Nam Á, tiên phong trong việc tạo lập chuỗi giá trị, xây

dung và phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp bền vững. Tập đoàn sẽ hoạt động trong 6 lĩnh vực kinh doanh chính: nguyên vật liệu và sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn, bao bì, nhựa kỹ thuật và nhựa xây dựng, khuôn mẫu và cơ khí chính xác, hóa chất và NVL ngành nhựa, bất động sản công nghiệp. Với mảng bao bì, công ty con AAA sẽ chuyển dịch cơ cấu sản phẩm từ các sản phẩm bao bì nhựa truyền thống sang các sản phẩm vi sinh phân hủy hoàn toàn, trở thành nhà sản xuất bao bì màng mỏng thân thiện với môi trường hàng đầu khu vực, phục vụ cả thị trường trong nước và xuất khẩu. Tại mảng nhựa kỹ thuật, công ty con NHH được định hướng trở thành doanh nghiệp số 1 trong ngành công nghiệp nhựa hỗ trợ tại Việt Nam, cung cấp các sản phẩm nhựa kỹ thuật công nghệ cao cho các doanh nghiệp sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, các thiết bị điện – điện tử, gia dụng tại thị trường Việt Nam. Ngoài ra, An Phát cũng sẽ trở thành một trong những nhà cung cấp hóa chất, phụ gia ngành nhựa hàng đầu.

Kế hoạch kinh doanh:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư nhà xưởng, dây chuyền sản xuất nhằm mang lại hiệu quả cao, mở rộng quy mô hoạt động, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm. Giá thành giảm sẽ giúp đến được nhiều đối tượng khách hàng hơn và tăng doanh thu cho công ty.
- Nghiên cứu những dòng sản phẩm mới, mang lại sự phong phú đa dạng của sản phẩm.
- Đẩy mạnh truyền thông quảng bá cho sản phẩm và thương hiệu.

Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, công ty sẽ triển khai xây dựng các quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ Công ty. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Tập Đoàn An Phát Holdings. Các nguyên tắc quản trị công ty được công ty xây dựng trong quy chế quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

15.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Bảng 31. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020-2021

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019 (triệu đồng)	Năm 2020		Năm 2021	
		Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng/giảm so với năm 2019	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng/giảm so với năm 2019
Doanh thu thuần	9.494.913	12.000.000	26,38%	14.000.000	16,67%
Lợi nhuận sau thuế	711.737	650.000	-8,67%	800.000	23,08%
Vốn chủ sở hữu	4.063.099	5.213.100	28,3%	5.850.722	12,2%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,51%	5,41%	-27,96%	5,71%	5,55%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	17,5%	12,47%	-28,74%	13,67%	9,62%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	0%	10%	-	10%	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập Đoàn An Phát Holdings

15.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

a. Căn cứ vào năng lực sản xuất của các nhà máy

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh – đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings hiện tại đang có 7 nhà máy đã đi vào hoạt động và 01 nhà máy đang trong quá trình đầu tư xây dựng. Các nhà máy sản xuất của Công ty được đánh giá là hiện đại nhất Việt Nam, tổng sản lượng hàng tháng hơn 9.000 tấn ở thời điểm hiện tại.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có 3 Nhà máy đã đi vào hoạt động và Công ty vẫn đang tiếp tục đầu tư mở rộng các dự án mới.

- Nhà máy Nhựa Hà Nội: Hiện nhà máy có khoảng 65 máy ép nhựa; 10 trung tâm gia công khuôn, công suất 80%, với thế mạnh là sản xuất linh kiện cho ngành ô tô – xe máy với sản lượng 9.000 tấn sản phẩm/năm.
- Nhà máy Viexim: Hiện nhà máy có khoảng 50 máy ép nhựa, công suất 75 - 80%, với thế mạnh là sản xuất linh kiện cho ngành công nghiệp ô tô - xe máy với sản lượng 6.000 tấn sản phẩm/năm, tổng số nhân sự 320 người.
- Nhà máy An Trung: Dự án Nhà máy An Trung đã đi vào hoạt động từ Quý 3/2019 với tổng mức đầu tư của dự án 439 tỷ, hiện nhà máy khai thác khoảng 40 máy ép nhựa, công suất khoảng 60%, mang lại doanh thu 1 tháng 30 - 40 tỷ đồng, sản lượng 3 triệu sản phẩm/tháng, tổng số nhân sự trên 200 người. An Trung Industries (công ty con 100% của CTCP Nhựa Hà Nội) với chiến lược tập trung vào sản phẩm nhựa cho ngành điện - điện tử đã chính thức trở thành nhà cung ứng cấp 2 của Samsung vào tháng 4/2019 và chỉ 4 tháng sau đó, Brother Việt Nam đã tin tưởng lựa chọn An Trung Industries là nhà cung ứng cấp 1. Ngoài ra, An Trung Industries hướng tới sản xuất dao thìa đĩa và ống hút tự hủy cho xuất khẩu sang thị trường Mỹ, mảng này ước tính mang lại doanh thu 100 tỷ mỗi năm cho Công ty, biên lợi nhuận của mảng tự hủy dự kiến 12% - 15%.
- Dự án VMC – khuôn mẫu: Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (công ty con 100% của CTCP Nhựa Hà Nội) là mũi nhọn trong lĩnh vực thiết kế, chế tạo các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất các sản phẩm nhựa cho ngành công nghiệp. Đây là ngành chiến lược phát triển trong thời gian tới của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội. Dự án VMC – khuôn mẫu của Công ty có tổng mức đầu tư 220 tỷ đồng, hiện nhà máy khai thác khoảng 10 máy trung tâm CNC, thiết kế và chế tạo khuôn mẫu; nhân sự hiện tại 60 người. Tại thời điểm 03/07/2020, máy móc mua cho dự án đã về toàn bộ, VMC sẽ hoạt động với công suất 80 bộ khuôn/năm mang lại doanh thu 100 tỷ/năm, nhân sự dự kiến 100 người. Biên lợi nhuận mảng khuôn dự tính 10% - 12%.

b. Tình hình thị trường cho dòng sản phẩm chủ lực của Công ty

- Đối với sản phẩm nhựa, bao bì nilon: Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, hiện chi phí sản xuất tại Trung Quốc tăng vọt khiến giá thành sản phẩm của Trung Quốc không còn rẻ như trước nữa mà ngang bằng với Việt Nam. Thêm vào đó là các chính sách khắt khe của Trung Quốc đã đẩy các nhà nhập khẩu khỏi thị trường này. Đây là một trong những thuận lợi mà thị trường thế giới đã tạo ra cho các doanh nghiệp nhựa nói chung và An Phát nói riêng.
- Đối với sản phẩm nhựa linh kiện cho ngành công nghiệp ô tô – xe máy: CTCP Nhựa Hà Nội và Viexim vẫn tiếp tục dựa trên thế mạnh trước nay là sản xuất linh kiện cho ngành công nghiệp ô tô - xe máy, đẩy mạnh mảng ô tô bởi hiện tại thị trường trong nước chưa

được khai thác đúng tiềm năng, tỷ lệ nội địa hóa ở mức thấp chỉ khoảng dưới 10% so với kỳ vọng của Chính phủ.

- Đối với sản phẩm nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn (dao, thìa, đĩa,...): Dung lượng thị trường dao, thìa, đĩa nhựa tại Mỹ khá lớn, năm 2018 dung lượng thị trường đạt xấp xỉ 30 tỷ đơn vị sản phẩm (chiếm 17,5% tổng sản lượng toàn thế giới) với giá trị đạt 641 triệu USD. Chính phủ Mỹ cũng đã ban hành các chính sách trong việc cấm nhựa dùng một lần ở các bang lớn như California, Texas, New York,... Vì vậy, tỷ lệ chuyển đổi sử dụng nhựa thường sang nhựa tự hủy cao, dự báo trong 6 năm tới tỷ lệ chuyển đổi sản phẩm dao, thìa, đĩa từ nhựa thường sang nhựa tự hủy tại thị trường này sẽ đạt gần 50%, cao thứ 2 thế giới chỉ sau thị trường Châu Âu. Đây là cơ hội tốt giúp Công ty mở rộng thị trường, gia tăng thị phần, góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty trong các năm tiếp theo.

c. Kế hoạch đầu tư của Công ty trong giai đoạn 2020 - 2022

Dự án Nhà máy sản xuất linh kiện nhựa Vinfast – An Phát

Cuối năm 2018, Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings đã hợp tác với Vingroup thành lập Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát (VAPA) để đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất linh kiện nhựa Vinfast – An Phát và cuối năm 2019 đã đưa về Công ty con là Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội sở hữu. Một số thông tin về dự án cụ thể như sau:

- Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất linh kiện nhựa Vinfast – An Phát
- Địa điểm đầu tư: Nhà máy đúc nhựa, Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, đảo Cát Hải, huyện Cát Hải, TP. Hải Phòng.
- Diện tích đất sử dụng: khoảng 15.500 m².
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư, sản xuất các sản phẩm linh kiện bằng nhựa cho ô tô, xe máy và cho các sản phẩm khác. Các sản phẩm được tạo ra của Công ty có chất lượng cao, phục vụ rộng rãi trong các ngành công nghiệp khác có nhu cầu sử dụng các sản phẩm linh kiện có nguyên liệu từ hạt nhựa khác đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và có thể xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.
- Cơ sở pháp lý của dự án: Công ty đã được Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 46425602033 ngày 22/01/2019.
- Quy mô đầu tư và công suất: 28.142.800 chi tiết nhựa/năm.
- Tổng vốn đầu tư: 526 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện của dự án:
 - Tháng 01/2019 - 02/2019: Xây dựng, sửa chữa nhà xưởng.
 - Tháng 02/2019 - 06/2019: Mua, lắp đặt máy móc thiết bị, chạy thử đợt 1 và bắt đầu hoạt động.

- Từ Tháng 06/2019: Hoạt động chính thức Dự án; Bổ sung mua, lắp đặt máy móc thiết bị, chạy thử các đợt tiếp theo phục vụ Dự án.
- **Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:**
 - ✓ Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo.
 - Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.
 - ✓ Ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu: Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu.
 - ✓ Ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước: Miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.
- **Đánh giá hiệu quả kinh tế của Dự án:**
 - ✓ Doanh thu dự án: Trong năm đầu tiên sản xuất dự kiến sẽ thu được 178.353.345.707 VNĐ (7,65 triệu USD) trong năm 2019 và 659.503.021.461 VNĐ (28,3 triệu USD) trong năm 2020, doanh thu dự báo là tăng trưởng 10%/năm trong các năm tiếp theo.
 - ✓ Lợi nhuận:
 - Năm 2020, lợi nhuận ước tính đạt 36,5 tỷ VNĐ
 - Năm 2021, lợi nhuận ước tính đạt 72,4 tỷ VNĐ
 - Năm 2022, lợi nhuận ước tính đạt 86,3 tỷ VNĐ
 - Năm 2023, lợi nhuận ước tính đạt 126,1 tỷ VNĐ
 - Năm 2024, lợi nhuận ước tính đạt 183,7 tỷ VNĐ
 - Năm 2025, lợi nhuận ước tính đạt 190,8 tỷ VNĐ

Các số liệu tính toán đã tính đến các khoản phải đóng về thuế TNDN theo quy định pháp luật hiện hành, cụ thể, mức thuế suất thuế TNDN là 10%. Như vậy dự án có tính khả thi cao về mặt hiệu quả kinh tế.

Dự án Nhà máy sản xuất nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn công nghệ cao (PBAT)

Giới thiệu dự án

- Tên dự án: Xây dựng nhà máy nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn công nghệ cao (“Dự án PBAT”)
- Phương án khả thi được lập bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Đơn vị thực hiện: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Mục đích của dự án

Hiện nay, rác thải nhựa và túi nilon thải ra môi trường đang từng ngày, từng giờ tàn phá, hủy diệt môi trường sống của con người và cả thế giới động vật đặc biệt là sinh vật biển. Hơn 9,1 tỷ tấn rác thải nhựa đang tích tụ trên Trái đất. Việt Nam là 1 trong 5 quốc gia hàng đầu phải chịu trách nhiệm cho khoảng 13 triệu tấn nhựa được thải ra đại dương/năm. Nhận thức được việc không kiểm soát rác thải nhựa truyền thống sẽ gây hại nghiêm trọng tới môi trường tự nhiên và sức khỏe của con người, từ những năm đầu thế kỷ 20 tới nay, đã có 112 quốc gia trên thế giới quy định cấm sử dụng các loại sản phẩm nhựa không phân hủy sinh học. Ở Việt Nam, Chính phủ đã cam kết cao trong việc loại bỏ các rác thải nhựa..

Với sự phát triển của khoa học công nghệ, ngày nay, con người đã có thể tổng hợp các chất hóa học từ các chế phẩm gốc thực vật có cơ lý tính tương tự và thay thế cho các PE, PP gốc hóa dầu. Các sản phẩm sản xuất từ các vật liệu sinh học này được gọi là sản phẩm nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn (bio-plastics), có khả năng phân hủy 100% trong khoảng thời gian từ 6 đến 12 tháng trong điều kiện tiêu chuẩn. Như vậy, có thể nói, ở Việt Nam cũng như các nước trên thế giới, các sản phẩm nhựa truyền thống sử dụng 1 lần sẽ dần được thay thế bằng các sản phẩm bio-plastics. Do đó nhu cầu các sản phẩm này sẽ tăng cao trong những năm tới đây. Năm bắt được xu thế này, từ một đơn vị 100% xuất khẩu thị trường nước ngoài, trong những năm gần đây APH đã tạo dựng được tiếng vang ở thị trường nội địa. Hướng tới mục tiêu kinh doanh phát triển xanh, APH đã từng bước khẳng định định hướng của mình là đúng đắn với xu thế của thế giới, sản phẩm xanh AnEco™. Sản phẩm AnEco™ đã khẳng định được vị thế tại các thị trường khó tính như châu Âu, Mỹ, Nhật... từ năm 2015 và từ năm 2018 đã được giới thiệu với người tiêu dùng trong nước.

Tuy nhiên, hiện nay việc sản xuất các sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn tại Việt Nam phụ thuộc hoàn toàn vào các nguyên vật liệu nhập khẩu. Vì vậy, nhu cầu tự chủ về nguyên vật liệu sinh học phân hủy hoàn toàn là rõ ràng và cấp bách. Việc đầu tư xây dựng nhà máy nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn tại Việt Nam sẽ không chỉ giúp các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn của Việt Nam thoát khỏi phụ thuộc vào thị trường nhập khẩu, giúp gia tăng cơ hội thâm nhập thị trường sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn của khu vực mà còn thúc đẩy ngành công nghiệp nhựa Việt Nam theo hướng sinh thái hóa, góp một phần vào thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh vì mục tiêu phát triển bền vững quốc gia. Với nhu cầu như trên, APH dự kiến đầu tư **Nhà máy sản xuất nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn công nghệ cao đầu tiên** tại Việt Nam nhằm giải quyết các quan ngại nêu trên.

Giấy tờ pháp lý của dự án

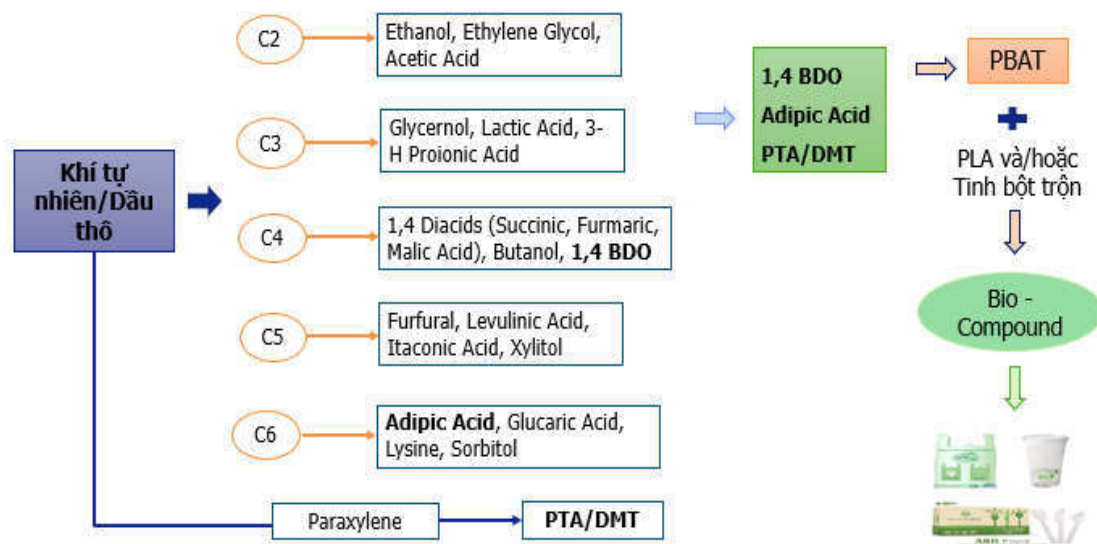
Giấy tờ pháp lý của Dự án PBAT hiện gồm có:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 2811/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 11 năm 2019.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 030301/2020/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 03 năm 2020 về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Đợt 1 và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 300301/2020/NQ-ĐHĐ ngày 30 tháng 03 năm 2020.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 300301/2020/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 03 năm 2020 vv thông qua một số nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phiếu của Công ty.
- Hợp đồng giữ đất số 06/2020/HĐGD ký ngày 14/03/2020 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ.

Sau khi hoàn tất việc thuê cơ sở hạ tầng gắn liền với đất thuê và hoàn thành việc thiết kế nhà xưởng và quy trình công nghệ cho dự án, Công ty sẽ có đầy đủ căn cứ, năng lực, đáp ứng các điều kiện cần thiết để thực hiện Dự án theo quy định pháp luật đầu tư. Công ty cam kết sẽ tiến hành toàn bộ các thủ tục pháp lý cần thiết để xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm đảm bảo thực hiện Dự án theo đúng quy định pháp luật.

Giới thiệu tổng quan về Polybutyrate Adipate Terephthalate (PBAT)

Hình 14. Chuỗi giá trị PBAT



Nguồn: APH-R&D tổng hợp

Khái niệm và nguyên lý sản xuất

Định nghĩa: PBAT (polybutyrate adipate terephthalate) là một polymer tổng hợp dựa trên nguồn nguyên liệu hóa thạch, có khả năng phân hủy sinh học hoàn toàn.

Sản xuất: Sản xuất PBAT từ nguồn nguyên liệu sẵn có sau:



PBAT là thành phần chính để tạo nên nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn như giấy phủ (paper-coating), màng co, màng bám, bao bì xốp, các loại đồ nhựa cần độ cứng cao như cốc uống nước, đồ dùng bàn ăn cũng như các sản phẩm ép phun và ép nóng. Các sản phẩm này sau khi sử dụng có khả năng phân hủy 100% bởi sự tác động của vi khuẩn thành những chất tự nhiên, hòa lẫn vào đất và không gây hại, hoàn toàn thân thiện với môi trường (phân hủy hữu cơ - compostable).

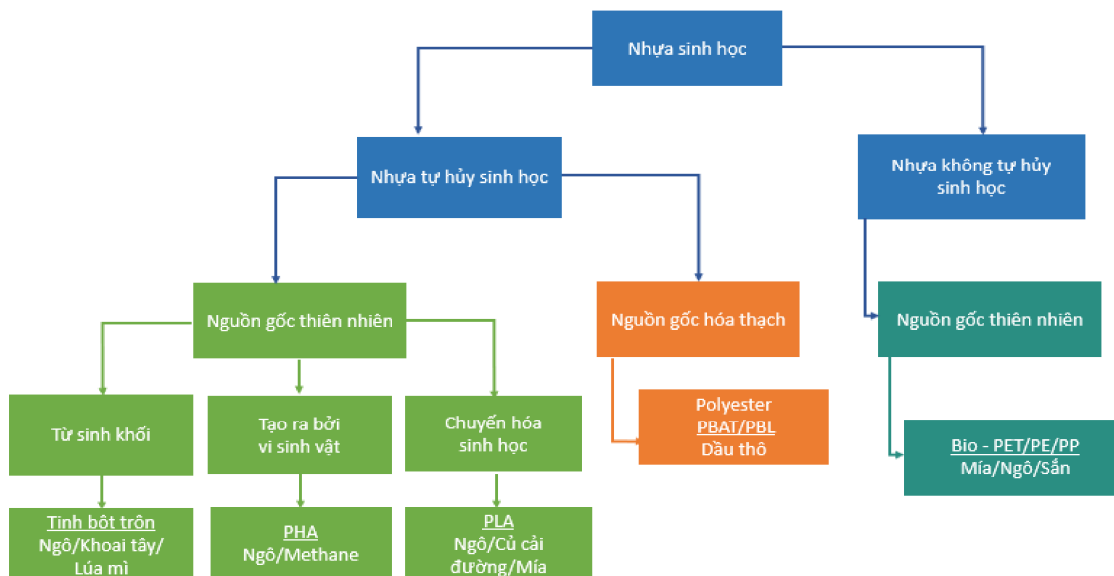
Chuỗi giá trị

1,4 BDO, Adipic Acid, PTA, những nguyên liệu để sản xuất PBAT, là những hóa chất có nguồn gốc hóa thạch (dầu thô hoặc khí tự nhiên).

Từ PBAT, các nhà sản xuất tiếp tục phát triển các loại bio-compound khác nhau, thông qua việc phối trộn PBAT và nguyên liệu sinh học khác như tinh bột và/hoặc Polylactic Acid (PLA) phù hợp cho từng ứng dụng: như túi đựng thực phẩm, túi rác, màng nông nghiệp, đồ dùng một lần, ống hút.

PBAT và nguyên liệu sinh học

Hình 15. Nhóm các loại nhựa sinh học



Nguồn: The Norwegian Environment Agency

Nguyên liệu sinh học – Bio-plastics, không chỉ là một loại vật liệu. Bio-plastics là một “**gia đình vật liệu**” với các tính chất và ứng dụng khác nhau. Theo tổ chức European Bioplastics, vật liệu được xác định là Bio-plastics nếu (1) có nguồn gốc sinh học, và/hoặc (2) có thể phân hủy sinh học.

Có thể chia Bio-plastics thành 03 nhóm:

- Phân hủy sinh học, nguồn gốc sinh học (biodegradable bio-based)
- Phân hủy sinh học, nguồn gốc hóa thạch (biodegradable fossil-based)
- Không phân hủy sinh học, nguồn gốc sinh học (non-biodegradable bio-based)

PBAT thuộc nhóm “Tự hủy sinh học, nguồn gốc hóa thạch”

Ứng dụng

PBAT được sử dụng chủ yếu làm vật liệu trong lĩnh vực đóng gói bao bì mềm (các loại túi nhựa đựng rau củ, túi nhựa shopping, túi rác), nông nghiệp (màng nông nghiệp), coating (cốc giấy có tráng phủ), đồ dùng một lần như khay ăn, cốc, đĩa, dao, thìa, đĩa, ống hút.

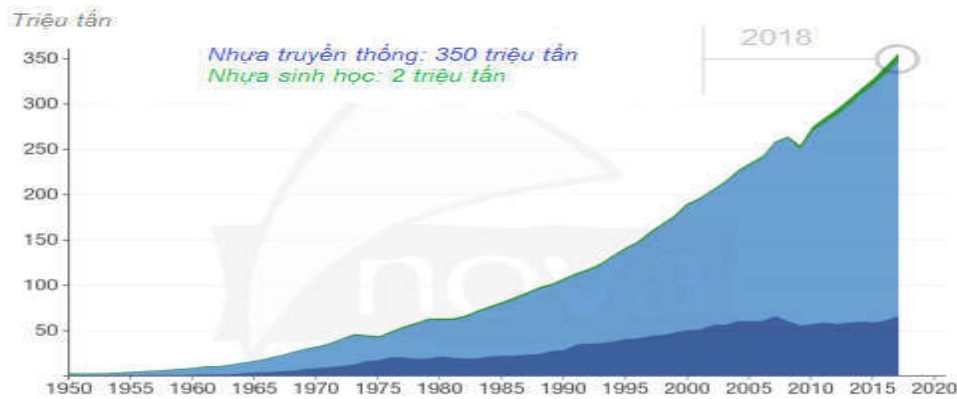
Hình 16. Ứng dụng PBAT vào sản xuất sản phẩm phân hủy sinh học hoàn toàn



Nguồn: Nova Institute, 2018

Thị trường PBAT

Hình 17. Sự phát triển nhu cầu các sản phẩm nhựa sinh học trên thế giới



Nguồn: Nova Institute, 2018

Dung lượng sản xuất nhựa truyền thống năm 2018 đạt khoảng 350 triệu tấn, có tốc độ tăng trưởng thị trường khoảng 5% /năm trong những năm tới. Mặc dù Bio-plastics chiếm một tỉ lệ rất nhỏ, chỉ khoảng 2 triệu tấn, tuy nhiên thị trường được đánh giá tiềm năng, do tăng trưởng trung bình đạt khoảng 9-15%/năm.

Tổng sản xuất thị trường PBAT năm 2018 đạt khoảng 225.000 tấn với các nhà sản xuất chính là BASF (Đức), Novamont (Ý), Zinhui Zhaolong (Trung Quốc), S-Enpol (Hàn Quốc). Thị trường PBAT được đánh giá có tiềm năng tiêu thụ cao, tuy nhiên số nhà sản xuất tham gia thị trường ít do không dễ dàng sản xuất thương mại, không nhiều công ty có thể tự phát triển được công nghệ sản xuất. Trong giai đoạn 2019 – 2024, PBAT là sản phẩm được dự báo có tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng trung bình, khoảng 15 - 25%/năm. Dự báo đến năm 2024, tổng tiêu thụ thị trường PBAT đạt khoảng 450.000 – 700.00 tấn/năm.

Yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến sự tăng trưởng và phát triển của thị trường PBAT là khung pháp lý quy định cấm sử dụng các loại sản phẩm nhựa không phân hủy sinh học (non-biodegradable plastics) đã được Chính phủ của 112 quốc gia trên thế giới thực hiện. Trong tương lai, sẽ có thêm nhiều quốc gia nữa theo đuổi chính sách này và mở rộng phạm vi cấm sử dụng những đồ nhựa có thể gây nguy hại cho môi trường. Ngoài ra, một số yếu tố khác cũng thúc đẩy thị trường Bio-plastics nói chung, thị trường PBAT nói riêng, đó là: nhận thức tăng cao của người tiêu dùng đối với sản phẩm sinh học, thu nhập đang tăng của người dân tại nhóm quốc gia có nền kinh tế mới nổi và tăng trưởng tiêu dùng tại các ngành đóng gói bao bì, nông nghiệp...

Xu hướng phát triển ngành công nghiệp Bio-plastics được đánh giá là sẽ dựa trên **phong trào bảo vệ môi trường**. Với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào tẩy chay đồ nhựa dùng một lần nhằm bảo vệ môi trường, và phù hợp với mô hình kinh tế tuần hoàn đang được nhiều quốc gia theo đuổi, xu hướng giai đoạn này có thể tiếp tục kéo dài từ 10 – 15 năm. Bio-plastics trong giai

đoạn sắp tới được định hình trên thị trường không phải là một sản phẩm có nhu cầu thiết yếu, hay là sản phẩm thay thế nhựa truyền thống, mà dường như Bio-plastics mang trọng trách như là một giải pháp giải quyết vấn đề rác thải nhựa và ô nhiễm môi trường.

Địa điểm thực hiện dự án

Tiêu chí ưu tiên lựa chọn

Việc lựa chọn địa điểm đầu tư dự án được cân nhắc dựa trên các yếu tố và mức độ ưu tiên được tổng hợp ở bảng sau đây:

Bảng 32. Các tiêu chí lựa chọn địa điểm đầu tư

STT	Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Mức độ ưu tiên lựa chọn
1	Thuận lợi giao thông kết nối nội bộ	Hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy và hàng không thuận lợi	Trung bình
2	Thuận lợi giao thông kết nối thương mại quốc tế	Có cảng biển, cảng hàng không quốc tế	Cao
3	Thuận lợi giao thông kết nối với hệ sinh thái sản xuất của APH	Khoảng cách từ địa điểm đặt dự án tới trụ sở APH/Cụm nhà máy tại Hải Dương: trong vòng 1h lái xe	Trung bình
4	Thuận lợi hành chính	Cơ chế 1 cửa, thủ tục thuận tiện, PAPI, PCI và PAR thuộc nhóm cao	Cao
5	Tính phù hợp	Phù hợp định hướng phát triển CN của địa phương Dự án có ý nghĩa đóng góp lớn; Đồng thuận của địa phương	Cao

Nguồn: APH

Vị trí đề xuất

Hình 18. Lợi thế liên kết đường bộ và đường biển của Hải Phòng



Như đã đề cập, đây là Dự án đặc thù cần có sự kết nối hạ tầng giao thông quan trọng giữa vị trí nhà máy bằng đường bộ cũng như hệ thống cảng biển. Do vậy Nam Đình Vũ - Hải Phòng là địa phương được cân nhắc cao nhất, với các lý do như sau:

Hải Phòng là thành phố ven biển, nằm phía Đông miền duyên hải Bắc Bộ, cách thủ đô Hà Nội 102 km, phía Bắc và Đông Bắc giáp Hải Phòng, phía Tây Bắc giáp Hải Dương, phía Tây Nam giáp Thái Bình và phía Đông là bờ biển chạy dài theo hướng Tây Bắc – Đông Nam từ phía Đông đảo Cát Hải đến cửa sông Thái Bình. Là nơi hội tụ đầy đủ các lợi thế về đường biển, đường sắt, đường bộ và đường hàng không, giao lưu thuận lợi với các tỉnh trong cả nước và các quốc gia trên thế giới. Do có cảng biển, Hải Phòng giữ vai trò to lớn đối với xuất nhập khẩu của vùng Bắc Bộ. Cảng biển Hải Phòng cùng với sự xuất hiện của cảng Cái Lân (Hải Phòng) với công suất vài chục triệu tấn tạo thành cụm cảng có quy mô ngày càng lớn góp phần đưa hàng hoá của Bắc bộ đến các vùng của cả nước và quốc tế.

Với khả năng xây dựng cảng cửa ngõ và sân bay quốc tế, Hải Phòng có triển vọng phát triển theo hướng là thành phố Quốc tế theo các tiêu chuẩn mới nhất của Tổ chức GaWC. Việc phát triển Hải Phòng theo xu thế của các thành phố lớn có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ với các nước bằng đường biển và đường hàng không sẽ tạo sức lôi cuốn, thu hút các nguồn lực, các Tập đoàn kinh tế lớn, đa Quốc gia, các tổ chức quốc tế đến với Hải Phòng..

Ngoài ra, năm 2019 Hải Phòng đứng thứ 16/63 về chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh PCI, chỉ số cải cách hành chính công (PAR Index) của thành phố năm 2018 xếp thứ 5/63, chỉ số hài lòng đối với sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2018 của thành phố đạt 90,86%. Đặc biệt, ngày 24/1/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 45 "về xây dựng, phát triển thành phố Hải

Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045", với mục tiêu xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là động lực phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Bộ và cả nước.

Tất cả những yếu tố trên hoàn toàn phù hợp và là lợi thế cạnh tranh đối với dự án sản xuất nguyên liệu tự hủy công nghệ cao PBAT có quy mô hàng đầu tại Việt Nam cũng như trong khu vực. Thông qua việc triển khai, dự án sẽ góp phần tạo công ăn việc làm tay nghề cao từ nguồn lao động địa phương, thu hút nguồn lao động chất lượng cao từ nước ngoài vào vận hành và chuyển giao công nghệ đồng thời giúp nâng cao mặt bằng công nghệ của địa phương cũng như của quốc gia; góp phần thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh và bền vững.

Việc lựa chọn đầu tư và xây dựng nhà máy sản xuất nguyên liệu sinh học PBAT tại Nam Đình Vũ – Hải Phòng là phù hợp nhất, đem lại không chỉ hiệu quả về kinh tế cho Tập đoàn mà còn có giá trị, ý nghĩa đóng góp to lớn vào việc cùng thành phố Hải Phòng thực hiện xanh hóa các hoạt động sản xuất công nghiệp, góp phần vào việc phát triển công nghiệp nhưng không đánh đổi lợi ích kinh tế và môi trường địa phương. Việc thực hiện thành công dự án này sẽ trở thành hình mẫu phát triển CN xanh cho thành phố Hải Phòng.

Quy mô dự án

Quy mô sản xuất

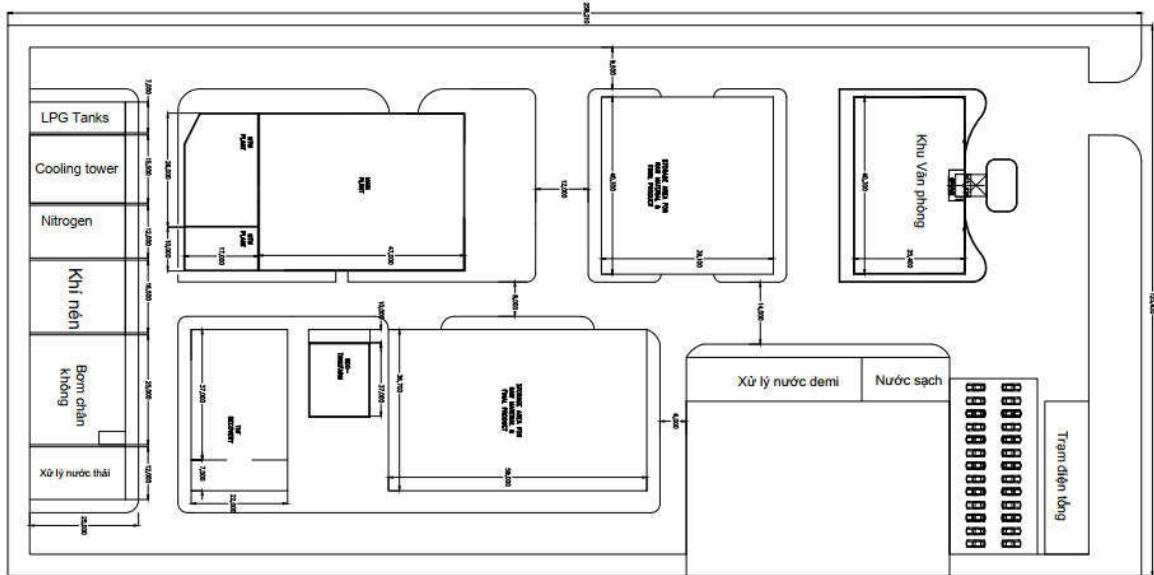
Trong dự án này, sản phẩm và quy mô sản phẩm mà An Phát dự định đầu tư sản xuất cụ thể như sau:

- Sản phẩm chính: Vật liệu sinh học tự hủy PBAT
- Công suất dự kiến: 20.000 tấn/năm

Quy mô xây dựng

Dự án xây dựng nhà máy PBAT dự kiến được đặt tại Hải Phòng. Công ty đã ký hợp đồng giữ đất với Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Sao Đỏ để giữ lô đất ký hiệu CN5-04, diện tích 4 ha, diện tích nhà xưởng dự kiến 2.1 ha. Bố trí mặt bằng dự kiến của nhà máy được thể hiện như sau:

Hình 19. Dự kiến bố trí mặt bằng của nhà máy



Quy mô vốn

Tổng mức đầu tư của dự án là: 1.490,13 tỷ đồng (tương đương 64,09 triệu USD theo tỷ giá hối đoái 1 USD = 23.250 VND (tạm tính theo tỉ giá ngày 12/09/2019 của ngân hàng CP Ngoại Thương Việt Nam), với các phân bổ dự kiến như sau:

Bảng 33. Dự kiến phân bổ đầu tư

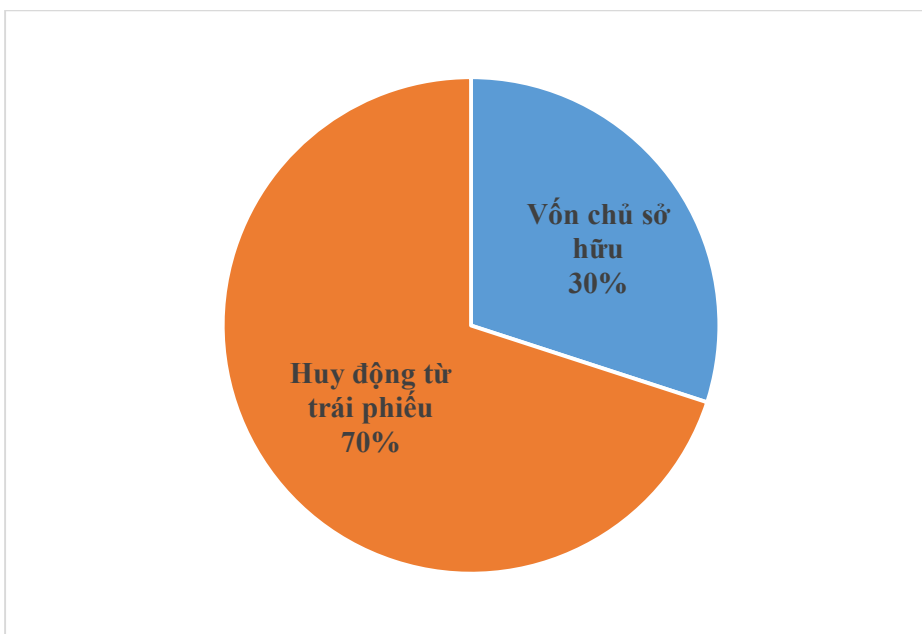
STT	Hạng mục	Triệu VND	USD
1	Nhà xưởng	161.739	6.956.522
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	60.652	2.608.696
	<i>Xây dựng nhà xưởng</i>	101.087	4.347.826
2	Máy móc, thiết bị sản xuất	1.251.176	53.814.000
	<i>Dây chuyền sản xuất</i>	930.000	40.000.000
	<i>Bản quyền công nghệ & thiết kế</i>	232.500	10.000.000
	<i>Thiết bị phòng Lab</i>	42.176	1.814.000
	<i>Thiết bị khác</i>	46.500	2.000.000
3	Vốn lưu động năm đầu & Dự phòng	77.220	3.321.291

Tổng vốn đầu tư	1.490.135	64.091.813
------------------------	------------------	-------------------

Nguồn: APH

Tổng vốn đầu tư được huy động trên cơ sở vốn điều lệ do các cổ đông của nhà đầu tư góp và trái phiếu. Công ty không huy động vốn từ vốn vay ngân hàng, do vậy không có cam kết cấp hạn mức tín dụng của ngân hàng. Chi tiết được thể hiện qua biểu đồ sau:

Hình 20. Cơ cấu nguồn vốn dự án



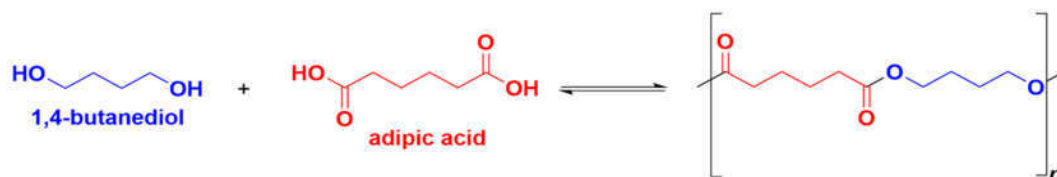
Trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ cân nhắc điều chỉnh tiến độ dự án và huy động nguồn vốn vay ngân hàng, các tổ chức tài chính hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp.

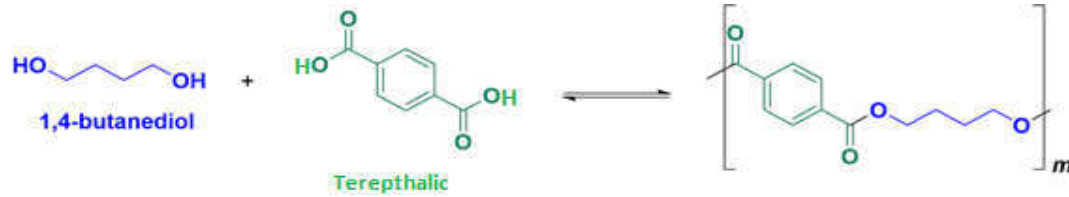
Lựa chọn công nghệ

Phương thức tổng hợp PBAT

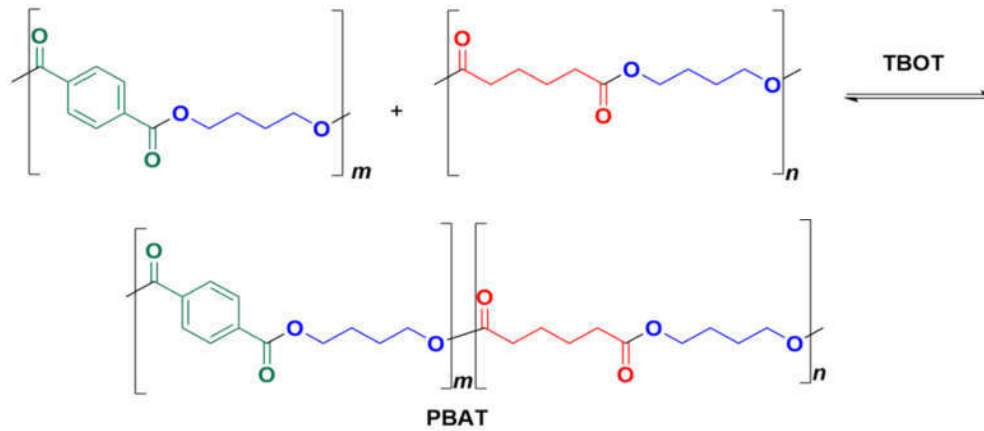
Lựa chọn nguyên liệu chính sử dụng cho tổng hợp PBAT bao gồm (Axit Terephthalic tinh khiết (PTA), Axit Adipic (ADA) và 1,4 Butadiol (1,4 BDO)). Cơ chế phản ứng như sau:

1,4 BDO (gốc rượu) phản ứng với PTA, ADA (gốc axit hữu cơ) hình thành các ester (công nước)





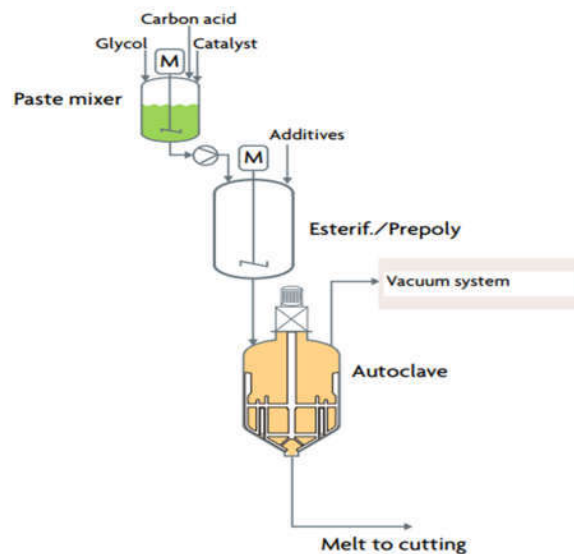
Quá trình trùng ngưng các monomer kết hợp với nhau tạo thành chuỗi Polymer



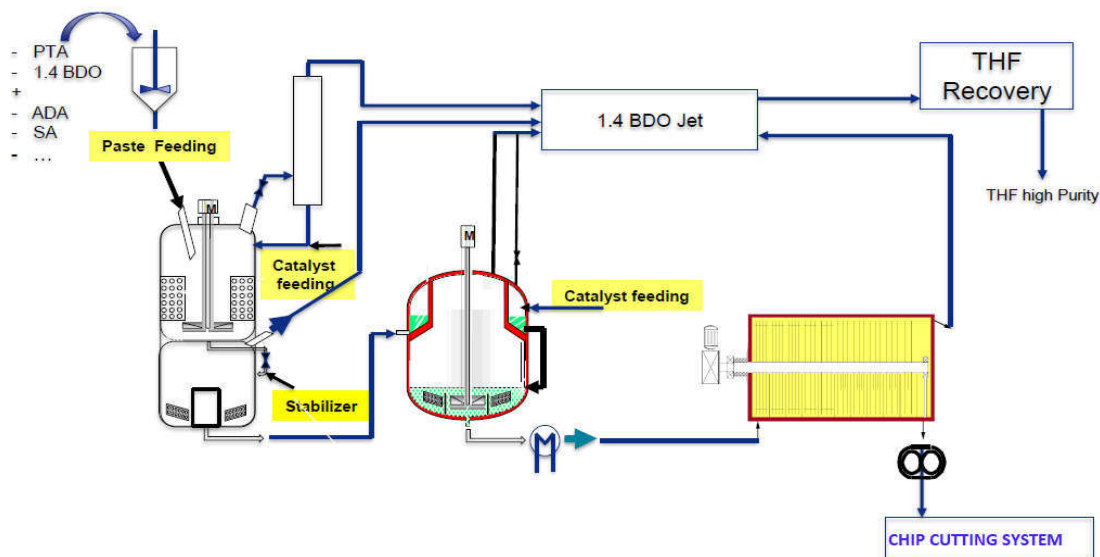
Đây là một hợp chất cao phân tử với cấu trúc ngẫu nhiên, bởi vì không có sự kiểm soát sự phân tán các phân tử trong chuỗi polymer. Nếu coi A = polyester của adipic acid, B = polyester của PTA với 1,4-butadiol, thì lúc đó chuỗi polymer sẽ giống như: AABABBABA hoặc ABABABBBBA, không có sự lựa chọn giữa A và B trong cấu trúc

Các công nghệ sản xuất PBAT hiện có trên thế giới

Hình 21. Sơ đồ công nghệ sản xuất PBAT theo mẻ



Hình 22. Sơ đồ công nghệ sản xuất PBAT liên tục



Hiện nay trên thế giới có nhiều các nhà cung cấp công nghệ sản xuất polyester nói chung và công nghệ tổng hợp PBAT nói riêng, điển hình như: Technip-Zimmer (CHLB Đức), Uhde Inventa Fisher (CHLB Đức), Hitachi (Nhật Bản) hay Dupont (Mỹ).

Với nền tảng khoa học hiện đại và kinh nghiệm tích lũy từ các nhà máy polyester đã được xây dựng, các nhà cung cấp công nghệ này có thể cung cấp những công nghệ nhỏ và vừa từ công suất chỉ vài tấn sản phẩm/ngày tới những nhà máy công suất lên đến vài nghìn tấn sản phẩm/ngày. Các quá trình công nghệ có thể diễn ra liên tục trong một thời gian vận hành dài mà không cần bảo dưỡng (2 đến 3 năm vận hành).

Hiện nay có hai công nghệ điển hình bao gồm:

- Công nghệ sản xuất theo mẻ (Batch Process)
- Công nghệ sản xuất liên tục (Continuous Process)

Hai công nghệ này đều có các đặc điểm riêng biệt và tùy theo nhu cầu của người sử dụng mà có thể chọn cho phù hợp

Bảng 34. So sánh sơ bộ các công nghệ sản xuất PBAT

Tiêu chí	Công nghệ sản xuất liên tục	Công nghệ sản xuất theo mẻ
Công suất thiết kế	Phù hợp với công suất lớn (> 50 tấn/ngày)	Công suất nhỏ (<20 tấn/ngày)

Chất lượng polymer	Chất lượng polymer tốt và đồng đều.	Chất lượng có sự sai lệch giữa các mẻ sản xuất.
Chi phí đầu tư	Đòi hỏi chi phí đầu tư lớn, công nghệ, máy móc hiện đại.	Chi phí vừa phải, phù hợp với các dự án công suất vừa và nhỏ.
Chi phí vận hành	Ít tổn thất về năng lượng nên chi phí vận hành thấp hơn. Hiệu suất ~ 98%.	Có tổn thất năng lượng do sản xuất gián đoạn. Hiệu suất ~ 94%.
Vận hành	Đòi hỏi hệ thống được duy trì ổn định cao, nếu mất ổn định lượng sản phẩm hạ cấp lớn.	Khả năng cô lập, cách ly sản phẩm dễ dàng hơn khi có vấn đề về chất lượng.

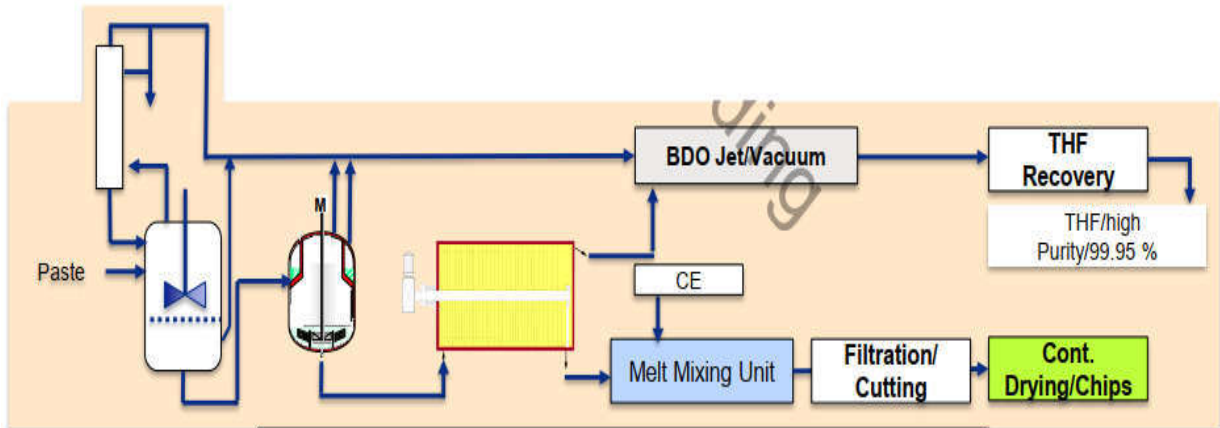
Nguồn: APH

Công nghệ sử dụng cho dự án

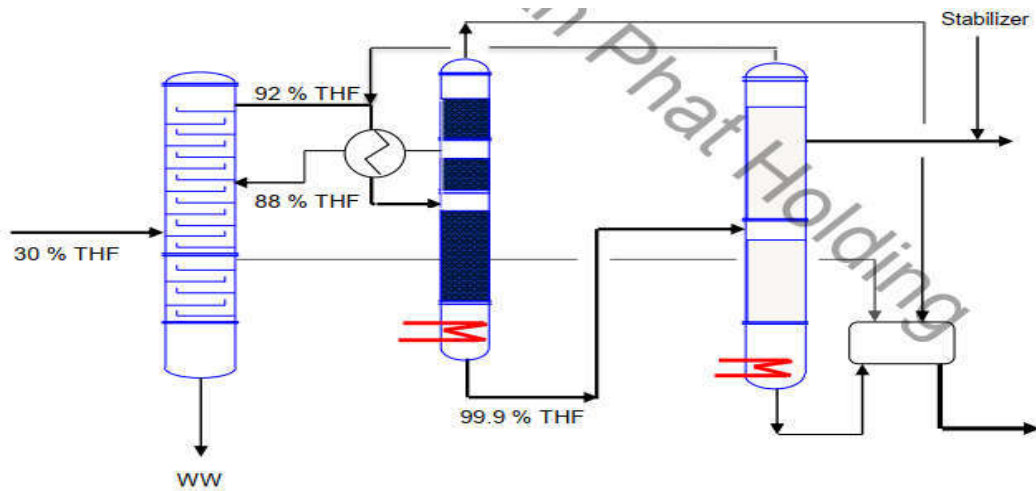
Căn cứ vào đặc thù của dự án PBAT với công suất 20.000 tấn/ năm và dựa trên cơ sở so sánh về các dạng công nghệ hiện có trên thế giới thì công nghệ sản xuất liên tục (Continues Process) là phù hợp nhất cho dự án. Do vậy chọn lựa chọn công nghệ sản xuất liên tục của Technip-Zimmer với 2 dây chuyền sản xuất, công suất mỗi dây chuyền là 30 tấn/ngày, dựa trên các ưu điểm sau:

- Zimmer theo đuổi thiết kế dây chuyền gọn gàng dựa trên cơ sở điều kiện phản ứng (nhiệt độ, chân không) không quá khắc nghiệt và thời gian lưu dài giúp sinh ra ít sản phẩm phụ và màu sắc polymer đẹp hơn.
- Dòng chảy sản phẩm đơn giản trong thiết bị phản ứng dạng tháp
- Tận dụng được lượng hơi BDO tạo ra trong quá trình Este hóa để tạo áp suất chân không trong hệ thống thiết bị phản ứng giúp tiết kiệm năng lượng
- Zimmer đã có các nhà máy sử dụng công nghệ của họ với chất lượng sản phẩm cao.
- Đánh giá cơ bản không có tác động môi trường do phần nước thải từ hệ thống công nghệ sẽ được gom, xử lý đủ điều kiện cấp vào hệ thống xử lý nước thải chung của khu công nghiệp. Phần khí thải off-gas sẽ được đưa vào lò đốt để xử lý và tận dụng nhiệt của hydrocacbon.
- Việc phòng cháy chữa cháy được thiết kế đầy đủ với các họng chữa cháy và hệ thống vòi phun tại các khu vực được lựa chọn của nhà máy. Các yêu cầu khác tùy theo tiêu chuẩn địa phương và các tiêu chuẩn thông thường.

Hình 23. Sơ đồ công nghệ sản xuất PBAT của Zimmer



Hình 24. Sơ đồ công nghệ thu hồi sản phẩm phụ THF của Zimmer

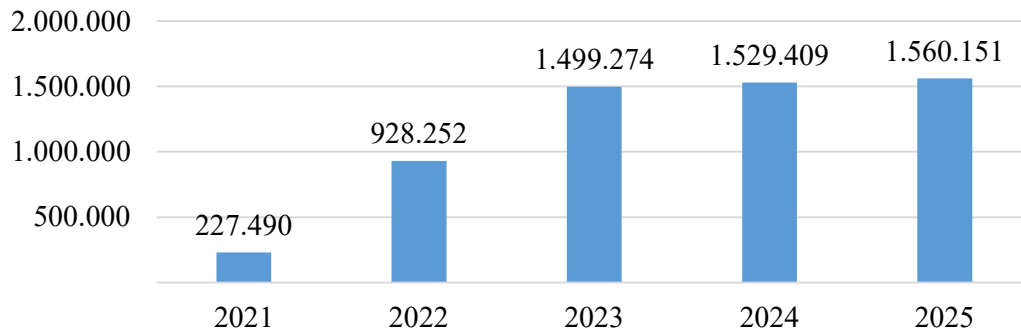


Hiệu quả dự án

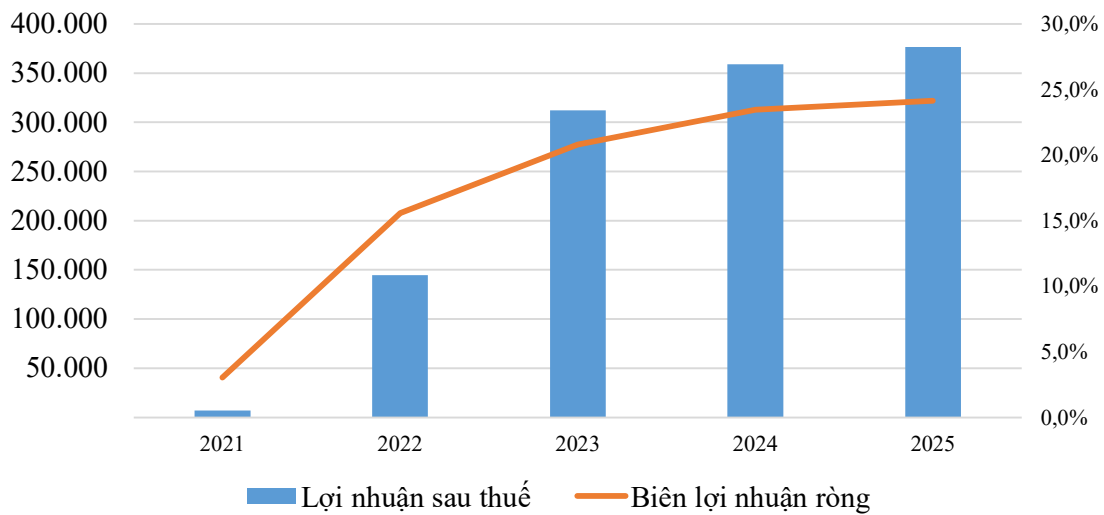
Hiệu quả kinh tế

Với tổng vốn đầu tư ước tính là 1.490,13 tỷ đồng dự án mang lại hiệu quả kinh tế như sau:

Hình 25. Doanh thu dự kiến của dự án (Đơn vị tính: Triệu VND)

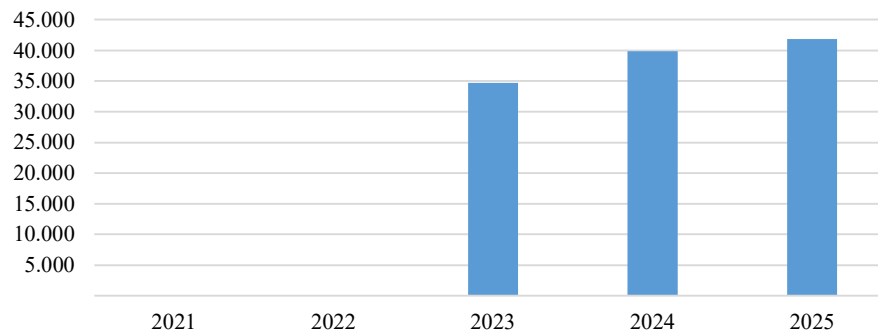


Hình 26. Lợi nhuận dự kiến của Dự án



Lợi nhuận thu được từ dự án trong năm đầu tiên sản xuất ước tính khoảng 6,9 tỷ VNĐ, tương đương với doanh thu gần 227,5 tỷ VNĐ. Từ năm 2023 đến hết năm kết thúc dự án, khi dây chuyền chạy 100% công suất, doanh thu dự kiến đạt hơn 1.500 tỷ VNĐ và lợi nhuận thu được mỗi năm trên 300 tỷ VNĐ.

Hình 27. Dự kiến đóng góp ngân sách của Dự án



Mặt khác, dự án mang lại nguồn thu lớn cho địa phương, góp phần cho sự phát triển kinh tế của Hải Phòng nói riêng và Nhà nước nói chung khi mức thuế thu nhập doanh nghiệp phải đóng vào ngân sách Nhà nước trong giai đoạn 2021 – 2025 dự kiến bình quân khoảng 30-40 tỷ/năm.

Hiệu quả xã hội

Dự án nhà máy sản xuất nguyên liệu tự hủy PBAT là dự án sản xuất công nghệ cao, với hàm lượng chất xám đóng vai trò quan trọng. Để vận hành nhà máy với tổng mức đầu tư trên 64 triệu đô la Mỹ cần 35-40 nhân sự chất lượng cao. Trong đó nhân sự vận hành trực tiếp khoảng 30 người, chiếm hơn 85% tổng cơ cấu. Với đặc thù công nghệ cao, dự án cần nhân sự tham gia được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực hóa polymer cũng như vận hành thiết bị hóa công.

Dự án có thể được đánh giá là cơ hội việc làm cho một số lượng nhất định nhân sự có chuyên môn chuyên ngành hóa dầu, polymer, tự động hóa, hoặc một số chuyên ngành liên quan tương tự.

Hơn thế nữa, dự án cũng mang đến một phần các việc làm gián tiếp. Từ đó mang lại những hiệu quả tích cực đến tạo công ăn việc làm cho Hải Phòng.

Hiệu quả môi trường

Dự án dự kiến sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Quy trình sản xuất đảm bảo khép kín, tối ưu hóa vòng nguyên vật liệu, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên như nước, điện năng.

Các chất thải rắn, lỏng phát sinh trong quá trình sản xuất được xử lý đúng tiêu chuẩn và an toàn đối với môi trường.

Đặc biệt, việc sản xuất nguyên liệu PBAT có tác động to lớn đối với việc loại trừ rác thải nhựa. Các sản phẩm đầu cuối có khả năng phân hủy hoàn toàn thành đất và nước trong điều kiện tiêu chuẩn. Có thể tính lượng CO₂ phát thải gián tiếp giảm xuống thông qua việc cho phép sản xuất thay thế sản phẩm nhựa truyền thống bằng các sản phẩm tự hủy thân thiện với môi trường. Theo báo cáo “*Environmental impact assessment of six starch plastics focusing on wastewater-*

derived starch and additives”, việc thay thế mỗi kg nguyên vật liệu gốc dầu truyền thống bằng 1kg nguyên liệu PBAT giúp cắt giảm ~1,1kg CO₂, do vậy, khi nhà máy vận hành 100% công suất ở mức 20.000 tấn/năm, sẽ giúp cắt giảm 22.000 tấn CO₂, tương đương với khả năng hấp thụ CO₂ của 110.000 ha rừng (gấp 5 lần diện tích rừng quốc gia Cúc Phương).

Hiệu quả công nghệ

Dự án dự kiến sử dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến nhất trên thế giới. Ngoài ra, dự án còn có đội ngũ đông đảo chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực đến từ Hàn Quốc, đóng vai trò tư vấn, giám sát, đào tạo, cũng như tham gia kỹ thuật vận hành. Có thể nói dự án nhà máy sản xuất nguyên liệu tự hủy PBAT như một chiếc cầu nối, thúc đẩy công tác chuyển giao công nghệ từ các nước tiên tiến như Châu Âu, Hàn Quốc tới Việt Nam.

Các tác động khác

Với việc triển khai xây dựng nhà máy sản xuất nguyên liệu sinh học phân hủy PBAT công nghệ cao đầu tiên tại Việt Nam, dự án dự kiến đóng góp một phần đáng kể trong việc giảm dòng chảy ngoại tệ ra nước ngoài thông qua giảm nhập khẩu nguyên liệu sinh học phân hủy PBAT từ Châu Âu, Hàn Quốc, cũng như các nước khác vào Việt Nam.

Không chỉ vậy, sự xuất hiện của một dự án sản xuất nguyên liệu xanh thân thiện với môi trường còn là điểm tựa vững chắc, thúc đẩy các ngành sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thân thiện với môi trường khác tại Hải Phòng nói riêng cũng như trên toàn Việt Nam nói chung. Trong bối cảnh vấn đề bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác hại của sản phẩm nhựa sử dụng một lần đang được Đảng và nhà nước, cũng như người dân và thị trường quan tâm, đây là một điểm sáng mang đến giá trị tích cực.

Tất cả tạo nên hiệu ứng cộng gộp, tăng lợi thế cạnh tranh khu vực, đồng thời thúc đẩy ngành công nghiệp xanh, góp phần vào phát triển bền vững.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ là đơn vị tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – chi nhánh Hà Nội đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings cũng như lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Về lĩnh vực sản xuất nhựa, hai công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings là AAA và NHH đều đã có vị thế vững chắc trong ngành. Về sản xuất bao bì nhựa, AAA là công ty Việt Nam có quy mô sản xuất lớn nhất. Về nhựa kỹ thuật, NHH đã chế tạo được hàng trăm chủng loại sản phẩm nhựa kỹ thuật cao và có tệp khách hàng rộng lớn đến từ các Tập đoàn đa quốc gia toàn cầu.

Về chiến lược kinh doanh, công ty bắt kịp xu thế và đáp ứng kịp thời nhu cầu của người tiêu

dùng về các sản phẩm tự hủy. Công ty cũng nhận thấy nhu cầu về nguyên vật liệu nhựa phân hủy sinh học rất cấp thiết và đã lên kế hoạch đầu tư xây dựng nhà máy nguyên vật liệu nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn công nghệ cao. Chúng tôi đánh giá chiến lược kinh doanh này là phù hợp với xu thế thị trường.

Tuy vậy, mức tăng doanh thu là 26,38% là một thách thức đối với Ban lãnh đạo của Công ty, đặc biệt là trong bối cảnh tình hình dịch bệnh CoVID-19 đang có ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế toàn cầu. Công ty cần phải có những biện pháp quản lý sát sao về mọi mặt để đảm bảo việc đạt được kế hoạch kinh doanh đã hoạch định.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 300301/NQ-ĐHĐ ngày 30/03/2020 thông qua việc tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ phương án phát hành tăng vốn điều lệ dự kiến sẽ được thực hiện sau khi hoàn thành đợt tăng vốn Đợt 1 và hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

- Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings.
- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: Tối đa 15.700.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị mệnh giá cổ phiếu dự kiến chào bán: 157.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy tỷ).
- Hình thức phát hành: Chào bán cho cổ đông hiện hữu và/hoặc chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược.
- Số đợt phát hành: Ủy quyền cho HĐQT quyết định số đợt phát hành, số lượng phát hành của từng đợt và hình thức phát hành của từng đợt phù hợp với tình hình thực tế.
- Giá phát hành: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định giá phát hành phù hợp tại thời điểm phát hành nhưng trong mọi trường hợp, giá phát hành không

được thấp hơn 25.000 đồng/cổ phần và giá trị sổ sách trên 1 cổ phần theo Báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất

- Thời gian chào bán dự kiến: Ủy quyền cho HĐQT quyết định.
- Phương thức xử lý số cổ phiếu không bán hết: Toàn bộ số cổ phiếu chưa phân phối hết trong quá trình chào bán sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng do HĐQT lựa chọn theo giá không thấp hơn 25.000 đồng/cổ phiếu và giá trị sổ sách trên 1 cổ phần theo Báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất
- Hạn chế chuyển nhượng:
 - Đối với số lượng cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu: Tự do chuyển nhượng.
 - Đối với cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược và/hoặc số cổ phiếu không phân phối hết, HĐQT phân phối lại: Bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 300301/2020/NQ – ĐHĐCĐ ngày 30/03/2020 thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Phương án phát hành cụ thể như sau:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 142.377.339 cổ phiếu, trong đó:
 - Số cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết: 128.262.459 cổ phiếu
 - Số cổ phiếu ưu đãi: 14.114.880 cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 50.000 cổ phiếu
7. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 500.000.000 đồng (bằng chữ: Năm trăm triệu đồng)
8. Giá phát hành dự kiến: 25.000 đồng
9. Giá trị cổ phiếu phát hành theo giá dự kiến: 1.250.000.000 đồng
10. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số cổ phiếu phổ thông): 0,034%
11. Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)
12. Đối tượng phát hành: Là cán bộ, công nhân viên của Công ty theo danh sách do Hội đồng quản trị phê chuẩn

13. Mục đích phát hành: Đợt Phát hành Cổ phiếu theo chương trình Lựa chọn cho người lao động Công ty năm 2020 – ESOP 2020 được tiến hành với các mục tiêu sau đây:
 - Ghi nhận giá trị đóng góp của người lao động tại Công ty, làm nền tảng để gắn bó lâu dài, góp phần phát triển ổn định và bền vững Công ty.
 - Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển toàn Công ty trong các năm tiếp theo.
 - Toàn bộ số tiền thu được sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Dự kiến 1.250.000.000 đồng.
14. Chuyển nhượng quyền mua cổ phần: Không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần
15. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
16. Phương thức xử lý số cổ phiếu không thực hiện đăng ký mua: Số lượng cổ phiếu dôi ra do người được quyền mua không đăng ký mua hết (nếu có) sẽ do Hội đồng quản trị quyết định chào bán tiếp cho cán bộ nhân viên khác trong Công ty và nhà đầu tư bên ngoài, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức giá chào bán cho cán bộ công nhân viên được quyền mua trong phương án.
17. Thời gian thực hiện: Trong năm 2020 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
18. Sửa đổi Điều lệ Công ty: Sửa Khoản 2 Điều 6 mục IV. “Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập” cập nhật số vốn điều lệ theo kết quả của từng đợt phát hành.
19. Phê duyệt việc đăng ký/đăng ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
20. Phê duyệt việc đăng ký niêm yết/đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
21. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty triển khai, điều chỉnh phương án phát hành (nếu thấy cần thiết) và triển khai các thủ tục liên quan đến đợt phát hành, cụ thể như sau:
 - Quyết định thời điểm cụ thể để thực hiện việc phát hành;
 - Quyết định tổng số cổ phần ESOP phát hành trong năm 2020 trong phạm vi số cổ phần đã được phê duyệt nêu trên;
 - Công bố rõ các tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng;
 - Lựa chọn và quyết định chọn tổ chức tư vấn phát hành/công ty chứng khoán tư vấn cho Công ty trong đợt phát hành;

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành UBCKNN. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành (bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu UBCKNN và các cơ quan chức năng khác);
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty để ghi nhận phân vốn điều lệ, cổ phiếu mới theo kết quả thực tế của việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- Triển khai và phê duyệt các hồ sơ cần thiết để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm nêu trên tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh về vốn điều lệ theo kết quả của đợt phát hành nêu trên với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Chỉ đạo, kiểm soát, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các nội dung nêu trên.

Kế hoạch phát hành trái phiếu

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 300301/2020/NQ – ĐHĐCĐ ngày 30/03/2020 thông qua kế hoạch phát hành trái phiếu. Phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cụ thể như sau:

- Loại hình: Trái phiếu không chuyển đổi và/hoặc Trái phiếu không chuyển đổi kèm chứng quyền và/hoặc Trái phiếu chuyển đổi và/hoặc Trái phiếu hoán đổi thành cổ phiếu công ty con của APH
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ trực tiếp cho nhà đầu tư hoặc thông qua đại lý phát hành
- Mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu
- Số lượng phát hành: Tối đa 800.000 trái phiếu
- Giá trị phát hành: Tối đa 800.000.000.000 đồng (Tám trăm tỷ đồng) theo mệnh giá
- Giá phát hành: Bằng 100% mệnh giá
- Hình thức trái phiếu: Bút toán ghi sổ, có phát hành giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu
- Loại tiền tệ phát hành và thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)

- Số đợt phát hành: Một hoặc nhiều đợt phát hành. Ủy quyền cho HĐQT quyết định trên cơ sở đàm phán và thỏa thuận với các nhà đầu tư.
- Kỳ hạn: Ủy quyền cho HĐQT quyết định trên cơ sở đàm phán và thỏa thuận với các nhà đầu tư.
- Lãi suất: Ủy quyền cho HĐQT đàm phán và thỏa thuận mức lãi suất phù hợp với tình hình thị trường và khả năng tài chính của Công ty.
- Phương thức thanh toán gốc và lãi trái phiếu: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đàm phán với các nhà đầu tư
- Nguồn vốn thanh toán gốc, lãi trái phiếu: Nguồn tiền mặt được ghi nhận trên báo cáo tài chính và các nguồn thu hợp pháp khác từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.
- Thời điểm phát hành: Dự kiến 2020
- Đối tượng chào bán: Dưới 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư để chào bán:
 - a. Các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có năng lực về tài chính;
 - b. Có tỷ lệ sở hữu sau khi mua; thực hiện chuyển đổi và thực hiện Chứng quyền phù hợp với quy định của pháp luật.
- Mua lại: Trừ trường hợp pháp luật có liên quan không cho phép, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành.
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quy định chi tiết các điều khoản mua lại, thời điểm, cách thức mua lại Trái phiếu.
- Hoán đổi trái phiếu: Trừ trường hợp pháp luật có liên quan không cho phép, Tổ Chức Phát Hành có quyền hoán đổi Trái phiếu để cơ cấu danh mục nợ.

- Cam kết của Tổ Chức Phát Hành đối với chủ sở hữu Trái Phiếu Công ty cam kết thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của Trái phiếu
- Tổ chức tư vấn và đại lý phát hành (nếu có): Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn và quyết định
- Trường hợp phát hành Trái phiếu chuyển đổi Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định về tỷ lệ chuyển đổi, thời hạn chuyển đổi, giá chuyển đổi, biên độ biến động giá cổ phiếu (nếu có), điều chỉnh giá chuyển đổi, điều khoản chống pha loãng và các điều khoản cần thiết khác phù hợp với quy định của pháp luật. Trong mọi trường hợp, giá chuyển đổi không thấp hơn 25.000 đồng/cổ phiếu.
- Trường hợp phát hành Trái phiếu hoán đổi thành cổ phiếu công ty con của APH Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định cổ phiếu hoán đổi; tỷ lệ hoán đổi, thời hạn hoán đổi, giá hoán đổi và các điều khoản cần thiết khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- Trong trường hợp phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị đàm phán và công bố giá thực hiện chứng quyền, thời điểm thực hiện quyền cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền và các điều khoản cần thiết khác của trái phiếu kèm chứng quyền phù hợp với quy định của pháp luật. Trong mọi trường hợp, giá mua cổ phiếu không thấp hơn 25.000 đồng/cổ phiếu.

Cam kết bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, ban lãnh đạo Công ty đã bầu bổ sung thành viên công 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Công ty cam kết sẽ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất đáp ứng theo đúng quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu niêm yết

Không có

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu niêm yết

Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết là 132.562.459 cổ phiếu phổ thông.

Số lượng chứng khoán đã phát hành nhưng chưa được niêm yết: 14.114.880 cổ phiếu.

Lý do chưa niêm yết: đây là các cổ phiếu ưu đãi cổ tức.

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

Hạn chế chuyển nhượng do cam kết của người nội bộ: 14.696.000 cổ phiếu, trong đó 14.696.000 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 7.348.000 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong vòng 06 tháng tiếp theo.

STT	Họ và tên	Chức vụ	06 tháng kể từ ngày niêm yết	1 năm kể từ ngày niêm yết
Hội đồng quản trị				
1.	Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	4.300.000	2.150.000
2.	Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	2.850.000	1.425.000
3.	Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	2.850.000	1.425.000
4.	Đình Xuân Cường	Thành viên HĐQT	2.000.000	1.000.000
5.	Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	500.000	250.000
6.	Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT	1.500.000	750.000
7.	Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT	696.000	348.000
Ban Tổng Giám đốc				
1.	Đình Xuân Cường	Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT	Đã trình bày ở trên	

STT	Họ và tên	Chức vụ	06 tháng kể từ ngày niêm yết	1 năm kể từ ngày niêm yết
2.	Phạm Đỗ Huy Cường	Phó Tổng giám đốc thường trực kiêm thành viên HĐQT	Đã trình bày ở trên	
3.	Nguyễn Thị Tiệp	Phó Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT	Đã trình bày ở trên	
Ban kiểm soát				
1.	Phạm Thị Hoa	Trưởng BKS	0	0
2.	Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên	0	0
3	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên	0	0
Kế toán trưởng				
1.	Hồ Thị Hòe	Kế toán trưởng	0	0
Giám đốc tài chính				
1.	Phạm Đỗ Huy Cường	Giám đốc tài chính	Như trên	
Người đại diện theo pháp luật				
1.	Đình Xuân Cường	Người đại diện theo pháp luật	Như trên	
Người được ủy quyền CBTT				
1.	Phạm Thị Nguyệt	Người được ủy quyền CBTT	0	0
Tổng cộng			14.696.000	7.348.000

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019

Giá trị sổ sách được tính như sau:

Giá trị sổ sách một cổ phần = $\frac{\text{Vốn chủ sở hữu – Giá trị cổ phiếu ưu đãi - lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số cổ phần phổ thông đang lưu hành}}$

Số cổ phần phổ thông đang lưu hành

Chỉ tiêu	Khoản mục	Giá trị (VND)
Vốn chủ sở hữu	(1)	4.063.099.816.493
Giá trị cổ phiếu ưu đãi	(2)	141.148.800.000
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành	(3)	128.262.459
Số cổ phiếu quỹ	(4)	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(5)	1.957.163.785.522
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	(6) = (3) – (4)	128.262.459
Giá trị sổ sách		15.318 đồng/cổ phần

Giá trị thị trường - tính theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này giá trị một cổ phiếu APH được xác định theo công thức:

$$P (P/E) = \text{EPS (x) P/E bình quân của ngành}$$

Trong đó:

EPS: Thu nhập của một cổ phiếu thường (đồng/cổ phiếu)

P (P/E): Giá trị một cổ phiếu được tính theo phương pháp P/E

EPS = Lợi nhuận sau thuế/Số lượng cổ phiếu thường đang lưu hành

P/E: Chỉ số giá trên thu nhập một cổ phiếu

Để tính P/E bình quân của ngành, Công ty sẽ căn cứ vào P/E của các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành, có quy mô gần với quy mô hoạt động và đặc điểm kinh doanh tương tự với APH đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

STT	Tên Công ty	Mã CK	P/E
1	CTCP Nhựa Bình Minh	BMP	8,75
2	CTCP Thuận Đức	TDP	17,84
3	CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	NTP	8,47
4	CTCP Nhựa Tận Đại Hưng	TPC	9,62
Trung bình cộng			11,17

Nguồn: APH tổng hợp

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 của APH: EPS = 3.433 đồng/cổ phiếu

⇒ **Giá cổ phiếu = EPS x P/E bình quân = 38.344 đồng/cổ phiếu**

Giá thị trường – tính theo phương pháp P/B

Theo Phương pháp này giá trị một cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings được xác định theo công thức:

$$P (P/B) = BV (x) P/B \text{ bình quân của ngành}$$

Trong đó:

BV: Giá trị sổ sách một cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)

P (P/B): Giá trị một cổ phiếu được tính theo phương pháp P/B

P/B: Chỉ số giá trên giá trị sổ sách cổ phiếu

Để tính P/B bình quân của ngành, Công ty sẽ căn cứ vào P/B của các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành, có quy mô gần với quy mô hoạt động và đặc điểm kinh doanh tương tự với APH đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán:

STT	Tên Công ty	Mã CK	P/B
1	CTCP Nhựa Bình Minh	BMP	1,50
2	CTCP Thuận Đức	TDP	1,98
3	CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	NTP	1,35
4	CTCP Nhựa Tân Đại Hưng	TPC	0,60
Trung bình cộng			1,36

Nguồn: APH tổng hợp

Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty là 15.318 VNĐ/cổ phiếu.

⇒ **P (P/B) = 27.734 đồng/cổ phần.**

STT	Phương pháp	Giá trị	Tỷ trọng
1	Phương pháp P/E	38.344	50%
2	Phương pháp P/B	27.734	50%
Bình quân		33.039	100%

Căn cứ đề xuất mức giá niêm yết

Ngày 22/06/2020, Công ty đã chào bán cổ phần ra công chúng thông qua đấu giá tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thành công, với mức giá đấu thành công bình quân 50.018 VNĐ/cổ phiếu.

Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 090701/2020/NQ-HDQT ngày 09/07/2020 về mức giá tham chiếu trong phiên giao dịch đầu tiên, trong đó mức giá tham chiếu được xác định là giá bình quân giữa mức 33.039 VNĐ/cổ phiếu theo giá thị trường nêu trên và mức 50.018 VNĐ/cổ phiếu theo giá đấu thành công bình quân nêu trên.

Mức giá bình quân là:

$$(33.039 + 50.018)/2 = 41.529 \text{ (VNĐ/cổ phiếu)}$$

Công ty đề xuất mức giá tham chiếu trong phiên giao dịch đầu tiên là 41.500 VNĐ/cổ phiếu để phù hợp với đơn vị yết giá của SGDCK TP.HCM.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài. Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu trên vốn điều lệ APH của nhà đầu tư nước ngoài tính đến 07/07/2020 là 45,55%, tương ứng với 66.810.880 cổ phiếu.

Căn cứ Khoản 2 Điều Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác hoặc thuộc các trường hợp quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP. Hiện tại các ngành, nghề đầu tư kinh doanh của Công ty không có điều kiện áp dụng tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo tra cứu của doanh nghiệp cụ thể như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài
1	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật)	6619 (Chính)	100%
2	Hoạt động tư vấn quản lý	7020	100%
3	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản	6820	100%

4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu, sản phẩm nhựa, hạt nhựa, bao bì nhựa Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt	4669	100%
5	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212	100%
6	Sản xuất sợi nhân tạo	2030	100%
7	Sản xuất sợi	1311	100%
8	Sản xuất vải dệt thoi	1312	100%
9	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313	100%
10	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013	100%
11	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211	100%
12	Ghi chú: <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Pháp luật và bảo đảm duy trì điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. - Đối với ngành nghề kinh doanh có mục “Ghi chú”, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh trong mục “ghi chú” đã ghi. - Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và chỉ kinh doanh các ngành nghề khi có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan cũng như các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. 	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam	100%

Theo ủy quyền của ĐHCĐ tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 300301/2020/NQ-ĐHĐ,

Công ty đã tiến hành các thủ tục để điều chỉnh các ngành nghề kinh doanh có điều kiện với nhà đầu tư nước ngoài và nâng tỷ lệ sở hữu tối đa trong Công ty lên 100%. Ngày 19/05/2020 Công ty đã nhận được Công văn số 3362/UBCK-PTTT từ UBCK thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại APH là 100%.

Công ty xin cam kết về việc chấp hành đúng tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1 Đối với Công ty

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính” thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ là 20%.

b. Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là: 10%

7.2 Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).

Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.

Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.

Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0.1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.

Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0.1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Kỳ tính thuế:

Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.

Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm

Điện thoại: +84 24 3831 5100

Website: www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3936 6321

Fax: (84-4) 3936 6318

Website: www.ssi.com.vn

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**
- 2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty**
- 3. Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết**
- 4. Phụ lục V: Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 và 2019; Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2020**
- 5. Các phụ lục khác.**

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

TỔNG GIÁM ĐỐC 

ĐINH XUÂN CƯỜNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM ÁNH DƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG




HỒ THỊ HÒE

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



PHẠM THỊ HOA

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
GIÁM ĐỐC KHÔI - KHÔI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ 



NGUYỄN NGỌC ANH